

SỐ 1816

KIM CƯƠNG BÁT-NHÃ LUẬN HỘI THÍCH

Đời Đường, ngài Khuy Cơ biên soạn.

QUYỂN THƯỢNG

Bộ này chia làm ba phần:

- 1- Kính Đại sư nêu lên ý sở thích luận này .
- 2- Chia khảo tông nghĩa, giải thích văn kinh.
- 3- Than tiếc cho pháp sâu xa bị chôn vùi.

Trong phần một: Ba bài tụng chia ra làm hai: Hai bài rưỡi. Đầu là

Qui kính Đại sư, nửa bài tụng sau nêu lên ý sở thích luận này . Trong phần một lại chia làm hai. Hai bài tụng đầu nói riêng về Tam bảo, nửa bài tụng sau lễ chung bậc Đại sư. Trong phần đầu lại chia làm hai: Một bài tụng rưỡi đầu chỉ quy theo Pháp, nửa bài tụng sau là quy theo kính Phật và Tăng. Trong phần kính Pháp chia ra làm ba: Nửa bài tụng đầu khen ngợi Phật pháp công đức thần lực của . Vì xuất hiện ở đời bằng báo thân hóa thân để nói về Pháp thân. Nửa bài tụng kế là khen ngợi Phật pháp sâu xa mầu nhiệm, vì lý lẽ ngay theo thẳng đều giáo ngộ kẻ mê. Nửa bài tụng sau khen ngợi Phật pháp mầu nhiệm. Vì văn lược mà nghĩa rộng uy theo thế vượt trội. Bậc có trí chính là Phật. Nhân nghe rồi mà nói cho ta nghe chính là Bồ-tát Từ Thị. Luận về kệ của Thiên Thân do Bồ-tát Di-lặc nói cho ngài Vô Trước, ngài Vô Trước trao cho Thiên Thân vì muốn cho Thiên Thân soạn luận để giải thích . Thiên Thân soạn kệ rằng:

*Cú nghĩa, pháp môn và thứ lớp.
Thế gian vô trí không thể hiểu
Chỉ bậc Đại trí hiểu pháp ta.*

Di-lặc đích thân dạy theo Vô Trước, Vô Trước dạy theo lại Thiên Thân. Nhờ ruộng Phước qui kính mà giáo lý được phổ biến rộng khắp. Nhưng nói ba câu kệ này là vì đã dựa vào kinh và khả năng của mình mới nói được những điều cần nói, dạy theo nương vào những nghĩa y, tôn kính là đứng đầu, thâm nhiếp tất cả những thứ khác.

Kế là chia khoa tông nghĩa, giải thích văn kinh chia làm hai: Đầu tiên là nói bảy theo câu, trình bày theo cương yếu rộng lớn. Sau là Đức Thế tôn làm thế nào để được vắng lặng, giải thích lại văn trước, giải thích ngọn nguồn của Huyền Tông văn đầu tiên lại có hai: Trước là nêu bảy theo câu nói lên đại ý của toàn bộ, phần sau giải thích văn phối trước, những điểm tồn tại trong văn kinh, các danh nghĩa được nêu rõ ràng, giải thích danh cú để dạy giải thích nghĩa gọi là câu cú nghĩa, vì câu mang đầy theo đủ ý nghĩa. Hoặc nghĩa là cái được giải thích, văn là cái có khả năng giải thích vì văn tùy nghĩa đều có bảy. Gọi là câu bảy theo nghĩa “ vì như văn như nghĩa đều có bảy. Nếu dựa theo câu pháp môn nghĩa và thứ lớp pháp môn cú nghĩa của ngài Thiên Thân thì nghĩa của câu gọi là câu nghĩa hoặc chỉ nói là nghĩa. Trong phần nêu bảy theo cú nghĩa chia làm hai: Đầu tiên nêu ra bảy theo câu, sau là nói bảy theo câu cú khác. Trong văn đầu có ba: Một là nêu kệ là trình bày theo và sau là giải thích kết luận. Trong bảy theo thì sáu điều trước là nghĩa được vì là việc của Bồ-tát. Câu Địa thứ bảy theo là câu có khả năng giải thích năng nghĩa cú. Hai là giải thích nghĩa cú: Đều có khả năng giải thích. Trong sáu câu trước thì ba câu đầu là nói theo thứ lớp, ý nghĩa được phân dứt sau là nói ba trụ xứ rõ ràng, đối trị với những cố chấp ở trong đạo. Không mất trung đạo đã tu. Địa là biệt vị của hai pháp này gọi chung là trụ xứ vì là chỗ nương cho nhân phát tâm Đại thừa nên gọi riêng là Địa. Các pháp hữu lậu, vô lậu trong địa vị kia sinh ra thuận theo địa vị đó, gọi là Biệt thắng pháp, có khả năng giữ gìn không mất, gọi đó là Địa. Làm chỗ nương chỗ dừng có cả các pháp thì gọi là Trụ. Biệt pháp có công năng giữ gìn, có công năng sinh ra gọi là Địa, là hai điều khác nhau.

Phần sau giải thích văn trước, xếp đặt những điều có trong văn kinh chia làm bảy theo vì giải thích tùy trước nêu. Hạt giống Phật không bị cắt đứt có hai nghĩa: Một là nói Phật có khả năng khéo thâm nhiếp, khéo phó chúc. Thiện hiện nêu lời thưa hỏi, thỉnh Phật cho mọi

nhân nghe nói pháp, giúp cho các Bồ-tát nương vào đó tu học được nối tiếp hạt giống Phật, không bị cắt đứt. Phần sau của luận sẽ giải thích vì có sáu nguyên nhân. Thiện Hiện thưa hỏi để cho hạt giống Phật không bị cắt đứt. Hai là nói Phật có khả năng khéo nhiếp phục, khéo phó chúc giúp cho các Bồ-tát được nhiếp phục, được phó chúc là dựa vào địa vị của mình mà tu, do đó Phật có thể giúp cho nối tiếp hạt giống, không để cắt đứt. Cho nên luận kết thúc rằng: Hai loại khéo nhiếp phục, phó chúc này đã nói lên hạt giống Phật không bị cắt đứt. Cho nên kinh chép rằng: Dạy theo phát tâm Bồ-đề giúp cho hạt giống Phật không đứt tức là đây.

Văn lại chia làm bốn: Một là nêu hạt giống Phật không cắt đứt là đại cương của hỏi đáp, nghĩa lớn của Huyền tông. Hai là nêu riêng cách phối hợp văn. Ba là giải thích từng câu hỏi. Bốn là kết thành từ những câu hỏi trước. Ý hỏi đáp trong toàn bộ kinh đều là muốn làm cho hạt giống Phật không đứt vì có hỏi mới có đáp. Đầu tiên theo những tác phẩm nổi tiếng cho nên kể đến là chỉ riêng ra, căn cứ vào câu hỏi thì trong đây đầu tiên là nêu chung thật nghĩa của luận, cho nên nói: Bát-nhã làm cho hạt giống Phật không đứt mà được lưu hành ở đời.

Trong phần phối hợp văn riêng, ít có thay Thế tôn ý là nêu khen chung. Còn phần Như lai về sau là nói riêng. Khen ngợi ít có có ba nghĩa: Một là vì có khả năng nhiếp phục phó chúc, Phật trở thành ít có chứ người khác không thể được. hai lâu lắm ngài mới xuất hiện một lần, trong nhiều kiếp không thể thấy. ba là Phước đức trí tuệ của Ngài sinh ra cõi nước trang nghiêm không ai bằng, trong đây Thế tôn là danh hiệu thứ mười, Như lai là danh hiệu đầu tiên, ở cuối bao gồm cả đầu, lược bỏ phần trung gian, cho nên đoán rằng: Cho đến Như lai Ứng Chánh Đẳng Giác do nêu cái cuối lược bỏ phần sáu ở giữa, cho đến phần đầu có ba, văn còn lại đều lược bỏ vì không phải là lời chí cực. Về mười hiệu, như Du-Già quyển tám mươi hai giải thích. Lại bản luận này nhắc lại kinh rằng: Vì sao Như lai dùng khéo nhiếp phục bậc nhất v.v... nói “ trong bản kinh không có lại vì sao” ở đây muốn khen Phật ít có, khéo nhiếp phục mới nói là vì sao. Lại thành hỏi Phật, chẳng phải ngữ từ khen ngợi rất trái nghịch. Khéo nhiếp phục v.v... là: năng đoán rằng nói tối thắng để nhiếp thọ, văn khác chỉ nói là khéo hộ niệm, văn sau sẽ khai mở. Đệ nhất và thiện, hai nghĩa khác nhau. Từ Tối Thắng đây theo đủ hai nghĩa là: thiện và nghĩa có công năng nhiếp thọ pháp phần sau luận sẽ tự giải thích. Giải thích thích từng câu hỏi rằng: Trong đó khéo nhiếp phục... là hợp kinh và hai luận, nhiếp phục phó chúc có sáu

nghĩa: Một là có công năng nhiếp phục phó chúc: Như lai chỉ ở quả vị. Luận Du-già quyển ba mươi bảy. Nói khéo thành tựu có sáu: Một là Thắng giải thích hành địa Bồ-tát. Hai là Tịnh thắng ý lạc địa Bồ-tát, bà là Hành chánh địa Bồ-tát, bốn là Tùy quyết định địa Bồ-tát, năm là Quyết định hạnh địa Bồ-tát, sáu là Đáo cứu cánh địa Bồ-tát.

Những thứ đó là ở nhân vị, đây là nói quả vị, nói tất cả các quả vị thâu đạt các pháp sâu xa mâu nhiệm vì các quả vị khác không thể đạt được. Lại ở đây, nói Pháp Vương: Khi Phật còn tại thế và khi Phật nhập diệt có khả năng thành thực, cho nên không trái nhau.

(720) Hai nhân được nhiếp phục, phó chúc, đó là chỗ thành tựu của Bồ-tát có chung bốn thừa, thực hành hai thứ hạnh, có cả ba thừa còn lại vì những vị khác không có khả năng đó, chỉ có Bồ-tát này, hai kinh văn trên có nói.

Bà lúc nhiếp phục, phó chúc: Trong đây nói: Bấy giờ, lúc Đức Phật chứng Chánh giác, xoay theo bánh xe pháp dùng pháp Bồ-tát thừa trong năm nghĩa để hóa độ các căn cơ đã thuần thực, gọi đó là khéo nhiếp. Lúc Phật Niết-bàn cũng dùng năm nghĩa giáo hóa để nhiếp thọ Bồ-tát, gọi là khéo phó chúc.

Bốn loại nhiếp phục phó chúc: Ngài Thiên Thân nói rằng: Khéo nhiếp phục hóa độ các căn cơ đã thuần thực, khéo phó chúc hóa độ các căn cơ chưa thuần thực. Trong đây hai thời điểm đều hóa độ các căn cơ đã thuần thực, giải thích nghĩa của hai luận giống nhau. Trong đây ý muốn nói: các Bồ-tát căn cơ đã thuần thực, lúc mới thành đạo Phật tự nhiếp thọ giúp nương vào giáo pháp tu hành, vâng giữ lời dạy theo của Phật. Khi nhập diệt, Phật không còn thì không thể nhiếp phục phó chúc, nhưng dùng Phật pháp phó chúc cho các căn cơ đã thuần thực giúp, cho các căn cơ chưa thuần thực thọ lãnh ở những vị kia, gọi là khéo phó chúc, cho nên ở đây nói: Các Bồ-tát đã được nhiếp thọ lúc Phật diệt độ cũng bằng năm nghĩa dựng lập, chứ chẳng phải hai thời đều dùng năm pháp Bồ-tát dựng lập những vị đã thuần thực, gọi là khéo phó chúc. Cho nên hai luận giống nhau. Nếu Phật tự nhiếp phục phó chúc cho Bồ-tát chưa thuần thực, thì yếu kém cho nên ẩn Hoặc ở đây nói: Gặp Phật đều được thuần thực nên gọi là khéo nhiếp thọ. Sau khi Phật diệt độ, Ngài sai đệ tử độ các căn cơ chưa thuần thực, gọi là khéo phó chúc, không gây trở ngại gì. Cho nên kinh chép: Nhân khéo nhiếp thọ nhờ có lợi ích vô thượng, nhân khéo phó chúc nhờ có giáo pháp vô thượng. Hai giải thích trong hai luận khác nhau. Ở đây dựa vào hai thời đều y theo căn cơ thuần thực để nhiếp phục, phó chúc. Những nhân được Phật giáo

hóa, trong tương lai sẽ có khả năng giáo hóa. Những nhân căn cơ chưa thuần thực, thì không thể giáo hóa ngay theo cho nên lược qua không nói. Những nhân kia nương vào một lúc nào đó trong tương lai, hai thứ Năng hóa và Sở hóa dùng để phân chia nhiếp phục và phó chúc mỗi nghĩa đều có khác nhau. Những cái không làm trong cái kia thì cái này liền giải thích. Về năm pháp được nhiếp phục, hóa độ, luận chép: Trong năm nghĩa, pháp Bồ-tát được dựng lập, hoặc có chỗ giải thích là pháp Bồ-tát trong năm thừa pháp. Nếu vậy theo thì vì sao gọi là năm nghĩa, không gọi là năm thừa, tức là pháp phó cho chúc cho năm thừa, như thế vì sao nói nhiếp phó Bồ-tát? Nay có hai giải thích. Một là: giải thích lại ngọn nguồn lớn trong Huyền tông ở trước, giải thích Bồ thí là: Từ đây về sau, ở những trụ xứ khác, có năm thứ tùy sở tương ứng để giải thích: Một là theo nghĩa, hai là nói tướng, ba là nhiếp trì, bốn là an lập, năm là nói lên. Tức là những điều nói lý sự hai ý, hai môn thiện ác trong kinh, pháp do Bồ-tát tu được mà dứt là pháp được nhiếp phó trong hai thời Phật còn tại thế. Hai là: Trong bảy theo nghĩa cú ở trước, pháp Bồ-tát được nói trong năm cú nghĩa sau, hai môn trước là hỏi, năm môn sau là Phật đáp, là pháp có công năng nhiếp phục, phó chúc nói trong chánh văn. Thiên Thân giải thích pháp có công năng nhiếp phục, phó chúc rằng: Hộ niệm là nhiếp thọ, nhiếp thọ căn cơ thuần thực, có hai: Một là do năng lực trí tuệ mà tự thành tựu Phật pháp, hai là do năng lực giáo hóa rất đại bi giúp cho nhiếp thọ chúng sinh. Sau khi phó chúc, luận ấy có hai: Một là giải thích chung rằng: Các căn cơ chưa thuần thực, công đức chưa đầy theo đủ, sợ bị lui sụt, giao phó cho nhân hiểu biết có hai giải thích riêng: Những nhân đã được tâm không lui sụt vì không bỏ Đại thừa, các giáo pháp được phó chúc này gọi là các pháp đã được trước Trụ thứ sáu trong Thập trụ. Chưa được không lui sụt, đối với Đại thừa vì muốn tiến lên cho nên pháp được phó chúc này là pháp chưa đạt được sau Trụ Địa thứ bảy. Trong đây nêu chung các Bồ-tát căn cơ đã thành thực được trụ trong địa vị không lui sụt sau Thất Trụ. Bồ-tát chưa thuần thực ở sáu Trụ trước có thể lui sụt. Luận Du-già chép: Có thể thuần thực có sáu thứ trụ. Lại địa vị thắng giải thích hạnh cũng có khả năng thuần thực tức là trụ ở trụ Địa thứ bảy theo trong đây là những vị khéo được nhiếp thọ. Trụ thứ sáu trở xuống là những vị được phó chúc trong đây. Do địa vị có thể lui sụt nên làm cho không bỏ Đại thừa, vì đã nhiếp phục phó chúc, lại ý này nói rằng: Không bỏ Đại thừa định tánh, chẳng phải không bỏ địa vị. Nếu giải thích như thế thì trong Thập tín từ tín thứ sáu trở xuống gọi là căn cơ chưa thuần thực. Chỉ tin Đại thừa

vì chưa có quyết định, tâm thứ sáu trở lên gọi là căn cơ đã thuần thực, vì tin một cách chắc chắn. Lại , vì không có các tà định hoàn toàn chưa tin nên gọi là căn cơ chưa thuần thực, như còn đứng ở bên ngoài. Nếu sanh tín tâm gọi là căn cơ đã thuần thực, tức là đã vào bên trong. Cho nên Du-già chép : Nhân thành tựu thông đạt thắng giải thích hạnh trên đây chỉ nói ba vị hai thứ. Ở Sơ địa, Địa thứ tám hai thứ chứng và hành, hai vị lui sụt và không lui sụt cũng nên phân biệt vì trên giáo hóa dưới, dưới vâng lời trên. Văn sau nói đã thành tựu có ba phẩm. Những nhân được nhiếp phục, phó chúc thuộc hai thứ nói ở đây phải nên biết. Sáu tướng được nhiếp phục, phó chúc trong phần hạ quyển này , tương ứng lợi lạc có sự khéo nhiếp phục. Phần một có sáu thứ, phần phó chúc thứ hai cũng có sáu thứ, sau này sẽ giải thích .

Trong sáu nghĩa trước văn kinh có hai: Một là nhân có khả năng nhiếp phục phó chúc, hai là nhân được phó chúc. Luận của ngài Vô Trước có hai toàn, phần một thiếu phần. Hai toàn phần là: Một là lúc nhiếp thọ phó chúc, hai là tướng được nhiếp thọ phó chúc. Một thiếu phần là Pháp được nhiếp thọ, phó chúc. Luận của ngài Thiên Thân có một toàn một thiếu phần. Một toàn phần là loại được nhiếp thọ, phó chúc. Một thiếu phần là pháp được nhiếp thọ phó chúc. Hai luận đều giải thích nhiếp thọ, phó chúc là nói chung. Để giải thích bốn thứ chung thành sáu nghĩa. Luận Thiên Thân dùng một bài tụng để tụng nghĩa văn trước nói các Bồ-tát Địa. Bồ-tát đã thành tựu có ba phẩm, kiếp đầu tiên gọi là Hạ phẩm, kiếp thứ hai gọi là Trung phẩm, kiếp thứ ba gọi là Thượng phẩm. Ở trước ba phẩm gọi là vị thuần thực.

Hai, là phát khởi hành tướng. Phát khởi xong, thực hành gọi là Bát-nhã hành giải, tức là thể của tuệ gọi Tướng, vì vô tướng cho nên chẳng phải là tướng trạng như mười sáu hành thì tuệ được gọi là . Ba lần hỏi đều nhờ tuệ mà có hành tướng. Lời Phật đáp là tuệ có hành tướng. Nay vì nêu lên câu hỏi nên gọi là phát khởi hành tướng, có công năng làm cho Phật nói, vì là hành tướng của tuệ. Hoặc ba câu hỏi này đều hỏi về việc tu, thể trạng của hành gọi là hành tướng. Trong đó tu tuệ tuy là gọi chung nhưng vẫn được tên mình, gọi riêng là tu hành. Nếu giải thích theo trước tuy các Phước trí đều có vô vi, v.v..., là các pháp được tu nhưng tuệ là thể của Bát-nhã, cho nên được gọi như vậy. Nếu giải thích theo cách sau, theo hữu vi, vô vi thì chẳng phải hành, liền thành lỗi lớn. Vì hỏi Hữu vi hành, Vô vi tự chứng vì sao không có lỗi. Do lý này được nói về cho nên giải thích ở trước có căn cứ. Văn có ba: Một là chỉ văn, hai là giải thích, ba là kết thúc. Văn thứ hai có hai: Đầu tiên là nói

chung, sau là giải thích riêng. Dục là cầu. Đầu tiên, cùng là mong cầu nguyện là suy theo nghĩ, sau là dục. Nguyện dùng dục, thắng giải thích (721) làm thể, nhập vào các pháp lành. Dục là căn bản. Căn bản gọi là Chánh cầu. Kế là sinh Thắng giải thích gọi là Dục tư niệm. Thể của dục và nguyện có cả hai tuệ văn và tu. Tuệ Tam-ma-Bát-để Hán dịch là Đăng chí, chỉ có định không bị phân tán, không có ở hữu tâm, vô tâm. Ở đây chỉ lấy định vô phân biệt, không có tán loạn và vô tâm. Chánh tu tuệ pháp tương ứng với Đăng chí. Ba tuệ tương ứng với định vô phân biệt, gọi đúng Tam-ma-địa là Hán dịch Đăng trì. Có phân biệt sinh ra giác ngộ như thật, tuy trụ trong Tán vị nhưng chẳng phải vô phân biệt, cũng không sinh chấp bình thường nhiếp niệm, có ở cả địa vị Đăng trì và Đăng chí gọi là hàng phục tâm. Văn sau chép: Vừa xem luận này, văn trong đây rõ ràng, xem ý văn, đầu tiên là nhất văn tư, kế là nhất tu tuệ, cuối cùng là nhất giả buông lòng sinh tâm. Lại tìm cách nhập định chế ngự tâm một chỗ. Không có việc gì không làm được. Cho nên luận giải thích tên kinh: dưới đây thì Năng Đoạn là những điều được dứt do văn, tư, tu thuộc Bát-nhã Ba-la-mật, như chỗ cắt Kim Cương mà cắt. Do đây văn, tư đều chiết phục gọi là Năng Đoạn. Lại, trong tu vị, khi học thắng tuệ, đầu tiên là chứng đắc bình đẳng tánh của tâm, kế là chứng được tâm tánh chánh trực của. Cuối cùng chứng được của vô công dụng trụ củ tâm. Cho nên là ba câu hỏi. Kết thúc rằng: Thứ nhất là nói về việc nhiếp đạo, vì nhiếp phục được nhân để họ tu hành. Thứ hai là nói thành thực đạo, vì ở địa vị tu tuệ. Thứ ba là nói về bất thất đạo, vì không gây theo tội lỗi. Chính là giải thích đây nói. Lại đầu tiên là gia Hạnh Đạo, kế là Vô Gian giải thích thoát đạo. Cuối cùng là Thắng tiến đạo. Nhưng trong nhân không có quả vị Phật, trong Tín hạnh địa cả ba đều Hữu Lộ, Địa thứ tám trở xuống Sơ địa trở lên đều có hữu lộ, vô lộ. Địa thứ tám trở lên chỉ thuần là vô lộ. Không khuyến khích gia hạnh vì có nhậm vận gia hạnh. Phát khởi niềm tinh tấn vượt trội, tức là trong một niệm bên ngoài thực hành ngữ cũng không buông lung cho nên ở đây có ba. Hoặc một sát-na chân tục đều dùng. Mỗi sát-na đều có ba nhậm vận hân hoan, quán sát bình đẳng bên trong. Bên ngoài khởi biến hóa. Nhưng trong luận Thiên Thân đầu tiên phải trụ tâm vào sâu nhớ nghĩ chúng sinh, kế là tu hành tâm Bồ-đề, cuối cùng hàng phục, nhằm chán xa lìa hữu vi. Lại ba câu hỏi này, đầu tiên là nhân ân đức, kế là nhân của trí đức, cuối cùng là nhân đức dứt. Tức là do hóa thân, pháp thân, báo thân này cũng lần lượt dứt ác tu thiện, độ thoát chúng sinh. Phần đầu này gọi là nhiếp đạo, vì nhiếp thọ chúng sinh. Kế là thành

thực đạo, vì tu theo Phật pháp. Kế nữa là đạo bất cộng vì lìa tất cả ác. Vừa xem luận này, dùng văn tư tu để giải thích, đầu tiên hai bên hình như có khác nhau, không lìa tu tuệ, có ba thứ này cho nên không trái nhau. Nhưng theo Bồ-tát Địa, đầu tiên trả lời có ba trì nghĩa là các Bồ-tát tự nương vào chủng tánh là trì kham nhiệm thứ nhất, lấy đây làm chỗ nương để chứng được đại Bồ-đề, phát tâm đầu tiên là gia hạnh trì thứ hai vì nương vào đây tu hành sẽ chứng hạnh Bồ-đề một cách tròn đầy. Tất cả Bồ-đề phần, tất cả muôn hạnh được tu là sở tròn đầy đại Bồ-đề trì. Thứ ba cho nên không có chủng tánh thì không gọi là trì. Các chủng tánh ấy tuy chưa phát tâm nhưng bậc thánh cho kia là hơn. Nếu Luận Thiên Thân, đáp riêng ba câu hỏi, văn trước văn sau có khác, vì đầu tiên năng trì. Có thể khởi tâm Bồ-đề, có sơ trụ vấn, vì có năng trì phát khởi tu hành riêng có đệ nhị tu hành, vì có năng trì thứ ba. Chứng được đại Bồ-đề, có phục tâm. Thứ ba hoặc là văn của ngài Thiên Thân giống như ở đây. Trong văn đều có câu trả lời, văn có chứng cứ để nói về các tướng. Vả lại y theo lời nói, so sánh với văn trong kinh thì không thể nào ngăn cản, mỗi văn đều có đủ ba. Ba nhân duyên Phật nói được giải thích ở trước không như vậy theo nên trái với hai luận, nghĩa của tam trì khác nhau không theo thứ lớp như văn này. Lại hai câu hỏi đầu có công năng trị đạo câu hỏi thứ ba cắt đứt các chướng ngại. Nhưng ba câu hỏi không thêm không bớt Vì hai câu hỏi của ngài La-thập nghĩ ra ở trong trụ chỉ có phần văn ở sau giải thích năm thứ tương ứng. Đầu tiên là phát tâm, kế là tu hành bố thí.v.v... cho đến chưa nhập vào Phật địa vị đều có cả ở ba quả, địa vị này là hạnh thắng giải. Văn trong Hữu vô phân biệt tam-ma-bát-để. Nhiếp Luận v.v... chép: Tầm từ thật trí chỉ có Duy thức quán.v.v... đều ở trong sự quyết trạch để phân vị, nên trái với văn này.

Giải thích: thực hành riêng vô tướng ba tánh quán.v.v..., ở trong quyết trạch phần vị, quán sát chung về vô tướng phát khởi tu tuệ vô phân biệt. Trong thắng giải thích hạnh đầu ngại cũng được. Bồ-tát Thiên Thân nói không riêng quán sát vô tướng. Tu hành chỉ nói bố thí... Ba luận thanh tịnh tu hạnh vô tướng, không nói nhập đẳng chí. Bồ-tát Vô Trước lấy quán chung làm quán vô tướng.v.v..., mới ở giai vị Thắng giải thích hạnh nhưng thực hành vô tướng đẳng chí, tức là vì lý này. Bồ-tát Thiên Thân trụ tâm sơ phát tu hành để lần lượt phát sinh, lại hàng phục tâm dứt chướng mới thực hành quán vô tướng, vì dứt trừ phân biệt. Đầu tiên phải dùng văn và tư để hàng phục, sau đó mới tu tuệ để dứt trừ. Cho nên trả lời ba câu hỏi trước sau khác nhau, lời văn khác nhau, vì tu

hành khác, quả vị cũng khác. Bồ-tát Vô Trước dùng đấng cái chúng để thực hành vô quán tướng tu chiết phục chánh dứt đều gọi là dứt . Tùy mỗi quả vị nhậm vận được thực hành, cho nên mỗi văn đều đáp ba câu hỏi vì có hai nghĩa. Hai luận chủ giải thích khác nhau, mỗi vị dựa vào một nghĩa cũng không trái nhau. Hợp nghĩa hai luận mới đủ. Do ở đây thuận với xưa, ngài Vô Trước là một nhân lợi căn lại nhân tu hành nghe ba giai vị phạm phu, Mười địa nên và Phật nói hai vòng của Thiên Thân là một nhân độn căn, mới tu chưa nghe phạm phu phát tâm tu hành dứt chướng ngại có nghi tình mà nói, cũng không trái nhau, do không thích nghe sự tu hành của Mười địa, nói gộp cả hai nghĩa mới đầy theo đủ. Nhưng nay quán sát cho kỹ, luận chủ nói hai vòng nhân độn tự mình bị sai lầm, nên Vô Trước giúp cho Thiên Thân thành tựu. Thiên Thân nghĩa báo, Vô Trước mới giải thích chỉ là bỏ mê. Bài tụng trong luận Thiên Thân do Di-lặc nói, làm sao Bồ-tát Vô Trước trái lại được? Có chút bất đồng, đến kinh sẽ giải thích . Bậc lợi căn vừa nghe liền hiểu kẻ độn căn nghe hai lần mới ngộ. Nhân lợi căn chỉ bước đầu là đã đến. Vô Trước một vòng, Thiên Thân hai vòng, hai luận giải thích khác nhau vì chỗ mong cầu, dựa vào đây để giải thích kinh thì hoàn toàn trái với vô tướng. Văn hình như lại lỡ mờ, vừa cho là hai vòng, y theo sau để giải thích kinh, hoàn toàn không có sự trùng lặp. Phần sau sẽ tự phù hợp. giải thích trước khó hiểu.

Trụ xứ của hành: Hành là hành tướng, được phát khởi trong ba câu hỏi. Trụ xứ là chỗ nương. Sự tu hành là nơi chốn cho đạo lý nương vào. Văn có hai đầu tiên là nói nơi chốn, phần kết nói chỗ ở. Trong phần đầu có hai: Đầu tiên là nói mười tám trụ xứ, sau nói tám trụ xứ.

(722) Trong phần đầu có ba: Đầu tiên nêu tên, kế là giải thích theo thứ lớp, cuối cùng là nêu phối văn. Phần nêu tên có hai: Đầu tiên giải thích tên, kế là nêu tên. Nêu tên có ba: Một là nêu, hai là trình bày theo ba là kết. Trong phần giải thích thứ lớp có ba: Đầu tiên dùng bảy theo nghĩa để nhiếp mười tám xứ, kế là giải thích thứ lớp cuối cùng kết thành tựa giải thích .

Trong tám trụ xứ, sáu trụ xứ trước tức là bảy theo thứ lớp này , ba trụ xứ sau có ở tất cả xứ, văn sau tự giải thích . Trong sáu, trụ xứ, trụ xứ thứ tư gọi là lìa chướng ngại. Ở đây chia thành hai: Một là lìa chướng ngại, hai là cầu giáo thọ. Dựa vào sự thật để tìm cầu giáo thọ vì cũng lìa vô giáo thọ chướng. Trong tám trụ xứ, trụ xứ thứ tư gọi là chướng chỗ lìa ngại Phần đầu quyển hạ của luận cũng chép Tuy chỗ chướng ngại nay nói, đối trị mười hai thứ chướng ngại, vô giáo thọ chướng cũng xếp

vào chương. Nay ở đây dùng bên ngoài để cầu pháp đặt tên là cầu giáo thọ. Những thứ còn lại nói là lia chương. Cho nên ngoài lia chương gọi là cầu giáo thọ. Lại, ở đây gọi là chứng đạo là . Tịnh tâm trong tám trụ xứ, tên còn lại mà nghĩa đồng. Nhưng phát tâm.v.v... đều lia chương. Lia chương ngại cũng đều có hành. Mỗi xứ dựa vào duyên tăng thượng nên cũng gọi là không. Mười sáu trụ xứ trước, trong Tín hạnh địa chia làm ba: Một là phát tâm trụ xứ là Thập trụ xứ. Ba-la-mật hạnh muốn được sắc thân, muốn được pháp thân là Thập hạnh vị. Mười hai thứ khác là giai vị Thập Hồi hương. Lại, trong phần giải thích có hai tên gọi khác nhau. Đầu tiên là trí tướng chí đắc, sau gọi là Phước tướng chí đắc. Ở đây dựa vào khả lạc đối trí gọi là Phước, kia dựa vào chứng đắc nên gọi là chí đắc. Lại, kia dựa vào năng đắc, sở đắc gọi chung là chí đắc. Ở đây có ở cả các đối trí đều gọi là Phước. Hỏi: Vì sao muốn được sắc thân không gọi là muốn được pháp thân, còn lại gọi là pháp dục? Đáp: Bốn uẩn vô vi gọi là pháp vì không thể thấy. Sắc uẩn thấy được nên giữ tên mình. Những cái khác gọi là hỏi khác. Chia làm ba vị do tướng khó biết đến văn sau sẽ giải thích. Trong chứng đạo thì giải thích diệu thân đại thân, chí đắc thân, thành tựu thân. Được rốt ráo chuyển y. Cho nên gọi là diệu thân, ý này nói pháp thân vô vi gọi là Chí đắc thân. Báo hóa gọi là thành tựu thân. Hoặc tự thọ dụng chân như gọi chung là chí đắc thân. Theo kinh Kim Quang Minh vì câu pháp thân vì tánh năng đắc sở đắc, cho nên báo hóa Phật là thân Phật. Phật không phải thân Phật, Phật gọi là thành tựu thân. Trong phần giải thích ở quyển sau nói ba thân đều là thân mẫu nhiệm. Đến phần kia sẽ biết. Vì đại thân là thân nhiếp chung tất cả thân chúng sinh. Vì văn sau đạt được năm bình đẳng cho nên nhiếp tất cả chúng sinh mình không khác. Nhiếp chung tất cả chúng sinh làm tự thể nên gọi là Đại thân, vì rất rộng lớn. Trong đây nên nói: Tất cả đạo phẩm nhiệm phẩm, đều thuộc trong chứng đạo lia mạn. Tức là mười chương mười độ lược bỏ không nói mười như, chỉ nói năng chứng. Trong phần cầu quả Phật lại có ba: Đầu tiên là nêu kế là giải thích những chỗ khó, cuối cùng chỉ riêng từng kinh. Vì sở cầu của Bồ-tát Mười địa là Phật địa cho nên nói kinh sau. Vì thế gọi là trên cầu. Vì trên cầu Phật địa vị cho nên ở đây nêu ra các chương ngại khởi lên ở các địa vị trước. Chương ngại ở quả vị sau do địa vị kia mà khởi chương hậu vị. Tùy chỗ thích ứng mà nói sinh ra quả vị phân biệt dứt. Kế là năng phục tức là những điều khởi lên ở các giai vị trước. Năng phục ở địa vị sau là Phật địa chương, khởi lên trong Mười địa, Địa thứ tám trở xuống đều khởi lên chương ấy. Cõi nước của Phật vị thanh tịnh có ở cả

cõi nước của Ba Đức Phật. Như thế mỗi địa đều sẽ biết.

Trong lưu chuyển bất nhiễm có hai: Đầu tiên là phối hợp với kinh, sau là giải thích riêng chín dụ, trong chín dụ có hai: Đầu tiên là nêu bốn tướng hữu vi, sau là giải thích riêng. Trong phần nêu bốn tướng hữu vi, luận Thiên Thân gom chín thành ba: Một là quán tướng, hai là quán thọ dụng, ba là quán những việc trong ba đời. Lại trong bốn tướng hữu vi này, tướng thứ hai là sở trụ vị, tướng thứ ba là thuận theo lỗi lầm. Là nhất quán thọ dụng, cái kia dùng cảnh sở thọ dụng, thân năng thọ dụng. Năng thọ dụng và sở thọ dụng hợp thành một thọ dụng. Đây dùng cảnh xứ làm sở thọ dụng, thân và thọ làm thân thọ. Hai thọ khác nhau chia làm sở vị và lỗi lầm, gọi là thân năng thọ vì đều có lỗi. Lại, luận này cho tướng là đầu tiên, dùng sao làm thí dụ, dùng thấy làm thứ lớp, dùng dục mắt làm ví dụ Luận ấy cho thấy là đầu tiên, dùng sao làm thí dụ, dùng tướng làm thứ tự, dùng dục mắt làm thí dụ. lược có hai giải thích: Một là hai luận nhìn khác nhau cho nên cũng không trái nhau, hai là nghĩa kia sai với chánh nghĩa của luận này. Trong quán thọ dụng thứ hai dùng cảnh bị mê đắm làm đầu, rồi mới nói năng thọ. Cho nên trong phần quán tự tánh cũng như vậy. tướng đứng đầu kiến là kế tiếp, cho nên luận này trước tiên nêu ra tướng, lấy kiến trong tướng năng kiến. Thứ hai là nêu kiến, chấp tướng bị thấy. Lời dịch có khác nhau nhưng không trái nhau, trước sau đều do tác giả trình bày. Do tướng có ở kiến và thức cho nên mới nêu ra như vậy. Luận kia dùng cũng như thế. Đầu tiên là nêu cảnh, sau đó mới nêu năng, những thứ còn lại giống nhau. Tự tánh tướng nói chung tất cả các tà kiến của ngoại đạo và pháp tánh của phàm phu. Kiến tướng là vọng tánh. Thức tướng tánh là phàm phu. Bám chặt vào sở trụ vị, thuận theo lỗi nói riêng có hai thứ, chẳng biết do do sinh hay nghiệp, do năm trần bên ngoài mà dính mắc, có thể nương vào thân, những việc có thể dùng nhân đó mà sinh ra lỗi. Vô thường.v.v... chấp là thường, nga vỹ ... nó có thể thọ dụng thuận sinh vào ba đường khổ mà không biết. Nếu có thọ đều khổ là văn kinh. Luận dưới là giải thích khổ thọ. Vì khổ kia sinh cho nên có khổ khổ. Vì lạc thọ bị phá diệt cho nên hoại khổ. Không thể tách rời hai thứ vô thường ở trước, đó là hành khổ cõi. Dục có đủ ba, cõi Sắc có hai. Thứ Tứ thiên trở lên có một. Sau nói dụ ba đời thuận theo tướng ra khỏi, do lia ba đời nên không sinh lỗi ở trước. Thuận theo hai vô ngã nên được ra khỏi do nêu lên duyên ba đời nên biết hai vô ngã không được ra khỏi. Do chỉ nói chín dụ không thêm không bớt có khác với tám dụ, năm dụ nên mới gặp ngài Thiên Thân. Nhưng luận của Thiên Thân chép: Quán

chín pháp này được công đức gì? Cũng đồng với ở đây quán tướng và thọ dụng. Trong dụ việc ba đời, trong pháp hữu vi được vô cấu tự tại. Do quán chín pháp này nương vào tánh khác, không bị ràng buộc bởi nghiệp ác trong đường sinh tử liền được quả cao quý ra khỏi một cách tự tại.

(723) Tùy thuận theo lỗi lầm, văn có hai: Một là nêu, hai là giải thích. Trong phần một có ba: nêu là giải thích chung hai là dẫn kinh vì nếu có thọ thì đều là khổ, ba là giải thích nghĩa.

Trong thuận theo ra khỏi có ba: Một là giải thích chung về thuận theo ra khỏi, hai là giải thích riêng ba dụ, ba là kết luận về thuận với ra khỏi. Phần một có ba: Một là nhắc lại tên. Hai là giải thích ra khỏi, do hai vô ngã là thể của ra khỏi tức là tánh chân như diệt đế. Ba là giải thích tùy thuận theo. Dùng dụ ba đời biết được chẳng phải thật tướng. Liền thuận theo cái kia ra khỏi vô ngã.

Ở trên nói mười tám trụ xứ. Phần sau sẽ nói riêng về tám trụ xứ thuộc về văn kinh. Hoặc trùng với mười tám trụ xứ ở trước nên gọi là tám, cũng không có lỗi. Trong tám trụ xứ, chia làm hai: Một là nói về tám, hai là giải thích chung riêng. Trong phần một có ba: a/ Nêu; b/ Trình bày; c/ Sắp xếp giải thích. Trụ xứ là tâm mới phát nhiếp giữ chánh pháp, nhiếp thọ Bồ-đề. Có công năng lợi sanh trụ xứ thanh tịnh Ba-la-mật thực hành thắng thiện. Vì sạch các chướng tịnh tâm trụ xứ lấy vô tướng gọi là tịnh tâm. Những cái còn lại đều dễ hiểu. Phần cầu Phật địa ở thượng: Phật vị rất tôn quý nên gọi là thượng cầu, hoặc văn sau gọi là trên. Từ đây về sau trong phần mười địa là cầu Phật địa vị.

Trong giải thích những chỗ lưu thông có ba: a/ Nêu hai thông; b/ là giải thích tương chung; c/ kết thành chung. Phần bốn trở xuống là giải thích về đối trị. Ba tướng ở trước, hỏi đáp đều có. Kế trở xuống, ba nghĩa chỉ ở trong câu trả lời. Đối trị là tánh do Kim cương đối trị. Do kinh này nói hai chương, hoặc chỉ có sở tri chương pháp chấp và ba nghiệp. Không mất tính năng trị, Kim cương là địa. Là mở rộng hay thu hẹp tính chất của Kim cương vì không mất đạo lý trí cảnh là thể năng hoạt. Trong đối trị có hai: Một là hỏi, hai là trả lời. Trong trả lời, có hai: Một là nêu cả hai, hai là giải thích riêng. Trong nêu có giải thích các sở hành là pháp chấp phân biệt, là phiền não của Bồ-tát, vì gọi là gia hạnh. Cộng kiến chánh hạnh, Cộng kiến là sinh chấp, chấp là chỗ đối trị của chánh hạnh. Vì ở trước dùng những lời đối trị chung, nên trong nêu tông chỉ nói lược cộng kiến chánh hạnh vì chánh hạnh không phải là chỗ đối trị, tà hạnh là đối trị. Cộng kiến ở sau là chỗ đối

trị của chánh hạnh. Pháp chấp chỉ có Bồ-tát dứt được nên chỉ nói gia hạnh, là gia hạnh của Bồ-tát, là đối trị pháp chấp. Cộng sinh chấp ba thừa đều dứt cho nên nói là cộng kiến. Kiến là phân biệt trái với sinh không là vô phân biệt. Trí gọi là phân biệt đúng sai. Các mê hoặc đều sinh ra phân biệt thì gọi là phân biệt, nghĩa ấy không đúng, quyển sau của luận này, trong phần trên câu Phật địa chép : Nếu Bồ-tát nói: “Ta thành tựu cõi nước trang nghiêm” thì chẳng phải Bồ-tát. Nghĩa này được chuyển trong cộng kiến chánh hạnh. Vì dứt được cái kia, an lập Đệ nhất nghĩa. Lại nói: Nếu ta thành tựu tức là nhân ngã chấp thủ, trang nghiêm cõi nước là pháp ngã chấp thủ. Nên biết hai thủ đều gọi là cộng kiến, chướng ngại ở chánh hạnh. Nay nói chánh giải: Gia hạnh là hành động xuất phát từ thân ngữ ý, hành động khởi lên từ hai chấp. Nay nói nhiều là ý gia hạnh. Sinh ra tâm ý phân biệt như vậy theo vì nghiệp tà hạnh. Trụ xứ thứ hai nên thực hành bố thí vì để đối trị với tà hạnh. Cận kiến chánh hạnh đối trị mới là năng chấp, vì kiến là phân biệt. Phân biệt chấp đắm là phiền não của Bồ-tát, chính là những thứ còn lại, như những phần ở trước đã dẫn. Trong quyển sau chép: Hai thứ trong đây như địa thứ hai chép: Dứt hai ngu chấp phạm vào ba nghiệp. Tức là hai thứ đối trị trong đây. Tà hạnh đối trị ở địa vị kia mỗi nhân làm ra hạnh kia đều vừa khởi lên nên không gọi là Cộng chỉ, gọi là Tà hạnh. Cộng kiến chánh hạnh là phiền não chướng và sở tri chướng. Phân biệt thể của kiến vì đều được dứt bỏ ở các giai vị. Cách giải thích này tuy có ở hai chấp nhân và pháp nhưng chỉ có sở tri chướng mới gọi là Kim Cương không gọi là phiền não chướng, vì chỉ có trí của Phật và Bồ-tát mới dứt được. Lại có giải thích khác như ở trước đã nói. Trong giải thích thứ hai có hai: Một là giải thích chung về nghĩa thấy. Hai là kết hợp hai văn kinh. Văn kinh có hai chỗ nương. Đầu tiên là hai trụ xứ là giải thích quyết hai cách đối trị.

Trong phần không lỗi có hai: Một là gom lại , hai là nói lên . Trong nói về có hai: Một là giải thích nghĩa không lỗi hai là chỉ ra văn kinh. Có chấp biến kế gọi là tăng ích, không có y theo tha, viên thành gọi là tổn giảm. Đây là nghĩa của ngài Vô Trước. Dựa vào nghĩa của ngài Long Thọ, chấp có tục đế gọi là tăng ích. Bác bỏ không có chân đế gọi là tổn giảm. Lại, trong chân đế chẳng phải không chẳng phải có nên chấp có là tăng, chấp không là tổn.

Trong đó nếu nói v.v...trở xuống là chỉ ra sắp xếp văn kinh để, có hai lần Lại giải thích Phước nhóm và học văn Phật pháp. Đó là nhóm phước Phật pháp đều là trụ xứ thứ lớp sắp được pháp thân Phước

tương. Trong phần hiểu Phật pháp có hai liên Lại . Trong lần Lại đầu có ba: Một là Phối kinh thêm bớt, hai là giải thích nghĩa bất cộng tương ứng, ba là chỉ ra bất cộng. Nghĩa không tương ứng nhau là: các chấp đấm do vọng không tương ứng với lời Phật dạy theo vì tương ứng là phải phù hợp, vì lời nói phải phù hợp với lý. Trong giải thích bất cộng tương ứng, đầu tiên là nêu có hai, sau là giải thích lại. Tong giải thích lại chỉ giải thích tương ứng, cái nào không tương ứng tức là bất cộng. Vì tuy không nói nhưng cũng tự biết, nghĩa là dựa vào chân đế, vọng suy theo tính các pháp bất cộng, tuy Phật không nói nhưng dùng thể Bát-nhã của chân đạo giúp cho nhân tu học cũng tự biết là không. Không có tự tánh, nay nói theo thể đế gọi là Phật pháp. Do lia được cảnh hai bên, dứt trừ pháp chấp cho nên dứt được, đối trị. Được đạo vô phân biệt, không còn mất các địa. Có khả năng giải thích các hạnh địa thắng giải thích ở địa tiền gọi là Tín hạnh. Lấy tín làm đầu rồi khởi ra hạnh, chứ chưa gọi là chứng. Lại khi thắng giải thích được lớn mạnh, thì sẽ do lòng tin đầu tiên này , tín có tất cả công đức, cho nên đặt tên như vậy. Lại, Tín mình là trụ xứ đầu tiên, hạnh là trụ xứ còn lại, hợp lại thành Nhân . Mười địa chứng được trí kiến vô lậu, được bốn chứng tịnh tâm. giải thích trừ được chướng ngại gọi là phần nào tịnh tâm địa. Như lai Địa được nói về không cần phối hợp riêng tức là vì trụ xứ rất ráo. Hỏi vì sao câu hỏi trước chỉ hỏi phát tâm Đại thừa ở trong nhân , đầu tiên là phát tâm thuộc về chủng tánh Tín Hạnh Địa, kế là tịnh tâm địa, là ba nghĩa trong tâm chứng phát, không giống với địa Phật vị và những lời Phật đáp đáp về Như lai Địa? Đáp: Ba hạnh' trong nhân là điều kiện để thành Phật vị. Nhân của ba đức nếu không trả lời là ba đức ba thân của Phật thì quả vị đã rõ ràng. Thế nào là quán hạnh? Vì là ba hạnh ở trong nhân vừa nói liền đáp là ba thân của Phật, giúp cho trước trước hưởng về sau sau. Lại nhân hỏi là hỏi để tu, tu có ở phàm thánh hiện đang tu. Cho nên đáp, là đáp sở chứng ở trước chứng chung vô nhân quả. Vì có ở hiện chứng.

Trong bảy theo lập tên có hai, đầu tiên hỏi sau đáp, đáp trong có ba: đầu tiên giải thích Kim cương, kế là giải thích Năng Đoạn và thể Bát - nhã, sau giải thích lại nghĩa bất cộng. đầu tiên giải thích Kim cương có hai. đầu tiên nói hai nghĩa Kim cương có cả tướng năng trị và sở trị, sau giải thích năng trị. Như đã nói Kim cương là nhập hạnh chánh kiến, nhập hạnh tà kiến.

Chánh kiến là nhóm chánh định. Tà kiến, là nhóm tà định, thực hành các việc thiện ác, vào các nhóm ấy, gọi là hai hạnh, hoặc sa vào

lời nói, như nói hai nhân thiện ác làm việc thiện ác, nhân làm việc này là nhóm chánh kiến, nhân làm việc kia là thuộc nhóm tà kiến. Tà chánh tuy khác, mà đều gọi chung tà kiến hạnh, giúp năng trị được ba ác sở , trị hai chướng, thiện nhiễm tuy khác, mà gọi chung là Kim cương.

Kinh Niết-bàn chép: Kim cương rất cứng, muôn vật không thể đập vỡ được, trừ sừng dê trắng và mai rùa, tánh trí chướng tuy cứng, phàm phu trí của hai thừa Bồ-đề trí của đều không thể dứt, hoặc chướng tuy là vọng, nhưng trí phàm phu không thể dứt hạt giống, chân trí Hai thừa không thể dứt hoặc tập, chỉ phát tâm Đại thừa Phật và Bồ - tát, có ba tuệ mới chiết phục dứt hoặc được. Đây là dụ cho nhập vào tà kiến hạnh. Lại dụ như ngọc thạch, tánh nó rất cứng chắc, không có vật gì đập vỡ được, chỉ trừ Kim cương, mới đập vỡ được hai chướng cũng vậy, tánh nó rất bền chắc, trí của phàm tục chân trí của hai thừa chẳng phá hoại được, ba tuệ đại thừa như Kim cương kia mới phục dứt được, vì rốt ráo dứt Kim cương Tu Tuệ, cho nên trong Kinh chỉ nói Kim cương Dụ Định, đây là dụ cho hạnh Chánh kiến, đây ở cho rằng danh từ Kim cương có hai nghĩa tướng:

1. Nghĩa sở phá .
2. Nghĩa năng phá.

Chẳng phải Năng Đoạn cũng có hai nghĩa, vì chẳng phải sở dứt , cũng chẳng phải do Kim cương và Năng Đoạn , vì có hai nghĩa, tà chánh hai kiến ví dụ không tương ứng, cho nên không thể do Kim cương chỉ là sở dứt , trí do bền chắc sâu kín không thành, cũng không thể dùng Kim cương chỉ là Năng Đoạn , hai nghĩa tướng không thành. Do đó nên biết trong đây đã giải. Nhưng văn lược không giải thích ra sở trị Kim cương, trong Năng Đoạn , ngầm mới nói lên , giải thích trong năng trị Kim cương, nêu cứng chắc, vì tùy thời gian trước dịch là “Kiến” đổi thành tế, trí bền chắc là hạt giống, không thể phá hoại là hiện hành. Trong hiện hành đầu tiên là văn tuệ tư tuệ, sau là tu tuệ. Trong tu tuệ, đầu tiên là tu hữu lậu, sau là tu vô lậu. Trong vô lậu, đầu tiên là giai vị Mười địa, sau là địa vị Như lai.

Trong Mười địa, đầu tiên là Gia Hạnh Đạo, sau là Vô Gian giải thích Thoát Đạo. Trong giai vị Phật, đầu tiên là hạt giống, sau là hiện hành. Trong Năng Đoạn , Văn Tư Tu là Năng Đoạn , quán chiếu là thể của Năng Đoạn . Địa thứ bảy trở xuống, hai Địa đầu là hữu lậu, một Địa sau là có cả hữu lậu vô lậu, trước là hai tuệ tu trung đều thành, tuy không có văn nói, nhưng vì tu tuệ, v.v... Riêng khi khởi tác dụng, Địa thứ tám trở lên niệm niệm đều có thể khởi hai dụng, hai địa đầu phục

hoặc. Một Địa sau là chánh dứt , như chỗ Kim cương dứt mà dứt . Trí như Kim cương, chỗ dứt như ngọc thạch, chỗ hai chướng mà dứt , lại dứt như Kim Cương. Năng Đoạn là trí như sừng dê trắng. Văn, Tư, Tu là chỗ Năng Đoạn mà dứt .

Giải thích nghĩa bất cộng có hai: đầu tiên là nêu bày, như vẽ Kim cương, v.v... sau nói về năm thần thông, y theo nghĩa bất cộng này, đầu tiên chẳng giữa có ba:

- 1- Nêu.
- 2- Chỉ.
- 3- Kết.

Như vẽ Kim cương có hai:

1- Như vẽ Kim cương, cánh tay theo dang ra thì rộng, lưng thì hẹp lại, vì có động tác, dụ giúp cho tiến lên.

2- Như vẽ chày theo Kim cương, hai đầu rộng mà lưng hẹp, vì nó cứng chắc nhất, giúp cho biết sâu mâu ở tịnh tâm địa. Phật địa rộng. Lớn luận này dụ cho văn nghĩa đều dài, Tịnh Tâm địa hẹp, vì văn nghĩa hẹp, cho nên như vậy: Có hai nghĩa: Do khi phạm phu, hễ sự tu hành, cầu quả Phật muôn hạnh tốt ráo tu, nguyện dứt rộng lớn. Tuy có bốn gốc lành mà muốn trụ nhập thấy đạo riêng tu hành. Từ thời gian dài phần nhiều chia ra ý vui rộng lớn, nên gọi là hoạt. Trong địa vị Phật đạo nghiệp trì kiến, chứng được lợi lạc, đều là rộng lớn, nên nói là “Đại” chính là chỗ rộng lớn, các Bồ - tát Mười địa đều tu một hạnh, cầu tiến đến địa sau. Tuy cầu thiếu giai vị Phật, mà không đâu không cần phần chứng mà tu, nên gọi là hiệp, vì tùy ba vị, nói kinh có rộng hẹp. Lại nay vì bất định tánh và định tánh trước chưa có giòng họ phát tâm là đúng, ba đáp có một thứ đúng, là tánh phát tâm vô phân biệt hạnh. Vì nay cầu Quả Phật, Quả Phật và sơ vị đều là văn nghĩa rộng lớn. Hành tướng Mười địa kia tuy có, mà do không thể tu, nhờ lời nói mà nói lên rõ, không cần phải chỉ bày theo rộng. Nhân Hai Thừa và sơ phát tâm không thể thực hành, nên lược chỉ bày theo cái hẹp.

Trong kinh chép : Ở đây là nói nghĩa bất cộng. Các kinh không phải như vậy, không gọi là bất cộng, do đây làm rõ lý trí rộng hẹp. Văn tự đây dạy, gọi riêng là Kim cương. Thứ ba Kim cương Địa gọi là nghĩa bất cộng, nói lên năm thần thông y theo ý nói trong bất cộng, văn sau nói năm thứ y theo nghĩa, nói nhiếp trì nhau, an lập hiển bày theo , đều nương vào ba địa này, lia địa này, không có cho nối khác, ba địa này mỗi địa có nhiều sở hành trụ xứ, nên gọi là Thượng thượng y theo chỉ, vì chẳng phải một nên gọi là Thượng thượng, trong đây lược qua không

giải thích Bát - Nhã. Nhưng nói Ba tuệ, bất luận là thật tướng v.v..., vì pháp bất tận.

Trên đây giải thích bảy theo câu. Trong chánh nói giềng mối rộng lớn đã xong, dưới đây là chánh giải thích văn kinh, thứ hai là dứt lớn giải thích lại văn trước, trong kinh lớn của thích Huyền Tông chia làm hai. đầu tiên giải thích oai nghi trong lời tựa, thành tựu ngòi kiết già chánh niệm bất động, sau là giải thích chánh tông, tuy đi đứng ngồi đều được nói pháp, nay hiển rõ tởm tọa giác là tốt đẹp, tiêu biểu cho nội tâm giác an chân lý ngoại tướng mới nói được lợi sinh, chỉ dùng một nghĩa để giải thích thích, còn nghĩa khác như nói Pháp Hoa oai nghi là, nói trong lúc an tọa.

Sau là giải thích phần chánh tông chia làm ba. đầu tiên trong văn giải thích chung tánh không dứt, kế là giải thích vì sao trong văn chỉ hỏi Bồ - tát thừa phát hạnh giải thích phát khởi ra hành tướng. Ở sau, giải thích do khéo hỏi, từ Thượng tòa trở xuống, trong văn giải thích hành sở trụ xứ, đầu tiên chia làm ba: trước là giải thích ba ý hỏi, kế là giải thích khởi Bồ - tát thừa, Bồ - tát Ma - ha - tát nói, kế giải thích ở trước nhiếp các nghĩa tối thắng, trong văn kinh, từ sau đến trước là giải thích, luận quán này có thể thấy các văn trên dưới, đều vì bài tụng của ngài Di-lặc do ngài Thiên Thân, giải thích không có văn, nên mới giải thích, không phải là anh em biết mâu thuẫn nhau.

Văn đầu có hai, trước tiên là hỏi, kế là đáp, trong đáp có ba: đầu tiên nêu, kế là giải thích, sau kết lược nêu, trong có ba: đầu tiên nêu, kế là chỉ bày theo riêng, sau là kết trong nêu bày theo sáu thì, năm câu đầu vì lợi lạc chúng sinh, một câu sau là chánh pháp an trụ lâu dài. Trong năm câu trước, hai câu đầu nói nhân ngoài Phật pháp có tâm nghi ngờ, không sinh định tín, hai câu kế đã nhập vào Phật pháp, nhân ưa thích Phật pháp, không hiểu tiến tu, sau đã biết tiến tu, thì không thể chứng đạt. Nhưng ở đây hỏi rằng: “Vì thuận theo Bồ-đề chỗ muốn tu, chỉ hỏi chung tánh và chứng phát tâm hai chỗ tu pháp, bất luận là giai vị Phật, Mười địa Bồ- tát đã chứng đạt thì tâm đều mong cầu xa lìa, Phật quả giải thích thoát, nói chung chung tánh không dứt có hai nghĩa:

1. Trong đây đã nghe muốn cho hạt giống Phật ở đương lai không dứt mất.

2. Hiểu được Phật thì giúp cho hạt giống Phật không dứt.

Do khéo nhiếp và phó chúc, trong đây sáu nhân nương tựa đã nói, hợp lại có sáu giải thích :

1- vì ở ngoài Phật pháp, do có nghi ngờ, thường sinh chê bai, nay

hỏi đáp khác, để dứt nghi kia, giúp họ phát tín tâm, không sinh chê bai, khởi tâm Bồ-đề.

2- Khởi tín hiểu, nêu trước tuy không nghi ngờ chê bai, chỉ ở trong giai vị , do không nghe hiểu, không thể phát tâm, nay họ nghe pháp khởi tin nhập vào năm tâm vị trước trong Thập Tín.

3- Nếu nhập vào Thập Tín thì trụ sau tâm thứ sáu, tín giai vị quyết định, gọi là nhập vào lý nghĩa sâu xa, nay vì giúp họ nhập vào tâm thứ sáu, sau được tín quyết định, hiểu biết Phật pháp sâu xa nhân quả lý trí, trí tin không lui sụt, do hiểu nghĩa sâu xa mới không lui sụt lòng tin, gọi là nhập vào nghĩa sâu.

4- Nếu trước tuy tin được không lui sụt nhập vào nghĩa sâu xa, thì trong vị Thập trụ nhập vào sáu vị trước, còn có tâm lui sụt thành Hai Thừa . Nay vì họ không có ý lui sụt, nên nhập vào giai vị Địa thứ bảy, sau là không lui sụt.

5- Vì trước tuy được giai vị không lui sụt, cho đến sau khi được vào Thập Hồi hướng, được bốn món gốc hành, nhập vào quyết định trạch phần vị, vẫn chưa chứng được chân tịnh pháp giới, không gọi là sinh vào nhà Như lai. Lại gọi là Cực Hỷ Địa, chưa tin pháp uyển lạc, chưa chứng các tướng tăng thượng hỷ ái, không gọi là trụ sinh hỷ, nay vì các tâm ấy được vào Mười địa, chứng được nhập pháp giới, nhập hậu hậu thông.

6- Do nhân tin học, tiến thú chứng đạt, chánh pháp đương lai, thứ ba giáo hạnh quả trụ lâu ở đời, vì sáu nhân này sinh tùy hỷ, do phát khởi ba lần nghe, Địa thượng Địa tiền đều có phát tâm tu hành dứt chướng có ba nghĩa khác nhau. Kết rằng: Đây là nhân hỏi muốn cho hạt giống Phật không dứt cho nên hỏi. Trên đây là phối hợp với một vị, sau đây lại phối hợp ba nghĩa.

Kế là giải thích trong có hai: đầu tiên hỏi, sau đáp trong, đáp thuận theo giải thích thứ nhất. đầu tiên là nhân rất dễ hiểu. Thứ hai, có nhân ưa thích Phước đức, v.v... Có nhân Trước ở phàm vị không chê bai , không tin Phật pháp Ba Thừa, chỉ ở trong ý, còn ở thế giới nào có vui là Phước lạc, nhưng chưa phát tín tâm, gọi là chưa thành tựu. Nay vì giúp họ phát khởi tín hiểu nên được nhập Thập Tín. Thứ ba là nhập nghĩa sâu xa, tức hai nhân trước đạt sâu được nhân quả được Tín không lui sụt Thứ tư, nếu đã nhập được giai vị Tín không lui sụt, gọi là đã được không xem thường giặc, thường trụ pháp quyết định ra khỏi, mới thường gọi là không xem thường, vào giai vị không lui sụt. Địa thứ năm, đã đạt được thuận nhiếp, là trước căn đã thuần thực, chỉ sau khi được

giai vị không lui sụt , và tịnh tâm, trước giai vị không lui sụt là các Bồ Tát, không do nơi khác mà khởi trí căn bản, mà đối với pháp tự chứng nhập, khi khởi trí hậu đắc, đối với pháp được thấy, được nhập hậu Mười địa, ở sau cũng như vậy, vì sinh vui mừng.

Lại giải thích thứ hai là. đầu tiên ngoài pháp một nhân nay nhập Thập Tín năm tâm trước của, thứ hai nhân năm tâm trước nhập tín thứ sáu tâm hậu, tín quyết định gọi là tín giải. Từ khi nhân ở đầu mới làm thứ hai, thứ ba nhập nghĩa sâu xa, tức thứ hai vào ở trước trụ thứ sáu, được nhập vào giai vị Không lui sụt. Địa thứ bảy theo trụ hậu, gọi là nhập nghĩa sâu. Thứ tư là nhân không lui sụt: Là người đã được vị không lui sụt, được vào Sơ Địa chứng không lui sụt . Địa thứ năm là sinh hỷ, tức là thứ lớp ở trước được nhập Sơ Địa, căn đã thuần thực gọi là thuận nhiếp, lần lượt được vào địa, thứ hai thứ ba, v.v... Nếu đã vào vị không lui sụt , nhân sau gọi là tịnh tâm, được nhập sơ địa hợp lại gọi là sinh hỷ. Lại giải thích thứ ba, đầu tiên ngoài nhân pháp mới nhập giai vị Thập Tín. Thứ hai là nhân Địa thứ năm là năm tâm trước được nhập Tín không lui sụt hậu. Thứ sáu Thứ ba dần nhập vào Sơ địa, chứng nhập pháp giới chân như sâu xa. Thứ tư chứng nhập giai vị không lui sụt địa thứ tám hậu hành. Địa thứ năm là thấy đạo trở lên, khi chứng bất thối rồi , gọi là Thuận nhiếp, nhập Địa thứ tám gọi là Tịnh tâm, được vô lậu tâm thường nối nhau, đều sinh vui mừng. Sơ địa thuận nhiếp lần lượt được vào Phật địa. Sinh vui mừng Địa thứ tám tịnh tâm, không bao lâu được vào giai vị Phật, đều sinh rất vui mừng. Tuy có ba giải thích này dường như trụ, vì chỉ hỏi trong nhân có ba hạnh vì nhân chứng được hậu hậu thắng phẩm, cho đến thành Phật. Đáp đủ ba giai vị và các hạnh, từ khi mới phát tâm cho đến quả vị Phật, là giai vị trước đã tu nhập, nay xét kỹ thêm, phạm phu địa tiền chỉ có ba mươi tâm, đầu tiên trụ pháp bên ngoài giúp cho tin để nhập pháp, kế là ở trụ trợ thứ sáu xuống, giúp cho nhập vào Thất trụ, lại kế ở Địa tiền, giúp vào Sơ địa, nối tiếp Địa thứ bảy trở xuống, cho nhập vào Địa thứ tám. Sau trong nhân , giúp nhập vào Phật địa, mỗi mỗi tùy giai vị ấy, để giải thích câu hỏi kia, giúp cho pháp tồn tại lâu dài. Chúng sinh được vào năm nhân trước. Do chúng sinh được vào năm nhân trước, vì pháp thành ở đời lâu dài. Phát ra câu hỏi rộng làm sáu nhân , tóm lược thành hai nhân , còn bao nhiêu như trong huyền ký có nói. Kết lược làm bốn, nhưng kết năm thứ trước, đã học giáo lý, tức pháp tồn tại lâu dài, cho nên không nói, nhân nghi hoại pháp kia, giúp cho thấy các lý nhân quả, phát sinh tín tâm, vào nhập Phật pháp, như đã phát tâm ưa thích Phước đức tín vị định. Là nhiếp

thọ tín và thắng giải thích định, nhân đã tín hiểu định thành tựu, nhiếp thọ ở Sơ địa, vì nhập nghĩa sâu xa, nay hai tên gọi này là nhiếp thọ tín định và chứng định, đều được nhập Sơ địa, biết tiếp nối giai vị Phật, gọi là được không xem thường, ưa thích xem thường hậu thắng phẩm diệu hạnh, của địa thứ tám giúp tâm siêng năng, không sinh hạnh lui sụt, từ địa trở lên là thứ tám quán tâm vô lậu, giúp niệm nối nhau gọi là tịnh tâm, được nhập vào địa vị Phật, giúp sinh vui mừng, ở đây kết thứ lớp nói theo hạnh vị. Chỉ nói tịnh tâm sinh rất vui mừng, trước giải thích rộng và nói thuận nhiếp, giúp cho chúng sinh vui mừng, liền nhập sơ địa, thuận theo đức Thế tôn khéo nhiếp thọ, đều giúp họ thành Phật, nên hợp hai cái lại nói. Nếu y theo thứ lớp thì, nên y theo trtheo kết và lược lược trong bốn nhân, một nhân đầu là pháp ngoài nhập pháp, thứ hai nhân là nội phạm nhập Thánh, thứ ba là Địa thứ bảy nhập Địa thứ tám, thứ tư là đệ Bát hậu nhập Phật vị, nói Tín Hạnh Địa là Sơ nhập, nói tịnh tâm địa là Địa thứ hai, thứ ba tam, nói Phật địa là Địa thứ tư. Trên đây có ba thích giải, y theo giai vị phối hợp giải thích thứ tư là nên ba câu hỏi. Đầu tiên vì nhân đầu tiên giúp cho phát tâm, hỏi kế là thứ hai thứ ba nhân đủ tu hạnh, sau hỏi là nhân thứ tư giúp cho dứt chướng, do ba nhân đều tu tự cầu các hạnh rồi, tịnh tâm vui mừng, cho đến thành Phật, vì thế trong phần kết lược bao gồm thứ hai thứ ba thành một nhiếp thọ, vì nhiếp thọ hành.

Giải thích thích chủng tánh không dứt giữa, chừng dưới đây là thứ hai giải thích lời của Ma-ha-tát, tức gồm giải thích trong nghĩa Đại thừa, giải thích các nghĩa Đại thừa đều sơ lược không có lời Ma-ha-tát. Đời Đường và đời Tùy đều có bảy theo đại, bảy theo đại là:

1- Pháp đại, đối với pháp bậc nhất gọi là Cảnh đại, duyên đối với pháp rộng lớn là cảnh.

2- Tâm đại: Pháp Địa thứ bảy theo kia gọi là Nghiệp đại, tội mé sinh tử, chỉ bày theo giới Bồ-đề, dựng lập Phật sự.

3- Tín giải thích đại: Đại gọi là Trí đại, tức biết hai thứ vô ngã.

4- Tịnh tâm đại: Địa thứ năm là phương tiện khéo léo, không trụ sinh tử và Niết-bàn.

5- Tư Lương đại: Thứ hai gọi là hạnh đại, thực hành hai thứ hạnh.

6- Thời đại: Thứ tư là Tinh tấn đại, trải qua ba đại kiếp, tu các hạnh khó làm.

7- Quả đại: Địa thứ bảy theo là Chứng đắc đại, chứng công đức lớn, là ý nói luận ấy duyên giao khởi hạnh, đạt được lý sâu xa, siêng

năng lâu dài, không dính mắc hai bên, chứng quả cao siêu của đại thừa cùng tốt mé sinh tử, dựng lập Phật pháp, nên gọi là Đại. Luận này trái lại, hoặc ở đây ý nói, duyên giáo phát nguyện, dựng lập Phật sự, được trí đạt lý, không đồng với phạm phu Hai Thừa chấp đắm thường thực hành hai lợi, siêng năng lâu dài, lại được quả cao quý, ý riêng của hai luận khác nhau, trước sau bất đồng, lại Bồ- tát Di-lặc trong quyển đầu Mười địa Luận chép Ma -ha -tát có ba thứ Đại:

1. Nguyện Đại.
2. Hạnh Đại.
3. Lợi chúng sinh đại.

Thứ ba là giải thích trong các văn nhiếp thọ Bồ - tát v.v... chia làm hai, đầu tiên nhiếp thọ, sau phó chúc, trước giải thích nhiếp thọ phó chúc lúc mới thành chánh giác và lúc nhập Niết-bàn cho đến nhiếp thọ phó chúc căn cứ.

Ngài Thiên Thân nói: Căn thuần thực gọi là Nhiếp thọ, chưa thuần thực gọi là Phó chúc, chưa giải thích hai món tự tánh. Ngài Thiên Thân chỉ giải thích sở nhiếp phó chúc và ý nhiếp thọ phó chúc, tức chủng tánh này không dứt, vì chưa giải thích tự tánh kia. Nay giải thích, là trong đó có hai. đầu tiên nêu câu hỏi, sau giải thích riêng. Trong đây chia làm hai:

1. Khéo nhiếp.
2. Nhất nhiếp bậc.

Ngài La-thập, Bồ-đề - Lưu - Chi, Chân đế đều không có hai lời văn, chỉ có bản Đại Đường nói trên hết nhiếp thọ, nhiếp thọ các Đại Bồ-tát tối thắng phó chúc cho, phó chúc các Đại Bồ - tát - . Trong văn kinh chỉ dùng một lời tối thắng. Văn trước lập lại văn kinh rằng: Bạc nhất khéo nhiếp thọ tất cả Bồ - tát, bèn chia làm hai. Do lời tối thắng đủ thiện nhiếp nhất hai nghĩa bậc, ở sau giải thích phó chúc, chỉ nói bậc nhất phó chúc, đạo lý nhất định. Lại khéo nhiếp là nêu ra chung thể, thứ nhất là nghĩa giải, khéo nhiếp bậc nhất nhiếp thành hai. Trong nhiếp bậc nhất có ba:

1. Nêu.
2. Trình bày.
3. giải thích .

Lạc là cùng lợi ích hiện tại.

Lợi nghĩa là cùng ích đời sau, tức trong sai khác là định thế gian la hiện lạc. Quả ba thừa là hậu lợi, lợi lạc có mười nghĩa:

* Như trong Duy Thức sơ chép, trong đây chỉ còn. Thứ tư là kiên

cổ: nghĩa là hậu ích rồi ráo quả thể, hiện ích rồi ráo nhân thể, lại gọi là rồi ráo, thứ sáu dị tướng vị tịnh Bồ - tát, nghĩa là địa tiến tín hạnh địa vị đặc tịnh thắng ý lạc, trong các Bồ - tát không thể khéo nhiếp kia thì, đây là pháp lành tốt đẹp trên hết không bao giờ hư hoại, làm lợi lạc tự tha, không có gì hơn, vì hai lợi ích giải thích thế gian chúc trong đó, cũng có ba. đầu tiên nêu câu hỏi kế là nêu bày theo sau giải. Việc làm của ban lãnh: Nghĩa là khi sắp nhập Niết-bàn, gốc lành thuần thực Bồ - tát làm chỗ sở nhập, vì căn cơ chưa thuần thực là vì ban lãnh. Cho nên biết ngài Thiên Thân y theo căn cơ chưa thuần thực nói hậu phó chúc, phó chúc cho căn thuần thực, không chấp vào lời nói khi nhập Niết-bàn, giải thích không trái nhau, vì căn chưa thuần thực là năng nhập, căn kia đã thuần thực, pháp nhĩ giáo hóa. Phật dạy theo căn thuần thực, ông đã được rồi, nên lần lượt dạy theo họ, do đây chưa thuần thực không mất chỗ sở nhập của ban lãnh, pháp nhĩ căn cơ thuần thực, thương xót chưa thuần thực, Phật giúp cho chuyển giáo, giúp căn cơ thuần thực chuyển sinh tôn nặng vì cầu Phật dạy.

Dưới đây là giải thích chánh tông, thứ hai để phát khởi hình tướng của văn chung, hai câu đầu là hỏi hai câu sau đáp, đáp có ba ý, do quả Ba thừa Bồ-đề gọi là khác nhau, chỉ hỏi chữ Đại là phát tâm đại thừa, tối thắng thừa là quả rồi ráo hưởng về, vì làm lợi ích rộng khắp, luận là đáp một, hai t thứ còn lại . Vì hóa pháp, hóa sở, hóa sinh, nên sau khi đắc quả, có ba thân khác nhau. Nếu hỏi phát hạnh Bồ - tát thừa, là dùng ba thừa pháp hóa sở hóa chúng sinh, nay rõ Tam Bồ-đề, nhân Hai Thừa không thể chứng được cho , nên không hỏi, ba là do nhân Ba thừa có khác với Bồ-đề, Niết-bàn không khác với.

Đại thừa Bồ-đề dứt hai chướng, chứng đắc hai ly theo thực, hành hai lợi, thành tựu hai trí, chỉ có sở thú này không được chấp cái khác, ba lần hỏi nghĩa khác như trước đã giải thích .

Đây là dứt thứ ba giải thích chỗ sở trụ của hành, trong văn chia làm hai. đầu tiên giải thích khen ngợi trong câu ấn chứng “lành thay” rằng. Sau là giải thích chánh trình bày, vì Tu-Bồ-đề hỏi, có thể thuận lý sâu, là trong năm câu hỏi, vì muốn lợi ích hữu tình cho nên hỏi. Đức Phật khen câu hỏi kia, nên nói lành thay, khen ngợi lại lời đó. Nhưng hạnh Bồ-tát thấy khéo nói: Nói ra lời lành thay. Nay do Tu-Bồ-đề hỏi khế hợp với huyền tông sâu xa có thể nói lý, nói lại lành thay, y theo quyển thứ nhất Luận Mười địa, giải thích lành thay rằng: Đã nói trong các pháp, khéo đầy theo đủ, lành thay có ba:

1. Sở y: Là tịnh tuệ.

2. Thế tánh: Là nói các địa không hề nói pháp.

3. Quả đủ mười lậu không chướng ngại, là Phật Bồ-đề, ở đây cũng vậy, y theo kia nên nói.

Trình bày theo trong phần được chia làm ba: đầu tiên nói về tín hạnh địa, kế sau trong quyển là chứng đạo v.v... trở xuống là giải thích tịnh tâm địa, sau trên cầu Phật địa, dưới giải thích thích Như lai địa, nói trong địa kia, giúp cho tín ở trước lại vị sau ham thích hứng thú, ở sau đều y theo nên biết. Văn đầu tiên chia làm bốn, đầu tiên giải thích nhiếp trụ xứ ở giai vị Thập Trụ, khai mở thì an tâm kia đối với pháp kia, tướng cũng chưa cao siêu, nên gọi là Trụ. Kế là dưới đây, còn bao nhiêu Trụ trung hạ thứ hai hỏi về Ba- La- Mật- Đa tịnh tín. Kế là muốn được sắc thân trụ xứ trở xuống là thứ ba giải thích chỗ muốn tu. Nếu muốn được sắc thân, pháp thân hai trụ xứ. Vì một dục trụ xứ, hai trụ xứ trên đây ở giai vị Thập hạnh, thực hành các hạnh trên hết của sáu độ, gọi là hạnh. Kế quyển sau đầu tiên đã nói dục trụ xứ xong, ở sau thứ tư sẽ giải thích lìa chướng ngại trụ xứ, ở giai vị Thập Hồi hướng, hễ tu hành thì đều là Hồi hướng, đặt tên gọi Hồi hướng, y theo trước lược nêu trong Tám trụ xứ. đầu tiên sáu trụ xứ nói thành ba địa. Vì trong tám trụ xứ kia, hai trụ xứ sau ở các trụ xứ, chẳng phải chỉ phối hợp với địa. Quyển sau đầu tiên nói: Nay nói lìa chướng ngại trụ xứ, có mười hai thứ chướng ngại để đối trị, trong mười tám trụ xứ, hợp thành mười hai là thứ tư lìa chướng, mười sáu trụ xứ trước là tín hành địa, chia làm bốn văn, hai địa đầu đều có một, hợp hai thành thứ ba, hợp mười hai pháp còn lại thành thứ bốn. Hoặc chia thành hai. đầu tiên giải thích nhiếp trụ xứ, và giải thích ba trụ xứ còn lại. Do văn Ba -la -mật trụ xứ đầu tiên nói từ đây về sau trong các trụ xứ có năm thứ, rõ ràng văn sau đều dùng năm nghĩa để giải, nên hợp thành một dứt .

Đầu tiên gọi là nhiếp trụ xứ. Nếu giải thích xa cũng phát Đại tâm, vì trong thời gian lâu dài nhiếp thọ Bồ-đề- Đại.

* Giải thích gần, phát tâm rồi nhiếp thọ chánh pháp, vì nhiếp chúng sinh. Có cả hai giải thích , là phát nguyện, nhiếp thọ chánh pháp và , thành Phật lợi sinh. Gần xa hai nhiếp đều ở trong đó. Trong mười tám trụ xứ trước gọi là phát tâm, đầu tiên đã khởi hành Tướng là Danh, đây gọi là Nhiếp, do sẽ thành quả và lợi ích chúng sinh, mà đặt tên. Văn chia làm hai. đầu tiên riêng giải thích bốn tâm, sau chung đáp ba câu hỏi, y Luận của ngài Thiên Thân. Văn đầu tiên chia làm bốn. Đầu tiên giải thích rộng đại tâm tức là Sơ Trụ. Kế là tất cả cõi chúng sinh lập bày theo thực hành bố thí, ở sau giải thích tâm thứ nhất tức là Trụ thứ hai.

Kể như vậy theo có vô lượng chúng sinh nhập Niết-bàn rồi là, giải thích tâm thường thứ ba, tức là bốn trụ kế. Vì sao nếu chúng sinh tướng nhân tướng thì không gọi là Bồ - tát. giải thích tâm thứ tư không có tâm điên đảo, tức bốn trụ sau, như giải thích ở quyển trung, tổng khoa ý văn của ngài Di-lặc và Thiên Thân, ở đây là giải thích riêng.

Giải thích thích chỗ không kia, văn đầu chia làm hai, đầu tiên giải thích chung văn nói về tất cả chúng sinh, cùng câu hỏi của ngài La - thập, vì nói riêng tất cả chúng sinh, ở sau noãn sinh v.v... trở xuống là giải thích riêng ba loại:

Ngài Lưu-chi lập lại rằng: “Tất cả chúng sinh thuộc về chúng sinh”.

Bản Đại Đường chép: “Tất cả các hữu tình, thuộc về hữu tình”. đầu tiên nói hữu tình đều là lầm, sau nói là hữu lậu, thế gian có hai:

- 1- Thế gian hữu tình.
- 2- Thế gian khí giới.

Nay đã thuộc loại thế gian hữu tình, không phải thuộc loại thế gian khí giới, lại không có Phật giáo hóa chúng sinh. Bồ Tát quán hạnh có năm món vô lượng, có nói rộng trong chương.

- 1- Thế giới hữu tình vô lượng.
- 2- Thế giới vô lượng.
- 3- Pháp giới vô lượng.
- 4- Được điều phục thế giới vô lượng.
- 5- Điều phục phương tiện thế giới vô lượng.

Nay nói chung tất cả chúng sinh, trong năm vô lượng. đầu tiên là thuộc cõi vô lượng hữu tình, Địa thứ năm đây là cõi điều phục phương tiện vô lượng, cõi điều phục phương tiện vô lượng này gọi là năng nhiếp, vì là năng nhiếp của các hữu tình. Là tâm sở nhiếp của hữu tình năng nhiếp này, tức khả năng nhiếp hóa tất cả hữu tình. đầu tiên dạy theo chung hóa độ, trước quán hữu tình, hữu tình không thật, chỉ có các pháp, dùng làm tự thể. Các hữu tình kia chắc chắn trụ trong thế giới, y theo giới xứ kia, quán sát tánh dục thắng giải thích được giáo hóa, chỗ điều phục khác, rồi sau phải vì họ lập phương tiện điều phục, do đầu tiên hữu tình, thật chẳng phải một, gọi là vô lượng. Cho nên trong kinh chép chung tất cả các hữu tình, cho đến sau cùng lập ra phương tiện điều phục, cũng lại chẳng phải một, nên nói tất cả hữu tình nhiếp sở nhiếp. Những lời nói, lúc đầu thông suốt cả nhân pháp ở dưới người, như pháp tức trong năm món vô lượng, hai món đầu và cuối, giúp đầu tiên phát tâm sẽ thành sơ quán, nên nêu trước và sau, để chỉ bày theo

ba pháp giữa, rộng lớn bậc nhất nghĩa bình đẳng, đều như trong huyền ký có nói, năm món vô lượng như trong chương nói, e rườm rà nên không dẫn ra.

Noãn sinh v.v... là nói riêng về ba loại chia làm ba, trước nêu chung sự khác nhau, kế lược nêu ba thứ trước, sau phối hợp ba thứ trước hai nghĩa thọ sinh và y theo chỉ nên khác. Cảnh giới biệt: Vô sở hữu xứ trở xuống, cho đến trong cõi Dục, trụ sâu trong trời Vô Tướng hai định vô tâm, vô tâm ngủ nghĩ, vô tâm ngắt xiu, ngoài năm hữu tình này, còn lại đều ngăn cảnh, có tư tưởng bén nhạy, gọi là Hữu tướng, nói trong năm vị, không có sáu thức nên không duyên cảnh giới, đều gọi là Vô Tướng, ở cõi Hữu đánh vì rất tối tăm, tức do không thiếu tất cả địa pháp để làm cảnh giới, không bằng hữu tướng địa ở trước, cảnh giới thô hiển, tâm tướng rõ ràng, gọi là phi hữu tướng, cũng không với đồng năm giai vị vô tâm ở trước, hoàn toàn không có tâm tướng, gọi là Phi vô tướng, có chút tế tướng, không có minh tướng thô cho nên cả hai đều chẳng phải, tướng có công năng chấp cảnh, giới hạn tướng mạo, chấp cảnh gọi là Tướng, ngoại đạo phần nhiều chấp làm nhân sinh tử, nên nêu riêng về tướng, không gọi là có khởi tướng, tâm sở, v.v... khởi tướng còn lại đều chẳng phải. Thân sắc uẩn sắc tượng, tướng trạng dễ biết, tâm do tướng ẩn kín, nên đối với y theo chỉ gọi là hữu sắc.v.v..., không gọi là hữu tâm, chết diệt là cuối, sinh khởi là đầu, vì đầu có sau không, nên y theo sinh loại, gọi là noãn sinh v.v..., không gọi là noãn tử, v.v... đây nói về tâm nguyện của đầu tiên được cảm hóa nói chung tất cả đều cùng khắp, nên y theo giới thú địa cư ở các ngãi môn phân biệt ở đây có ba. Hỏi vì sao không nói cõi đường được hóa độ, chỉ nói ba lời đáp này thọ sinh chung năm uẩn, là chung y theo chỉ trong năm uẩn uẩn sắc phi sắc, để giải thích khác nhau. Cảnh giới lại nương vào bốn phi sắc uẩn, có thể có cảnh giới, mà nói lên khác nhau, từ thô đến tế lần lựa mà bàn, cũng nói về cõi đường, ở trong ý, muốn cho bỏ sinh tử mà được Niết-bàn, nên nói thọ sinh, muốn cho bỏ sắc vô thường, v.v..., được sắc thường. Nên nói y theo chỉ, muốn cho dứt trừ nhân phân biệt, nên nói cảnh giới, tâm có làm nhân phân biệt, dứt nghi tướng này, thành tự trí phân biệt, lại ngoại đạo nói tướng là nhân sinh tử, vô tướng là quả Niết-bàn. Nay nói họ đều là sinh tử đáng độ, không có nói khác, cho nên trong luận chép: “Thọ sinh y theo chỉ thuộc về cảnh giới. Hỏi y theo kinh Thắng-man và Du-già quyển ba mươi bảy theo thì, có bốn sở hóa, là chúng Hai Thừa và vô chủng tánh hoặc y theo Lăng-già, nói năm thừa, v.v.... Trong đây nói chung là cũng gồm nhiếp hết các pháp. Vì sao phải nói kể đó, ta

đều giúp cho nhập Niết-bàn Vô dư, Niết-bàn Vô Dư chúng Ba Thừa đều nhập, chẳng phải thứ tư. Kinh Thắng-man chép không nghe nói chúng sinh chẳng phải pháp do gốc lành trời nhân mà được, thành tựu. Kinh Thiện Giới nói Bồ - tát địa cũng vậy, đâu phải không có chủng tánh cũng nhập Niết-bàn. Kinh đều giúp cho thành Phật, nói nhất thừa nhất đạo đều được thành Phật, nên hiểu ý Phật, đáp có ba giải thích .

1- Như văn học hạnh, hiểu biết căn tánh đối với vô chủng tánh trời nhân khéo tạo tác. Trong kinh Thắng-man chép: Nếu mới học hạnh, chưa biết căn tánh, nhưng gồm phát ý đều giúp nhập diệt, văn kinh này cũng không có tự tưởng trái lại.

2- Trông mong ý nguyện kia đều giúp nhập diệt, văn kinh này, y theo thật mà nói có vô tánh, là gốc lành trời nhân trở thành không được nhập diệt, đồng với các kinh, kia riêng đây chung, lý không trái nhau.

3- Giải thích thích dứt thứ hai trong tâm thứ nhất chia làm hai, đầu tiên giải thích tất cả thế giới chúng sinh vẫn thuộc về chúng sinh, sau giải thích giúp nhập vào Niết-bàn Vô dư. Trong chung ngài La-thập hoàn toàn không.

* Ngài Lưu-chi nói: “Tất cả chúng sinh thuộc về chúng sinh. Luận này chép: “Tất cả thế giới chúng sinh, lập bày theo trụ thí rồi, với đồng Năng Đoạn .

Năng Đoạn nói: “Cho đến thế giới hữu tình lập bày theo sở lập bày theo . Trong đây ý nói, ngoại đạo Ni Càn nói: “Cỏ cây theo đều có mạng sống, Phật thì không phải như vậy. Lập bày theo trong năm món vô lượng. Trong đầu tiên nói thế giới hữu tình vô lượng này ở đây là lập bày theo tên gọi.

* Tên năng thuyên, hoặc gọi là tướng, vì nhân tướng khởi, hoặc gọi là vô thể, chỉ là ý giải thích của tâm tướng, sinh khởi ở Tướng, nên gọi là Tướng, hoặc gọi là lập bày theo . Pháp vốn không có tên, tên đều là giả lập bày theo , lập bày theo không xứng với pháp thể, không phải chỉ có tên, là pháp thượng lập bày theo , cũng là Thế tôn vì dị ngoại đạo nói cỏ cây, v.v... cho là chúng sinh, chỉ nói nếu có năm uẩn bên trong cho là hữu tình, nhân có khả năng lập bày theo là Phật. Chánh lập bày theo thể gọi là sở lập bày theo . Thể của hữu tình, đều muốn độ, chẳng độ ngoại đạo tất cả hữu tình cỏ cây theo cũng muốn cho nhập Niết-bàn, là ý ở đây. Luận chép : Nghĩa là các thứ trên, là trên đã nói ba thứ khác nhau, các thứ thể tướng ở cõi chúng sinh, vì Đức Thế tôn lập bày theo tên gọi hữu tình, đã hiện rõ lập bày theo , cho là thể của hữu tình, nói chung trên đây gọi là chúng sinh.

Ở sau nói hóa độ ta giúp nhập Niết-bàn Vô Dư chia làm ba. đầu tiên giải thích vì sao không nguyện cho các pháp khác mà nguyện Niết-bàn.

Kế là giải thích noãn sinh thấp sinh v.v... nguyện nghĩa là được Niết-bàn, sau giải thích chỉ nói giúp nhập Vô Dư không nói giúp nhập nghĩa khác. Văn đầu tiên hỏi: “Vì sao nguyện thể của quả vui này có cả thế gian và xuất thế gian. Vì sao không nguyện cùng quả vui thế gian, xuất thế gian có hai:

1- Bồ-đề.

2- Niết-bàn.

Vì sao không nguyện cho quả Bồ-đề? Trong kinh Thiện Giới thứ nhất và Bồ-tát địa chếp: Phát tâm Bồ-đề, nguyện cho chúng sinh được đại Niết-bàn và trí Như lai. Vì sao trong đây chỉ nguyện cùng Niết-bàn? theo giải thích đầu. Hỏi vì sao chỉ nguyện cho với Niết-bàn này, không thể được nghĩa, mà không cho cái vui thế gian sẽ có được quả. Theo cách giải thích thứ hai. Hỏi vì sao chỉ nguyện cho Niết-bàn này, mà không nguyện cùng với quả Bồ-đề, rõ ràng không thật có nghĩa ấy, là đáp văn nhiếp, theo câu hỏi đầu để giải thích đáp rằng: “Vì sinh sở nhiếp không có lỗi, do đều là sinh, trước nói bốn loài, mà nói có chết, do sinh là khổ, dứt sinh là vui. Quả vui của thế gian, sinh thêm không diệt, Niết-bàn diệt sinh, nên nguyện cho niết bàn, vì thế nói là sinh sở nhiếp không có lỗi, do chỗ độ đều thuộc về sinh, trái với sinh quả vui Niết-bàn. Theo câu hỏi thứ hai để giải thích đáp, do Bồ-đề không thật có nghĩa, Hai Thừa định tánh không thể được Bồ-đề. Vì trí nhất thiết chủng, nhưng theo chỗ độ giáo hóa, đều thuộc về nhiếp, nên cho Niết-bàn, đều là sinh nên diệt sinh kia cho cái vui Niết-bàn, đồng với lời trong kinh Hoa Nghiêm sơ phát tâm nguyện ưa thích giúp nhập Niết-bàn, chẳng phải Ba Thừa, đều được Bồ-đề, không nói cùng phi tất cả sinh đều được nhập Niết-bàn Vô Dư. Trong đây nói, như trước đã giải thích. Lại giải thích, tuy trí Bồ-đề chẳng phải đều đạt được, như sơ nguyện trong Du- già, 1/ ý ưa thích rộng khắp. 2/ vì chưa hiểu, phát nguyện cho họ. Văn đây y theo thật nên không nói cho, lại có giải thích khác, đến dưới sẽ biết.

Như noãn sinh v.v... ở sau giải thích nghĩa thứ hai noãn sinh thấp sinh v.v... được Niết-bàn. Là có nhân văn hỏi rằng: Trong bốn loài, hai loài sinh thai sinh hóa sinh thuộc về sinh lên cõi trời cõi người, có thể giúp được nghĩa nhập Niết-bàn, thấp sinh noãn sinh phần nhiều thuộc quỷ và súc sinh, thì làm sao cho nhập Niết-bàn. Trong ba cảnh giới, một

loại có tướng có thể giúp cho nhập Niết-bàn, đã trụ cõi trời Vô Tướng và Phi Hữu Tướng Phi Vô Tướng, làm sao đều nhập Niết-bàn, mà y theo hiện thân phàm nhập nghĩa Thánh Niết-Bàn thì đều không được, cho nên trong đây hỏi, chẳng phải địa khác ở trước đã nhập Thánh, sau sinh lên Hữu đảnh không thể nhập Niết-bàn. Nếu theo văn này, không làm lời giải thích này thì sinh lên Hữu đảnh, không nhập Niết-bàn, lại trái với tất cả Thánh giáo. Lại nói đấng là v.v... Đối với hai món y theo chỉ, hiện đang có chút phần Hữu sắc, có thể giúp nhập Niết-bàn. Hiện trụ có chút phần Vô Sắc, làm sao cũng giúp cho nhập Niết-bàn được? Địa ngục trong hữu sắc, không thể nhập Niết-bàn, trong mỗi nghĩa đều phải có lỗi ý hỏi. Văn đầu tiên nói . Như thế cũng có vô tánh hữu tình không nhập Niết-bàn, ở đây lược bỏ chữ vô, giống như phải hỏi có, không nên nghe không, lại đầu tiên phát tâm nên nghe đều có, không nên nghe cái riêng không có, nên lược không hỏi. Lại nghĩa ấy là quyết định không thật có, cho nên không cần hỏi. Đáp có ba nghĩa, tùy phân biệt, sinh ở chỗ tám nạn, đợi khi được cứu giúp ra khỏi, căn tánh được thuần thực sẽ được giáo hóa. Như Tỳ Kheo Tiểu Xuyên, Tỳ kheo Cấp Man, vua Đảnh Sinh, v.v... noãn sinh thấp sinh cũng đều có thể giáo hóa, ở đây y theo Tổng để làm câu hỏi . Trong lời đáp do có các loài kia có thể giáo hóa, những ở đâu chỗ tám nạn quyết định làm lời đáp.

Vì sao nói các cõi Niết-bàn Vô Dư ở sau đều giúp nhập vào Niết-bàn Vô Dư nghĩa có hai: đầu tiên hỏi, kế là đáp. Trước hỏi nên biết, vì sao không nói chung được tất cả Niết-bàn, mà chỉ nói Vô Dư. Nhưng các giáo của nghĩa Niết-bàn khác nhau. Kinh Niết-bàn chép; đây theo đủ bốn đức Đại Niết-bàn, Đại Niết-bàn đây theo đủ bốn tính chắc tốt thường, lạc Ngã tịnh, trong Nhiếp Luận chỉ nói: 1- Niết-bàn Vô Trụ Xứ: Lại nói Thanh văn Thừa nhập tiểu Niết-bàn nhân Đại thừa nhập Đại Niết-bàn. Trong Luận Mười địa nói có hai là đồng tướng, , tướng. Khác Kinh Thắng-man chép có hai: Hữu Dư, và Vô Dư. Kinh Kim Quang Minh nói có ba niết bàn Hữu Dư, niết bàn Vô Dư và, Niết-bàn Vô Trụ Xứ. Lại nói có bốn thứ niết-bàn niết bàn : Tự tánh tịnh, Phương tiện tịnh, niết bàn Hữu Dư, và Vô Dư.

Trong Duy Thức dịch vào đời Lương Nhiếp Luận bản cựu dịch chép có bốn thứ niết-bàn là niết bàn: Tự tánh tịnh niết bàn, Vô Trụ niết bàn, Hữu Dư và Vô Dư Niết-bàn. Lại nói có 3 việc đây theo đủ, nhập đại niết bàn, đây theo đủ ba việc, chẳng phải là ba Niết-bàn. Niết-bàn cũng chẳng phải là ba loại, thể thành một Niết-bàn, trong đây chỉ phân biệt sáu hạnh thế gian đã được phần Niết-bàn và Hữu Dư Niết-bàn kia,

không phân biệt tự tánh. Trong phân biệt có bốn thứ:

- 1/ Chỉ phân biệt với Niết-bàn phi trạch diệt kia.
- 2/ Chỉ phân biệt với Hữu Dư Niết-bàn trạch diệt thiểu phần.
- 3/ Tự do túc nghiệp đều phân biệt hai Niết-bàn ở trước.

4/ Niết-bàn Như vậy theo v.v... ở sau kết giải thích phân biệt không nhân của nói hai Niết-bàn. Trong phần đầu chỉ nói chung là được Niết-bàn, cùng với Phật đã nói phạm phu ngoại đạo đã được sáu hạnh phục hoặc của thế gian đã rõ phi trạch diệt nhiếp phần Niết-bàn kia, không lộn lạo trong lời nói khác, kia là quả Sĩ dụng trong năm quả. Nhờ năng lực Đại phu mà được, chẳng phải lia hệ quả. Tuy nhân đã được, không có Phật cũng được, do chẳng rốt ráo, nên không thuận với ở đây. Phần Niết-bàn kia cũng gọi là Phương tiện Niết-bàn, vì là sở đắc của nhân phương tiện ở thế gian, Vô Dư không phải như vậy, ở phân biệt thứ hai không nói Niết-bàn Hữu Dư. Trước hỏi nên biết, kế đáp rằng. Kia vì cộng quả, Niết-bàn Hữu Dư y theo ở thế gian, có khổ để nương, thân không khổ, chỗ nương và thân đều được. Tuy quả giải thích thoát chẳng phải như Vô Dư, Ba bậc Thánh Thừa phải nương không có khổ, mới được quả bất cộng. Cho nên nói giúp nhập vào Vô Dư, thứ ba là đều phân biệt không nói trong hai Niết-bàn trước, tự vì túc nghiệp, lại gặp lời Phật, mà được quả, do hai nhân giải thích không nói lý do phương tiện Niết-bàn. Lại chẳng phải một bề, do một nhân duyên, giải thích mà không nói lý do Niết-bàn Hữu Dư, nghĩa là thế gian được phần Niết-bàn kia, chẳng những năng lực của quả trượng phu chẳng rốt ráo, mà cũng do nghiệp đời trước, thường huân tập làm nhân, mà được hiện nhập. Như khi kiếp hoại nhậm vận mà được. Lại như ở sau, có huân tập kế tiếp địa định, lui sụt xuống địa sau, đã sinh địa sau rồi, do năng lực của nghiệp tập, nhậm vận lần lần huân tập định cõi trên hiện tiền, đâu không có diệt vô dư cũng là túc nghiệp được. Niết-bàn Vô Dư kia phải do năng lực của ngoại duyên bên nghe pháp, gặp được Phật nói, không đồng với phần phương tiện Niết-bàn kia, không đợi Phật nói phương tiện mà được. Lại, Niết-bàn Vô Dư một khi được về sau, thì tròn đầy an vui, không còn chút khổ, Niết-bàn Hữu Dư kia, hoặc nghiệp tuy hết, mà các khổ chưa dứt, chẳng phải hoàn toàn hưởng về quả, vì thân khổ Hữu dư, nên chỉ nói Vô Dư, không nói vô dư hai món Niết-bàn. Ở đây có cả hai nghĩa Niết-bàn. Của ba thừa nếu y theo giai vị Phật, thì thân trì hữu lậu không gọi là Niết-bàn Vô Dư, thân trí vô lậu gọi hữu là dư diệt, lại không có nghĩa này, trên nay đã nói hay không nói và lý do của phần hữu dư kia. Phân biệt kỹ, do độ Ba thừa không nói giúp được Đại

Bát Niết-bàn và Vô Trụ Xứ, cho đến đồng biệt tướng tự tánh thanh tịnh, và Đại Bồ- tát. Trong luận do kinh chép phát đại tâm đã độ giúp cho Ba thừa chung giáo hóa, nên chỉ lựa hai. Nay họ giống như được chung Hữu Dư Ba Thừa, chung còn lại chẳng phải Niết-bàn. Luận cũng tự nói phi cứu cánh thứ tư kết thúc giải thích không nói lý do hai Niết-bàn. đầu tiên lặp lại hai Niết-bàn, kế là dùng riêng bốn nhân để kết, sau là tổng kết, cho nên nói Vô Dư.

1- Năng Lực quả của trượng phu.

2- Chẳng phải quả rốt ráo.

Tức của tập nghiệp quả, đời trước quả rốt ráo kia là nhờ gia nhân hạnh mà được, hai nhân này kết luận giải thích không nói Niết-bàn phương tiện hữu dư.

1- Cộng quả.

2- Nhất hưởng quả.

Hai nhân này kết lại giải thích không nói Niết-bàn Phương tiện Hữu Dư. Tổng kết cho nên chỉ nói Vô Dư, không có lỗi này. Còn Vô Trụ Xứ và Đại Bát Niết-bàn kia, nhân Đại Thừa được, người Hai thừa định tánh đều không được, cũng không nói cho. Nhưng Bồ -tát Địa và Kinh Thiện Giới quyển thứ nhất, đầu tiên phát tâm nguyện Đại Bát Niết-bàn và đại Bồ-đề, hoàn toàn khác với đây, ở đây đồng với kinh Hoa Nghiêm, giai vị Sơ phát tâm trong được Vô Dư, đại khái có ba giải thích .

1- kia đồng với ở đây nói Niết-bàn Vô Dư của Đại thừa cao siêu, rõ ràng cũng được Bồ-đề.

2- Ở đây nương chủng tánh, chẳng phải đều được thành thật, cho nên được vô dư, đó là nói ý chung, nguyện thành thật cũng không trái nhau.

3- Ban đều giống như chưa giải thích nguyện kia đều được. Đây là y theo các thứ, không nói Bồ-đề, ở đây đều phát nguyện, nên lược khác nhau, cũng không được tự tánh thanh tịnh Niết-bàn. Kia đã thành lâu, không cần phải hỏi, nên chỉ chia hai.

Dứt thứ ba giải thích trong tâm thường chia làm ba.

- Đầu tiên giải thích kinh lặp lại đã độ sinh.

- Kế là nói về hạnh thường.

- Sau giải thích thành nghĩa thường.

Vấn ở đầu nên biết, không có chúng sinh được Niết-bàn, dưới là giải thích hạnh thường.

Đầu tiên nhắc lại văn kinh, câu hỏi rất dễ hiểu, chỉ nói có chúng

sinh tướng, đối với mắt sáng thấy cái khác, nên chỉ nói một, không nói tên khác.

Giải thích: Nếu Bồ-tát đối chúng sinh nghĩ là thân khác, không sanh tâm nhiếp độ họ, nghĩ là đồng với mình thì, không gọi là Bồ-tát, ở sau trong giải thích chứng đạo v.v.... Do các Bồ-tát chứng chân trí, sau được nhiếp các hữu tình đồng tự tánh ý, giúp sơ phát tâm nếu chưa chứng cũng y theo đây mà hiểu, do không có kia đây, không sinh mệt nhọc, nên có khả năng thường độ. Nếu thấy ngoài thân có riêng chúng sinh, không có ý đồng thể, chấp sinh mệt nhọc, thì không thể độ, lập bày theo độ không thường, nên trong đó giải thích rõ trong mười sáu quán không rớt ráo đều không nói rằng: Vì thường lợi ích hữu tình, do quán hữu tình rớt ráo đều không, nên thường được lợi ích. Ở đây cũng vậy, vì không thấy ngoài thân có chúng sinh.

Thứ tư là giải thích trong tâm không điên đảo có ba. Đầu tiên nhắc lại văn kinh để hỏi. Kế là chánh giải, sau hợp thành. Những điều trong kinh lập lại ngài Lưu-chi nói vì v.v... sao trở xuống có chữ “Phi”, ba bản còn lại và luận này đều không có. Do trên v.v... lại vì sao đều nương ở trước để phát khởi câu hỏi, mới khởi văn sau, sau đây là gạn vì sao? Có chữ “Phi”. Vì sao là chẳng phải Bồ-tát, đối với Năng Đoạn, đầu tiên vì sao? Sau đó vì sao, bản này và ngài Lưu-chi nói có ba: Nghĩa là chúng sinh mạng nhân, bản của ngài La-thập có bốn thêm Ngã, nói Năng Đoạn có tám, chỉ nói ba. Nhưng nói chỗ giáo hóa khác nhau có ba đời ba cõi khác nhau thân ba cõi thân ba đời khác phần nhiều khác nhau.

Không nói tự ngã, nói có bốn, văn thuận trên dưới, tự tha, chung riêng nói chung, bốn thì nói có tám. Theo bản ở chùa Ngọc Hoa dịch vào niên hiệu Trinh Quán, trong bản Đỗ Hạnh khải nói có tám. Sau vào niên hiệu Hiển Khánh ở chùa Ngọc Hoa, dịch Đại Bát-nhã. Ngài Di-lặc có bốn Phạm bản, đều chỉ nói có bốn. Nhưng phần Nhiếp trong Thích huân du-già cũng giải thích thích kinh có tám y theo đây nên biết. bản kinh rằng có rộng và lược, trong bản rộng của Đỗ khải có nói văn Năng Đoạn là lược. Bản Vu Điền đồng với văn của ngài La Thập trong. Trong ấy là bản Thiên-trúc, đồng với bản của ngài chân Đề và ngài Lưu chi. Ở chùa Ngọc Hoa dịch lại, văn cũng giống nhau. Nay ở Phạm Kinh Đài chùa Từ Ân có đủ các bản, nhưng do trước đó ngài Đế-lặc làm Năng Đoạn, chưa cho sửa đổi để vào niên đại, e là rất sai lầm, về sau để ở chùa Ngọc Hoa dịch lại, cho nên các bản thêm bớt khác nhau, nhân học nên biết.

Trong chánh dịch, nếu dùng tâm phiền não lấy đó độ sinh, thì khởi ba tướng, họ có thể hóa thành Bồ - tát, thật lại có hai môn tự tha tướng chuyển, mới khởi điên đảo. Thế nào gọi là Bồ - tát? Trong Thích Thánh nói Bồ - tát đối với họ không có lay theo chuyển, chứng chân Bồ - tát đối họ được giáo hóa không khởi tướng thân khác với chúng sinh là.

Do hai nhân duyên, không khởi tướng là thân khác chúng sinh, một phen đã dứt được ngã kiến, vì được vô ngã, không có phiền não, được các tướng tự hạnh bình đẳng, không có pháp chấp. Cho nên ở dưới luận chép được thô ác bình đẳng, cho nên có tin khả năng hiểu tự tha bình đẳng, khuyên phát tâm, cũng nên như vậy. Kết chung thành rằng: Bồ - tát kia chẳng phải chúng sinh mạng nhân chấp kiến, chẳng là không. Do các Bồ - tát không có chúng sinh để chấp lấy, không có tự tha năng sở hóa độ, là nghĩa của kinh, nên không điên đảo. Nếu có tâm năng chấp lấy như vậy, nở gọi là điên đảo, Năng Đoạn lại kết. Khéo hiện cho nên không có chút pháp gọi là phát thú Bồ - tát thừa, kết thành vô ngã, vì không có giáo hóa, năng hóa cũng không, bản khác không có những việc này. Lại bản của ngài La-thập, trong văn kinh chỉ có một văn, tức chẳng phải Bồ - tát thiếu kết hợp đầu tiên để làm văn. Nhưng luận của Thiên Thân chỉ dùng một bài tụng, phối hợp giải thích kinh này. Bồ - tát Địa nói: Phát tâm đầu tiên có hai pháp kỳ lạ không giống với thế gian.

1- Nhiếp các chúng sinh, đều làm quyến thuộc, đây giải thích như vậy.

2- Nhiếp quyến thuộc lỗi không thể nhiễm, do không thêm tổn nhiễm trái thuận, đối với chúng sinh kia, phát sinh lợi ích, an lạc ý vui, bỏ ác làm lành, vì cứu khổ cho vui. Đây là đầu tiên phát sinh bốn ý.

Trong giải thích nhiếp trụ xứ dứt thứ hai chỉ đáp, trong ba lần hỏi chia làm hai. đầu tiên chỉ văn, sau giải thích lại, kế là phát nguyện, từ nhiếp rộng lớn văn thứ nhất, thứ hai là muốn phát nguyện. Đáp câu hỏi đầu tiên, chánh cầu suy theo nghĩ, dùng tâm thường hằng làm đẳng chí. Đáp câu hỏi thứ hai, lược không có văn kinh, thật không có chúng sinh được diệt độ. Nếu theo Ngài La-thập, không trùng lặp đầu tiên thì chẳng phải văn Bồ Tát, lại không có đáp này, chánh khởi định vô phân biệt. Đáp câu hỏi thứ ba, văn có ba, kế giải thích nghĩa, sau thành trước, trong giải thích là Niết-bàn, cảnh giới, định vị quán các cảnh tướng, đều không có tự tha, đối với tán vị như ở trong định trụ quán cảnh giới, cũng không có tướng khác. Sau lại thành trước tu hành nói: Cho nên

không có chúng sinh nào được Niết-bàn, nghĩa này được thành tựu.

Giải thích thích lại, muốn trong nguyện có ba. Nói về thắng, 2-hạnh. Nói về không nói. Ý nói văn đầu tiên, là muốn nói lợi hạnh, trước muốn mong nguyện đầy theo đủ, kế là tu chánh hạnh. Tu chánh hạnh, phải đối với định tán lạp ra tất cả thời, hày theo phục dứt trừ chấp chướng, chấp chướng không dứt thì, hạnh không thể tu, muốn nguyện không đủ, cho nên muốn dùng nguyện, nhiếp các trụ xứ, để làm tối thắng. Đầu tiên của thắng là tiến đến làm lành dứt ác, trong hiển hạnh nhưng hạnh vô tướng, vô phân biệt, định diệt các chấp tướng, hành các trụ xứ, tương ứng với định, những đã hạnh không thể tu thì nguyện thì chắc chắn thành tựu đầy theo đủ, trụ hữu phân biệt, không dứt chấp chướng, nghĩa là buông lung rồi tự cứu giúp sinh, từ đó về sau phát sinh ra nguyện ưa muốn rộng lớn, không đâu chẳng đầy theo đủ, văn nói rõ không nói nghĩa cao quý ý nguyện mong muốn, văn kia nên biết. Nếu theo ngài Thiên Thân, trên nay hợp lại chỉ đáp câu hỏi câu đầu làm sao trụ, hỏi ngài Vô Trước và Thiên Thân cùng nương theo Đức Từ Thị. Trong xưng là Côn quý, ngoài gọi là thầy theo trò, văn kinh dịch đủ, đều là nhân khuôn phép cho.

Vì sao do nhân em chế ra hai vòng, đáp riêng câu hỏi trước, nhân anh chia làm ba dứt , đáp chung lời gạn ở trước, thành ra nương các địa mà tiệm tu, hoặc giải thích nghi mà khởi bày theo huyền tông, lại khác với đại khái vì nói nghĩa cạn nên văn thiếu, không thể nào nói mâu thuẫn để làm nghĩa của Sư, văn thầy theo không thể nói mà nói đã có mâu thuẫn, bậc tiền triết hoa mộng như thế nào, thì bậc hậu hiền nguyện giúp kim chỉ nam, do tuần mã chưa ngộ, nên làm cho biết mà trở về, để tuần mã được ngộ. Đáp vì bàn bạc lâu Ngày nên các bậc hiền đạo đồng, nhập thất nhiều năm, tín thành vang dội, trong đây có ba lần hỏi, lần hỏi thứ nhất nhân em chế hai lần, là việc say theo mê tông của bậc tiền đức, nhân anh chia ra ba dứt , chính là ngộ ý chỉ của Ngày nay tu. Ngài Vô Trước bảm thọ bài kệ của ngài Di-lặc, ngài Thiên Thân nhận ý chỉ của Hiền huynh. Tại sao được nhân anh nói một lần, nhân em chia làm hai lần. Ngài Thiên Thân cũng một vòng mà nói giải, tự giải thích rằng: cũng có giải thích thích riêng, đã giải thích như trước, lại câu hỏi thứ hai nhân em đáp riêng câu hỏi trước, nhân anh đáp chung lời gạn trước, nhân em tùy văn tăng để soạn ra câu đáp, nhân anh theo nghĩa đủ mà đáp câu hỏi . Lại nhân anh y theo nhân lợi căn để giải thích văn, nhân em tùy phẩm độn mà giải thích nghĩa. Lại, nhân em tùy nhân mới học mà chỉ bày theo tông, nhân tùy tu lâu trình bày theo ý chỉ. Do

đây khác nhau, không trái nhau. Lại câu hỏi thứ ba, nhân anh theo các địa mà tiệm tu, lại người giải thích nghi mà hiển khởi, nhân nghe chỉ tùy tin mà quyết định, tức nói pháp môn tiến đến làm lành dứt ác, nhân nghe sinh nghi, liền theo tâm nhân để trình bày theo diệu đạo. Nhân anh tùy nghĩa trước, y theo các địa tu hành, nhân em theo các nói sau, giải thích nghi khởi bày. Lại nhân anh chỉ nương tông để giải thích nghi, nhân em bèn y theo các nói để nói về văn mới.

1/ Cách này y theo đồng hay không đồng, lý thật chẳng phải mâu thuẫn nhau, về đại thể thì đồng về chi tiết thì khác, nên giải thích hai văn, như ở dưới nói về nói.

Trong đây phát tâm có hai câu hỏi đáp.

1- Hỏi hoặc có chủng tánh mà phát đại tâm, hoặc không có chủng tánh cũng phát đại tâm, đã phát tâm đầy theo đủ vì sao chủng biết sẽ được quả Phật.

2- Chủng tánh có khác, đáp Bồ-tát địa nói: Nếu có sáu Độ chủng tánh tướng, hễ phát tâm thì được quả Phật, nếu không như vậy theo thì không được, nghĩa là có lập bày theo chủng, tánh ưa thích đều rộng khắp, đại tuệ thí xả, không có tài của hổ thẹn, khen ngợi khuyến khích tùy hỷ, thọ pháp đặc biệt không khác nhau, nhân trách không ngăn được, không cô phụ tài vật. Tuy cầu tài vị, mà ý ưa thích rộng lớn, mau được rồi nhàm chán, cứu giúp sợ sệt, thích nói việc vô tội. Có giới chủng tánh bố thí, tánh thành phẩm xấu bất thiện cho ba nghiệp, mà không cực bạo ác, không làm tổn não người, khởi ác mau sám hối, thường thực hành tứ ái, thường cung kính không kiêu mạn, việc làm hợp thời, khéo thuận tâm người. Trước nói thích nhìn xem, biết ân ngay theo thẳng, như lý mong cầu, thích tu Phước nghiệp, thấy khổ thương xót, còn hơn đối với bản thân, tội nhỏ rất sợ, như pháp đồng sự, chẳng phải pháp khác nhau, bỏ mình thành người, có đức từ ái, bao gồm tự tha. Có nhân chủng thì bị nhân làm hại, không có tâm báo thù lại, khuyến ngăn mau nhận lỗi, không bao lâu tâm oán gặp khổ mà nhân được, có ấn tượng lời nói khéo. Có tinh tấn chủng, tánh tự tinh tấn siêng năng, thức khuya dậy theo sớm, làm những việc tinh tấn, mạnh mẽ phương tiện rất ráo, làm việc khéo léo vững chắc, đối với chân lý tâm không yếu hèn, đối với việc cầu quả cao quý, không tự xem thường, việc khó không sợ, việc lớn không mỏi mệt. Có tịnh lự chủng, tánh suy theo nghĩ nghĩa pháp, thường ưa vắng lặng, kính mến ra khỏi, coi nhẹ ràng buộc, không bị việc ác khuấy nhiễu, thấy chúng sinh khổ thương xót, tùy khả năng mà cứu vớt, ưa bố thí lợi lạc, ghi nhớ pháp không quên.

Có tuệ chủng, thành tuệ câu sinh, hay đi vào nơi sáng, tánh không ngu độn mê mờ, ở chỗ buông lung, mới suy theo nghĩ lựa chọn. Nếu trước có sáu Độ này tu tập, phát tâm Bồ-đề, sẽ được quả Phật.

Vô chủng tánh, không phải bản trí, tuy là phát tâm, nhưng sẽ không được thành Phật.

2/ Hỏi: Nếu có chủng tánh trước đã thành, vì sao không mau thành Phật.

Đáp: Vì bốn nhân duyên, nên không được thành Phật.

1- Không gặp được ban hành nói đạo Bồ-đề cho nghe.

2- Tuy gặp mà nói chấp điên đảo. Học điên đảo

3- Tuy không có các điên đảo này, nhưng phương tiện chậm chạp, biếng nhác, không siêng năng tinh tấn, tuy siêng năng tinh tấn nhưng gốc lành chưa thuần thực, tư lương chưa đủ, cũng chưa có thời gian lâu dài tu Bồ-đề phần, không được phương tiện này. Đây là mới phát tâm có năm đức tướng.

1- Đầu tiên phát tâm có được chánh nguyện, nhiếp khắp tất cả, còn chánh nguyện khác, cho nên phát tâm bằng cách nguyện đầu tiên để làm tự tánh.

2- Là khởi lời nguyện, nguyện ta quyết định, sẽ chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ-đề, có thể làm tất cả nghĩa lợi cho loài hữu tình, rốt ráo ở yên trong Niết-bàn rốt ráo cho đến trong trí rộng lớn của Đức Như lai, cho nên phát tâm quyết định mong cầu hành tướng kia.

3- Dùng Đại Bồ-đề làm cảnh giới cho loài hữu tình, cho nên có sở duyên.

4- Sơ phát tâm này nhiếp các hạnh mâu, có thể trái với tất cả hành vi ác của hữu tình, nên tương ứng với tất cả công đức.

5- Đây là sơ chánh nguyện đối với các nguyện thế gian và xuất thế gian, tối thượng bậc nhất. Sơ phát tâm này gọi là Thú nhập Vô Thượng Bồ-đề, vào kiếp đã dự vào trong các số Bồ-tát Đại thừa, có thể làm căn bản cho Vô Thượng Bồ-đề, vì đồng với đại bi, chia ra làm chỗ nương cho tất cả nhân học. Từ đây về sau, hoặc có lui sụt, hoặc không lui sụt, có lui sụt rồi trở lại tu, đây là mới phát tâm do bốn thứ duyên:

1- Thấy nghe Chư Phật v.v... có năng lực thần thông rộng lớn.

2- Nghe giảng nói tạng giáo Bồ-tát.

3- Thấy Phật pháp sắp diệt, nhớ nghĩ lời pháp tồn tại lâu đời dứt trừ các khổ, ta phải phát tâm, sẽ làm việc lợi ích.

4- Bốn thời kiếp mạt, thấy chúng sinh ác có mười phiến não thường bị ngu si v.v... khuấy rối, nhớ nghĩ lời nói phát tâm Hai Thừa, còn khó

có thể được, hướng chỉ là đại Bồ-đề, ta sẽ phát tâm giúp họ học theo ta. Lại có bốn nhân :

- 1- Đầy theo đủ chủng tánh.
- 2- Được ban lành nhiếp thọ.
- 3- Có tâm thương xót đối với chúng sinh.
- 4- Khổ hạnh không khiếm sợ.

Trong bộ Nhiếp Đại thừa nói: Năng lực thanh tịnh tăng thêm, tâm thắng tấn vững chắc, gọi là Bồ-tát sơ tu vô số ba đại kiếp. Tâm đại Bồ-đề dùng gốc lành mà làm tự thể, gọi là năng lực thanh tịnh, vì hàng phục dứt trừ chướng các, lấy ban lành làm duyên, gọi là năng lực tăng thượng. Do không lui sụt làm sách phát, gọi là năng lực vững chắc. Tuy gặp bạn ác, phương tiện bị ngăn trở, mà không hề xả bỏ tâm đại Bồ-đề, chỗ tu thiện pháp hành vận hành tăng trưởng, thắng tấn như vậy, đều gọi là tối sơ phát ý. Sau khi phát ý lại tâm huân hạt giống Văn Tư, làm xong tư chất hạt giống vô lậu, hợp lại hai tên thành Tập Sở Thánh Chủng, ở trong biển sinh tử, hẹn thời gian để ra khỏi, không bao lâu chắc chắn sẽ mau chứng đến bờ kia, nên pháp tu hành gọi là Ba La Mật Đa. Đã gặp gần gũi có bốn món tương ứng, phải rõ biết thân cận thọ học.

- 1- Trí tuệ thông minh, không theo ác kiến.
- 2- Không dạy theo họ buông lung không truyền giới cụ túc cho họ.
- 3- Không xúi giục họ làm việc ác, hạnh không trao cho họ các pháp nhân duyên.
- 4- Không khuyên họ bỏ những pháp cao quý đã tu trước, dạy theo tu các pháp thấp kém, cho đến không hề duyên bỏ Đại thừa, giúp họ tu Hai Thừa, đây là tướng bạn ác, phải nên xa lìa, phải phân biệt rộng phát tâm trụ nhiều ít công đức nhân duyên khác nhau v.v..., đều như trong quyển Địa thứ năm mươi bảy theo kinh Hoa Nghiêm và kinh Thiệt Giới, thứ nhất Bồ-tát địa có giải thích rộng.

Giải thích thích Tín Hành Địa, đại văn chia làm ba.

- Nhiếp trụ xứ là giai vị Thập Trụ đã xong.
- Hai trụ xứ là giai vị Thập hạnh, Ba-la-mật Tịnh Trụ Xứ là sáu hạnh đầu tiên.
- Dục Trụ Xứ là bốn hạnh sau. Trong Ba-la-mật đầu tiên nói về bố thí là năm hạnh đầu, không trụ tướng tướng là sáu hạnh, Dục Trụ Xứ là bốn hạnh, muốn được sắc thân là hạnh Địa thứ bảy, muốn được thân nói năng là hạnh thứ tám, muốn trí tướng thân là hạnh thứ chín, muốn Pháp thân phước tướng là hạnh thứ mười, hoặc chia làm bốn.

Trên đây là giải thích nhiếp trụ xứ đã xong, dưới đây thứ hai là Ba-la-mật đa Tịnh Trụ xứ, văn chia làm hai:

- Đầu tiên nêu năm nghĩa giải thích chung trụ xứ ở sau.

- Sau mới giải thích thực hành hoặc Tín Hành Địa, đại văn chia làm hai.

Trên đây đã giải thích nhiếp trụ xứ đã xong, dưới đây mới giải thích ba trụ xứ còn lại, văn chia làm hai.

- Đầu tiên nêu năm môn trong các trụ xứ.

- Sau riêng giải thích ba trụ xứ, văn đầu tiên chia làm ba.

1. Nêu năm tướng theo văn, tương ứng với xứ của năm nghĩa kia, tức phối hợp để giải thích .

2. Nêu ra năm tên gọi.

3. Giải thích nghĩa ấy, hỏi vì sao ở trên nói trong nhiếp trụ xứ, không năm xứ này phối hợp mỗi xứ trong với văn

Hỏi : Đạo lý đều có: Nghĩa là nên sinh tâm y theo nghĩa như vậy, nói lên đối trị tâm không lui sụt, ta đều giúp họ nhập Niết-bàn Vô Dư, đây là nói tướng. Tức ở đây giúp họ nhập vào Niết-bàn Vô Dư, là nhiếp trì, tâm nhiếp trì, tức nguyện mong muốn. Mà thật ra không có chúng sinh được diệt độ, đây là an lập đệ nhất nghĩa. Nếu có ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng, thì không gọi Bồ-tát là hiển bày theo, đây là tương ứng Tam-muội và nhiếp tán tâm. Nhưng do trước hỏi có ba:

Đáp: Văn đều có đủ ba nghĩa. Đầu tiên lại giải thích phối hợp với ba lời đáp, không dùng năm thứ phối hợp với văn, chẳng phải trong văn trước không có năm nghĩa này ở đây căn cứ tăng thêm nói , như ngài Thiên Thân giải thích . Văn đầu tiên đáp câu hỏi đầu , lập bày theo văn đáp câu hỏi thứ hai, chẳng phải không có nghĩa khác tuy tăng thêm làm lời đáp, cũng không trái nhau. Lại nói lên văn trong câu hỏi , rõ đủ năm nghĩa, nói về văn trước, lý cũng đủ năm, nên lược bớt không nói.

Y theo nghĩa đối trị là chỗ dứt chướng trụ xứ. An lập là chỗ chứng lý. đầu tiên hỏi về nguyện, mong muốn nhiếp trí. Hai là câu hỏi sau, tương ứng với Tam-muội và nhiếp tán tâm, đây là nói lên , tức các hạnh được hỏi, đều là nói tướng. Ba là hỏi là chỉ hỏi để đối trị hạnh, lược không có chỗ đối trị chướng cho đến chỗ chứng lý và nói chung, vì nói về câu hỏi, vì rõ được lý khó, bèn đổi câu hỏi . Lời đáp nói đều rõ đủ. Vì muốn giúp cho họ hiểu, dứt tu chướng có ba, đều đủ lời đáp, các pháp đối trị nói rằng: Chân như Thánh Đạo, phiền não vô sinh, nay nói ba nhân cũng sẽ được Thánh Đạo, tùy mà trụ cho nên nói. Trong phần

giải thích nghĩa thì giải thích kinh này đã rõ, trong các trụ xứ ở đây đối trị làm nghĩa nương, y theo nghĩa đó đối trị, mới nói hạnh năng trị, hạnh năng trị tức các nguyện mong muốn. Cho nên sở trị: gọi là y theo nghĩa, các nghĩa đều nói về hạnh trụ xứ, vì đã nói tướng. Đã nói tướng tức các nguyện mong muốn tán tâm ba món hạnh. Thường muốn tu hạnh, thì đầu tiên phát sinh nguyện mong muốn, vì năng nhiếp giữ, đã nhiếp giữ các hạnh thì trí nhiếp tán tâm mới được thành tựu đầy theo đủ.

Trong trụ xứ, Đệ Nhất Nghĩa đế là chỗ an lập, trong chứng thật tế gọi là phi an lập, nay dùng lời nói lập bày chân như thắng nghĩa đế lý, nên gọi là an lập, pháp sở đối trị, năng đối trị ở trước không có phân biệt và quyết định, gọi là hiển bày theo. Chính là trong kinh đầu tiên tâm nguyện mong muốn đã nói lên, tông thú không có sự phân biệt, gọi là hiển bày theo, khi nhiếp phục tán tâm cũng là nhiếp phục ở đây, vì trong văn lược, y theo định thể ở sau. Trước nói tâm nguyện mong muốn gọi là năng nhiếp trí, khi không tâm phân biệt là nhiếp phục tán tâm, đây đã nhiếp trì. Ở đây nói, v.v.. trí nhiếp tán tâm hai vị, gọi là sở hiện hiện, rõ ràng nguyện mong muốn ở trước, đây là năng hiển bày theo, trước sau gọi là khác, nói về sự cao quý, khi hạnh kia thực hành, không nhất định phân biệt, gọi là tương ứng, chướng mà định đối trị tương ứng, đây là tu hành định sở tương ứng, cũng Dịch là Vô Phân biệt tương ứng trí, cũng là định chân cảnh tương ứng, gọi là Tương ứng, trong năm bộ luận Du-già, thuộc về bốn hoặc năm, nhân năng tu hành gọi là Du kỳ.

Giải thích thích văn kinh Ba-la-mật Tịnh Trụ Xứ.

Trong thực hành chia làm hai, đầu tiên giải thích năm nghĩa, để đáp ba câu hỏi, ở sau vì sao Bồ-tát không trụ tướng v.v...trở xuống là giải thích nghi sự ngờ này. Y theo bộ luận của ngài Thiên Thân, đầu tiên nói thực hành để đáp câu hỏi thứ hai, không trụ tướng trở xuống đáp câu hỏi thứ ba. Đáp thứ ba trong câu hỏi lại có hai. đầu tiên chính là đáp câu hỏi, vì sao v.v... trở xuống mới giải thích mối nghi này, tùy văn tướng kia thêm hiểu, để giải thích lời đáp, đây là tùy nghĩa đầy theo đủ, để rõ lời đáp, cũng không trái nhau, đều y theo một nghĩa. đầu tiên giải thích năm nghĩa đáp trong ba câu hỏi, y theo nghĩa có đủ năm, luận tự phối hợp với văn, hỏi đáp chia làm hai, ba phần đầu tiên không trụ lập ra lời đáp, câu hỏi đầu tiên y theo nguyện mong muốn, sau không trụ tướng, đáp hai câu hỏi sau, đáp trong câu hỏi đầu, nghĩa đủ bốn loại, ba không trụ là y theo nghĩa, ba hành là nói tướng, tức hành thì đây là nhiếp trí, tức không trụ ở đây, là an lập, phải tìm xét văn tự

phải giải thích ngộ, y theo nghĩa văn nên biết, ba cái không trụ đều y theo nghĩa, đều dứt trừ chấp đắm.

Trong phần giải thích tướng chia làm ba. đầu tiên phối hợp chung văn kinh nói về tướng. Kế là giải thích chỉ nói lý do thực hành, ở sau các pháp Ba-la-mật giải thích không trụ thực hành khác nhau, phối hợp với nói tướng. Trong ba cái không trụ, sở thực hành, đều là chỗ nói tướng phát tâm về sau tu các hạnh, cho nên dùng hạnh thí làm phát tâm, ở sau sẽ nói về tướng đó.

Kế là giải thích chỉ nói lý do thực hành, trong đó có hai: đầu tiên nêu chung giải thích, sau nói về giải thích riêng, nghĩa là có lời nói khó. Trong kinh Bồ Tát Diệu Nghiệp trình bày theo tám mươi bốn ngàn, vì sao trong đây chỉ nói bố thí, nên ở đây nêu cả sáu pháp Ba-la-mật, nhiếp trong tất cả Đàn-na hành tự tánh, trong văn này ngược lại, nên nói tất cả Đàn-sa hành tự tánh nhiếp sáu pháp Ba-la-mật, trong kinh này chỉ nói độ bố thí, còn tất cả đều đủ. Hỏi ở đây nếu như vậy, cho đến Bát-nhã, cũng nhiếp hạnh sáu Độ, vì sao, không chỉ nói một tuệ nhiếp tất cả?

Đáp lập bày theo là đầu tiên để tu hành, thô mà thay đổi tập khí, thể lại rộng mà bao gồm, cho nên chỉ nói ở đây, cũng hiển mà gồm chung, nêu chung tên kinh, y theo cao siêu làm mục đích.

Đáp: Tu hành nêu nghiệp đầu tiên mà đặt tên, nhưng ý của quán văn, trăm ngàn các hạnh chỉ nói lập bày, do lập bày theo thu nhiếp tất cả hạnh. Trước nhiếp trụ xứ là giai vị Thập Trụ, Ba-la-mật Tịnh Trụ Xứ này là giai vị Thập Hạnh, là nói hoan hỷ hạnh, v.v... đều theo thứ lớp tu một pháp, lược nêu cho nên chỉ nói lập bày theo, nhiếp ở sáu Độ, nên không nói, vì thực hành nhiếp tất cả hạnh. Lại hạnh Bồ-tát có bốn:

1. Bồ-đề phần.
2. Ba-la-mật.
3. Các thần thông.
4. Thánh tự hữu tình.

Nay nêu hạnh đầu tiên, để nói về nhiếp các hạnh, cũng không sai trái, ở sau phối hợp với văn, giải thích riêng có hai:

đầu tiên nêu lập bày theo có ba, sau tùy giải thích riêng. Trong đây có ba thứ, trong tu luận của ngài Thiên Thân đều giải thích riêng. Trong bộ Huyền Ký cũng hội lại có đồng và khác, nên tìm xem, trong pháp thí có ba:

- Đầu tiên riêng nêu.
- Hiển bày theo tướng.

- Kết thành.

Các pháp Ba-la-mật có hai thứ quả, ở sau giải thích, trong văn kinh có ba thứ không trụ thí, có ba thứ khác nhau:

- Nêu riêng.
- Tùy giải thích.
- Phối hợp với kinh.

Tùy trong giải thích khác nhau, lập bày theo được Phước báo rộng lớn, là tăng thêm quả báo tài vật giàu sang, hoặc tự thân được thánh Phạm, thân sinh tôn quý của quả báo dị thực, hạnh nhân rất vững chắc với đai quyến thuộc tinh tấn, đắc quả không dứt, đắc định được thân không hoại và quả tăng thượng, được tuệ căn lanh lợi, đây là quả đẳng lưu. Phần thường ưa thích có hai:

1. Quả vô vi xa lìa ràng buộc.
2. Trong chúng được tự quả dụng tự tại.

- Hiện tại quả có hai:

1- Được tín ngưỡng cúng dường, là ba quả Tăng Thượng Đẳng lưu và Sĩ dụng, xưa bố thí cho người, nay được nhân bố thí, là giai vị quả Đẳng lưu.

2- Được pháp Niết-bàn, là sáu hạnh thế gian đã được Phi Trạch Diệt, giống như vô vi, gọi là Hiện Pháp Niết-bàn, Pháp là đạo lý, hiện đời diệt được thô nặng, nên được lý Phi Trạch Diệt, là quả Sĩ Dụng. Trước nói được năng lực đại phu. Lại Hiện pháp Niết-bàn có năm:

Hiện được năm món dục lạc, còn bốn thứ riêng được cõi sắc bốn thứ tính lự hiện ở trước, cùng với khinh an đều trừ ít thô nặng, cũng gọi là Hiện Pháp Niết-bàn, gọi chung là quả hiện tại, tùy các pháp sở đắc, ấy mà phối hợp với nhẹ trong ba món không trụ thì vẫn có ba:

- Lập bày theo quả vị lai là một.
- Còn năm độ quả vị lai là một.
- Quả hiện tại là một.

Nhưng năm trần như sắc v.v... khác với pháp trần, nên chia thành hai: Tín kính cúng dường v.v... vì nhiếp năm trần. Năm món hiện Niết-bàn, vì nhiếp pháp trần. Trong phần nhiếp trì, kinh chép nên thực hành bố thí, tức trên nói ba món nên thực hành bố thí, trong giải thích an lạc, không trụ thí, cũng là từ trước đến đây ba món không trụ thí, vẫn chia làm hai.

- Thuộc về văn kinh.

- Giải thích đầu tiên nghĩa tướng thứ nhất, do không trụ, không trụ chấp là nghĩa bậc nhất. Như tất cả việc nghĩa là ở trước nói việc bố thí

không trụ là Đệ nhất nghĩa, như có sự. Nghĩa là trước nói một đối với sự lập bày theo không trụ có hai. Không có chỗ trụ thì có ba đối với sáu trần thí không trụ, ba món như đây đã có trong sự, đều không trụ thí, gọi là đệ nhất nghĩa, cho nên trong luận kết thúc rằng: Đã không trụ các vật, là chỗ có các vật để nói, nói về nêu việc đầu, thì các thủ không có chỗ trụ, đối với sáu trần bố thí, hợp với ba món này, gọi là tất cả việc, trong ba việc này không an trụ, gọi là Đệ nhất Nghĩa đế. Trên đây thực hành bố thí, giải thích bốn nghĩa đầu tiên, sau giải thích đẳng trí Địa thứ năm và nhiếp tán tâm, lời văn rất dễ hiểu. Tướng là cảnh, tướng là tâm. Luận của ngài Thiên Thân nói: Thí là thọ là các vật, tùy hợp với tướng của sáu độ ba việc, chấp ba tướng này, gọi là tướng ứng, tức là tướng đảo, là có bảy theo đảo, tức thường lạc ngã tịnh, tâm tướng, kiến đảo, nay nói tướng đảo, các chấp nhiếp tâm, quán ba việc không, khởi ba luận thanh tịnh, nên gọi là Bát trụ.

Trong kinh Năng Đoạn chếp: Nếu không trụ tướng tướng, trên đây nguyện mong muốn còn không trụ chấp, cho đến thuộc về đẳng trí, tán tâm cũng vậy, nên như đầu tiên không trụ thí, cho nên có như đồng, hoặc nương chân lý, vì tánh không trụ chấp, nên thí tướng như lý không trụ, theo lời giải thích của ngài Thiên Thân. Nếu hàng phục tâm mà dứt chướng, như chỗ tu hành không trụ tướng tướng, tâm chướng tự dứt, đây là tùy nghĩa đều đáp đủ ba câu hỏi. Luận chủ Thiên Thân y theo theo hạnh đầu tiên lần theo thứ lớp mà tu thêm văn tướng để rõ, đáp riêng ba câu hỏi, như trên đây đã nói. Trong luận của ngài Thiên Thân giải thích ba món không trụ thí, khác với ở đây, nói tự thân và báo ân, quả báo đây không có chấp tự thân quả báo, đây là quả báo vị lai, ân là quả hiện tại, tuy đại thể giống nhau, nhưng sự trông mong có khác nhau, nghĩa đưa ra trăm nẻo, cũng không trái nhau, vì y theo nghĩa này. Trong kinh do chân Đế dịch chếp; Không chấp các thứ mà thực hành bố thí, không chấp các chỗ, mà thực hành bố thí. Ở trước đã giải thích năm nghĩa để đáp ba câu hỏi, giải thích năm hạnh tiên đã xong, sau giải thích vì sao như Bồ-tát không trụ tướng bố thí v.v...trở xuống là giải thích nghi khó.

Đầu tiên nói về hạnh thứ sáu, văn chia làm hai, đầu tiên gạn, sau giải thích. Luận do ngài Thiên Thân chếp: Trong đây có nghi, nếu lia các tướng bố thí, làm sao thành tựu Phước bố thí? Nghĩa là có nhân nghi rằng: ba việc chẳng phải không, thí có thể có Phước, đã không có ba việc, Phước thí lẽ ra không, nên luận này chếp: Hoặc có Bồ-tát, vì nghèo Phước đức đối với đây không kham, vì tham Phước đức,

nên thực hành nơi bố thí, nghe ba việc không này, không thể chịu khó thực hành bố thí, nên kể đó gạn rằng vì sao, sau giải thích văn kinh chia làm ba trong luận chia làm hai, đầu tiên giải thích pháp, sau giải thích dụ, không giải thích trong pháp nói, mà giải thích trong dụ, đầu người không trụ tướng bố thí, như đây theo khắp hư không, vì quả tướng vô tướng đều được y theo, chấp tướng mà thí không phải như vậy, không được vô tướng, nên không đây theo khắp. Kế là do nhìn rộng phóng khoáng, không trụ tướng bố thí, sau khi đắc quả, hình trên dưới cao thấp, vì pháp vô lậu vượt hơn ba cõi, hình tướng rộng khắp, vì đủ cả mười phương, chấp tướng bố thí thì không như vậy, sau khi đắc quả, chỉ ở trong ba cõi, vì chẳng phải mười phương, hoặc vì chứa đựng, gọi là mệnh mỏng, sau do vô tận, thuận với lý vô tướng, rộng chuyên chở chúng sinh. Vì không cùng tận, trụ tướng không phải như vậy, không thuận theo chân lý, chẳng lợi ích cùng khắp, kinh kết trong văn nói, chân lý không chỉ đồng với văn, đồng bản Trung Phạm thiên, bản khác đều có. Luận này nhắc lại những chỗ kinh không giải thích, cho nên biết cũng không kết văn đó, không có trụ tướng thí, Phước đức đều nhiều, các bản đều có.

Kế là giải thích thứ ba muốn trụ xứ, ở giải thích theo đây tám trụ xứ giải thích theo mười tám pháp trong đây có hai. đầu tiên muốn được sắc thân là hạnh Địa thứ bảy.

- Sau muốn được Pháp thân là ba hạnh sau, văn kinh đầu tiên có ba:

- Đầu tiên hỏi.
- Kế là đáp.
- Sau là thành.

Trong câu hỏi có hai: y theo nghĩa nói tướng trong thành có ba, nhiếp trí hiển bày theo ba món trong lời đáp hoàn toàn không có, chẳng khác với văn nghĩa tướng trước sau, vì chấp Phật nói. Muốn được sắc thân trụ xứ, đầu tiên học Bồ-tát có nhiều tướng tu, thoát nghe ba vắng vô tướng tịnh thí, lại sinh nghi ngờ. Lại như Đức Thích-ca, thân đã có tướng sinh trụ diệt như vậy, nên biết có nhân tướng thí, lại thành quả hữu tướng. Luận của Ngài Thiên Thân chép: vì sao sinh nghi, nếu không trụ trong pháp, hạnh ở chỗ bố thí, làm sao vì Phật Bồ-đề thực hành bố thí, do thân Thích-ca sinh diệt, làm Bồ-đề để thân nương thực hành hữu tướng bố thí. Nếu thực hành vô tướng không người không pháp, lẽ ra được quả không trụ tướng kia. Vì sao được quả sinh diệt kia. Nay trong Luận này không có nghi mà chỉ nói hạnh, vì đầu tiên

tu học, chưa ngộ vô tướng, thực hành nhân hữu tướng, mong cầu quả vị Phật, thân Đức Thích Ca có sự sinh diệt, đây là thân tướng tốt của sắc thân. Vì thân tướng đây là chỗ Phật Bồ-đề cao quý nương tựa nên trong luận chép muốn được sắc thân, luận ấy giải thích lý do, do ở trước nói nhân vô tướng thì, do sinh nghi ngờ, vì kia phá nghi đây, các kinh ở sau là bác bỏ nghi kia, ý nói của luận này, do hạnh đầu tiên có tướng thì muốn được thân hữu tướng của Đức Thích-ca, tức để hóa thân tướng, là chân thật thân thể, được chút công đức, nghĩa là chân thân có nhiều thể công đức cho nên nói. Vì muốn đối trị kiêu mạn sắc thân đối trị sắc thân, được thân hữu tướng có chút công đức, là được nhiều thân công đức chân thật, là tăng thượng mạn, vì phá mạn này nên có kinh ở dưới, phải hợp hai luận. Nay văn trước của hai thừa, do sinh ra mê lầm gọi là nghi, mong làm ngụy theo tướng, cho là chân xưng kêu mạn, vì dứt bỏ hai hoặc nghi và mạn, nên nói ở kinh sau. Đầu tiên tu hành, tánh định, bất định. Đại thừa dị sinh nghi ngờ, là phiền não chướng, cũng là thô sở tri thô. đầu tiên tu hành là bậc Thánh phát tâm, lại có ở cả hai chướng, hữu học có cả phiền não, vô học chỉ có pháp chấp. Như ngài Xá-lợi-Phất nghe kinh Pháp Hoa, mới dứt nghi hối, xả bỏ các ưu não, ở đây cũng vậy, tức do trên đây đã nói nghĩa, các nhân không ngộ, là luận của ngài Thiên Thân, trái với nói của ngài Vô Trước, nên quán xét kỹ, đây là hội ý đồng, thật không trái nhau, nên ngài Thiên Thân nói: Từ đây về sau tất cả Tu-Đa-la chỉ bày theo độn căn, sinh tâm nghi, nên biết Luận ấy y theo nhân trước nói đầu tiên học nghi khởi, phát sinh ở văn kinh sau, để phá nghi kia. Luận này y theo sơ học trông mong ở sau chẳng phải công đức chân thật, mà tu các hạnh, vì để phá kiêu mạn kia, phát sinh ở sau văn kinh, không trái nhau. Hơn nữa Luận kia y theo nơi sơ học lợi căn sinh ra nhiều nghi ngờ, nên nói ở kinh sau. Luận này y theo sơ học độn căn phát sinh ra nhiều ngã mạn, nên nói ở kinh sau. Hơn nữa trong luận kia, y theo văn tướng tăng thêm ba văn trước sau để đáp ba câu hỏi, cho nên làm đạo lý riêng, để phát sinh ở kinh sau, nói phá nghi khởi. Nay trong luận đây y theo nghĩa đây đủ, trong mỗi văn đều đáp ba câu hỏi, cho nên chẳng phải đạo lý lạ, để phát sinh ở kinh sau, nói là trừ mạn, thật không trái nhau, lại y theo đạo lý phá bất định phiền não sơ học nghi ngờ, do phát sinh ở kinh sau, đây là y theo sơ học, dứt quyết định phiền não tăng thượng mạn, để sinh ra sau kinh. Bốn nghĩa trên đây lại y theo nghĩa đồng, để hội hai luận, y theo nghĩa khác. Lại có bốn nghĩa, luận này vì y theo nơi ưa thích nghe rộng, nên nói ba địa từ phàm đến Phật, đều nói đủ, trong mỗi văn đều đáp đủ, phát sinh

ra văn ngã mạn. Luận ấy thích nghe sơ lược, đáp riêng ba câu hỏi sau đều dứt nghỉ. Lại luận này y theo nhân lợi căn vừa nghe liền ngộ, nên nói ba địa, một vòng nói kinh, trong mỗi văn đều đáp đủ, phát sinh văn ngã mạn, thứ lớp khác nhau, luận ấy y theo nhân độn căn mới nghe thì hiểu, nên nói hai vòng, đáp riêng ba câu hỏi, còn đều là phá bỏ nghỉ, lại nói theo đây thì người lợi căn mới đến một vòng, nên nói phá nghỉ, lại lý đưa ra trăm nẻo, nhọc gì một phen thông suốt, phá chấp sinh ngã mạn, thấy theo đều khác nhau. Trong một hội, ưa có rộng lược, căn có lợi độn, nghe có riêng và trùng lặp, lý có nhiều, vì các thứ có khác nhau, hai luận giải thích khác là không đúng. Ngài Vô Trước lãnh thọ bài kệ ở ngài Di-lặc, ở sau phó chúc cho ngài Thiên Thân, nhờ soạn lời giải thích. Ngài Vô Trước đầu trái với Đức Từ Thị. Ngài Thiên Thân đầu khác với hiền huynh? Ngài Vô Trước đầu tiên có kệ quy theo kính rằng: “Nhân trí đã nói giáo và nghĩa, nghe rồi chuyển thành các nói của ta, cho nên biết nghe rồi vì ta nói, tức là Từ Thị đã nói luận của ngài Thiên Thân đã giải thích, là do ngài Di-lặc soạn.

Ngài Thiên Thân có bài tụng rằng:

*“Bậc đại trí thông suốt dạy theo chúng ta,
Đánh lễ thân công đức không thể sánh bằng”.*

Chính là đồng với Luận này nêu bày theo cung kính nên hiểu như trong ba câu hỏi đã giải thích ở trước và nhiếp trụ xứ, đều nên nói ở đây, lấy đây và hội các văn kinh ở sau, phải nên quyết rõ, văn sau chỉ nên giải thích lời văn kia, lại không có hội lại giải thích.

Trong văn luận, y theo theo giải thích văn kinh có ba. Đầu tiên trong văn giải thích có hai:

- Đầu tiên giải thích kinh y theo nghĩa.
- Sau luận văn giải thích nói tướng.

Trong đây đây theo đủ, tức là ngài Lưu-chi đã thành tựu, nghĩa thì đồng mà tên thì khác. Trong kinh do chân Đế dịch chép: Các tướng công đức cao quý, thành tựu tướng hữu vi, vì thân Phật Bồ-đề, đây theo đủ thành tựu chính là đã dịch lại, thắng đức là do tướng hữu vi, là thể đức cao quý của Phật, là dịch nghĩa lại. Ở sau quán các tướng. Là tướng tốt, Luận của ngài Thiên Thân giải thích, chính là tướng của bốn tướng, là ba thứ tướng hữu vi, không nói trụ tướng, như trong Duy Thức chép Tu Bồ-đề hiểu ý Phật cao xa, nên nói không đúng, không thể dùng ba tướng hữu vi thành tựu chân thân thấy Phật. Đã nói hữu vi chẳng phải là tướng Pháp thân, vô tướng tướng, ba tướng hữu vi là tướng hữu vi, thực hành nhân vô tướng, lại được quả báo pháp thân chân thực vô vi vô

tướng, chẳng phải thật hành nhân vô tướng mà được tướng giả hóa thân báo thân hữu vi. Ở sau là vì Phật thành tựu nghĩa trước gạn sau đáp, nên bảo lặp lại, chia làm ba:

- Đầu tiên hễ cái gì có tướng đều là luống dối, là nhiếp trì nguyện mong muốn, nói về tướng hữu vi, là luống dối, lại nói tướng của phi tướng khác với luống dối đây là luống dối, giúp cho nhiếp trì các tướng, sau phát sinh nguyện mong muốn, chẳng phải nguyện mong muốn nhiếp trì pháp có tướng luống dối, có tướng luống dối chẳng phải là định vô phân biệt tu hành nhiếp trì có hai. Ý nói nguyện mong muốn là hạnh đầu tiên, vọng của vọng hành hữu tướng, nguyện mong muốn chẳng phải vô tướng Bát-Nhã, nguyện mong muốn vô tướng Bát-Nhã, là nguyện mong muốn cầu vô tướng, cho nên trong luận chép: Nguyện mong muốn nhiếp tâm trì là định vô tướng, nhiếp tán hai tâm căn bản nguyện mong muốn, cho nên nguyện mong muốn đây là chánh hạnh. Nguyện vô tướng mong muốn, lớp thứ hai nói rằng: Nếu thấy các tướng phi tướng, thì chẳng phải luống dối, là an lập đệ nhất nghĩa, tướng là luống dối hóa thân, phi tướng là Pháp thân chân thật, thấy vô tướng của hóa thân là các chẳng phải pháp thân của tướng hữu vi, thì chẳng phải luống dối, kia do hữu tướng hóa thân, là thân tướng chân thật, cho nên là luống dối.

Sau kết thứ ba, các tướng hữu hóa, chẳng phải chân thật vô tướng, thì thấy Pháp thân Như lai, đây là hiển bày theo, chính là nói định vô phân biệt và khi nhiếp tán, trong có tướng chẳng phải tướng Pháp thân chân thật, cho nên thấy Như lai, đây là quán thấy Như lai, nên phẩm Quán Như Lai trong Kinh Vô Cầu Xưng chép: ở sau giải thích ưa muốn trụ xứ, y theo mười tám trụ xứ ở trước, văn chia làm hai.

- Đầu tiên muốn hiểu được nói năng Pháp thân, sau là hiểu ưa muốn được Pháp thân ưa, muốn được Pháp thân, nhân quả tuy khác. Nhưng thể của chánh Pháp thân, các pháp công đức nương dừng, ba thân Quả Phật và nhân Phước tuệ đều là Pháp thân đã nhiếp đối với lời nói, tinh giáo chẳng phải Pháp thân. Nhân của Pháp thân, cũng gọi là Pháp thân. Như nói Bát-nhã thật tướng quán chiếu chính là Bát-nhã năng sinh năng hiển Bát-nhã, cũng gọi là Bát-nhã, văn tự ở đây cũng vậy, có công năng hiển sinh Pháp thân, nên gọi là nói năng, cũng gọi là pháp thân. Văn tự Bát-nhã từ chỗ năng thuyên, giải thích tác dụng năng y, để đặt tên gọi kia, nói năng pháp thân từ năng thuyên biểu hiện năng y theo sở y theo thể dụng hòa hợp, để đặt tên kia, tinh danh, v.v... vì hợp danh nói năng, hỏi vì sao trước nói muốn được sắc thân, mà gọi đó

là Mạn. Muốn được sắc thân là chân thân, hoàn toàn không thuận theo lý, nên gọi là Mạn, muốn được Pháp thân không trái lý. Tùy nhân trước nói mà sinh khởi, chẳng phải hoàn toàn không thuận, không gọi là mạn. Do đó muốn được sắc thân đồng với các văn ở sau. Không gọi là lìa chướng, nhưng gọi là muốn được, chẳng phải nghi cực chướng, cho nên nói muốn được sắc thân là pháp mạn chướng. Ngăn cách muốn được Pháp thân chẳng phải pháp mạn chướng, không cùng với tên lìa chướng. Trong Luận của ngài Thiên Thân nương để phá nghi, phát sinh các văn kinh ở sau, là trước nói trụ hành thí là nhân của nghĩa sâu, kế là nói Pháp thân, chẳng phải tướng hữu vi, là quả của nghĩa sâu, nhân sâu quả xa, nghĩa ý khó biết, thời đương lai tượng pháp sắp diệt, chúng sinh đời ác, năng sinh lòng tin, không ở vào thời chánh pháp, tốt đẹp trước kia, tin không nên nghi, đời ác mật pháp không tin, không mê lầm. Nhưng hỏi thời tượng pháp sắp diệt có sinh lòng tin hay chẳng? Khi tin kinh thì nói, thực hành mười pháp hạnh, vì chẳng phải đời mật pháp, do có các hạnh giữ giới, định, tuệ đều chẳng phải cao quý, nên có lời gạn này. Đời mật pháp không có ba học, nên không làm câu hỏi, luận ấy nương văn trước nói khởi nghi, luận này nương nhân muốn được nói năng Pháp thân, mà chứng được gốc Pháp thân, đời đương lai truyền bá ở thế gian, nên không trái nhau.

Văn chia làm ba:

- Phối hợp với văn kinh.
- Giải thích văn hỏi.
- Giải thích văn đáp.

Muốn được nói năng Pháp thân, nói lên ý kinh. Ngài Tu-Bồ-đề nghe pháp sâu mầu thật tướng khó biết. Phật có thể như vậy, nhân tin rất đông, thời cơ bịnh hạnh, suy theo nghiệm cao quý nên biết. Chư Phật về sau lại có tin chẳng, thời cơ hành bịnh đều chẳng phải cao quý. Ngài Tu-Bồ-đề muốn được nói năng Pháp thân của giáo này, hiện tại đương lai đều truyền bá ở đời.

Hỏi: Đời sau là, đời ác, sinh ác có thể tin chẳng? Cúi mong Phật giải thích đáp. Cái khó đời sau còn tin sâu được hưởng chi Ngày nay.

Vì sao không tin, cho nên nói muốn được nói năng Pháp thân, văn đây cũng như vậy, văn đầu tiên có hai:

- Phối hợp với kinh.
- giải thích cái khó.

giải thích thích trong cái khó. Câu Tu-Đa-La nói: Nghĩa là đã có nghĩa. Câu là năng thuyên, bầy theo câu nói là nghĩa lý đã nói, tức là

ngài Lưu-chi Chân-Đế và La-thập, v.v... nói chương cú, là rõ nghĩa cú đã nói lý, trong đây gọi là Thuyết. Trong kinh Năng Đoạn chép: Câu kinh điển, sắc là loại nghĩa, sở thuyên là nghĩa loại, không chỉ hỏi Kim cương Bát-nhã này, Đại Bát-nhã, v.v... đều ở trong câu hỏi, nên nói sắc loại. Kinh điển cú: Là giáo năng thuyên, nghĩa sắc loại này là câu kinh năng thuyên, đời đương lai vẫn đục có thể sinh lòng tin chẳng. Ở đây có hai ý:

- Nói về sở nhân không tin.
- Chánh nêu câu hỏi.

Sở nhân không tin có hai:

- 1/ Thời ác.
- 2/ Kinh nghĩa sâu xa.

Thời ác thì ác sinh, kinh sâu đối với thật tướng, đối với câu kinh này, lại sinh tâm tin hiểu, là thật tướng chẳng, vì chánh nêu câu hỏi, nên kinh chân Đế dịch gọi là tướng chân Thật. Kinh Năng Đoạn nói: có sinh tướng thật chẳng? Trong kinh gọi là chánh lý, gọi là chân thật. Trong kinh này, lại sinh ra tướng chân thật có thể được chẳng? Tướng: là giữ tâm ý hình dáng năng tin, thủ tín là dung mạo chân thật.

Ngài La-thập nói: Có sinh tâm thật tín chẳng? Tên khác ý đồng là, giải thích câu hỏi trong văn, ngài Tu Bồ-đề cho là đời ác sinh ác nghĩa kinh sâu mâu không thể tin, nên có câu hỏi này.

Giải thích thích ý hỏi, giải thích lời Phật đáp, có hai:

- Đáp chung về hữu, vì ngăn việc này, Đức Thế tôn nói hữu.
- Giải thích nghĩa riêng về hữu, chia làm hai:

- Sau giải thích riêng nghĩa này nên ở sau giải thích nghĩa cốt yếu của Pháp thân.

Văn đầu lại có hai:

- Rộng giải thích kinh.

- Ở trong đó nói sẽ sinh thật tướng, dưới phối hợp với năm thứ nghĩa.

Văn ở đầu chia làm hai:

- Giải thích hữu thời.

- Giải thích hữu nhân, và giải thích do đây có cương theo năng sinh ra thật tướng.

Thời chánh pháp sắp diệt: Là thời tu hành lần lần diệt, đây là giải thích hữu thời. Ngài Thiện Hiện hỏi cả đời vị lai khó tin. Đức Thế tôn đáp riêng tu hành sắp diệt, đối với kinh có lòng tin, lại nói về lý về trước có nhiều nhân tin, có giáo có hạnh, có đặc quả chứng, gọi là

Chánh pháp, có giáo có hạnh, mà không đắc quả chứng, gọi là tượng pháp, có giáo mà không có hạnh, gọi là Mạt pháp. Nhưng theo Kinh Đại Tập của Đại Thừa, lấy năm trăm phối hợp với, thì năm trăm năm đầu giải thích là thoát kiên cố. Năm trăm năm thứ hai là thiên định kiên cố, năm trăm năm thứ ba là đa văn kiên cố, năm trăm năm thứ bốn là Phước đức kiên cố, năm trăm năm Địa thứ năm là đấu tranh kiên cố. Tiểu Thừa không năm trăm năm phối hợp như ghi trong kinh Thánh Pháp Tru, cho đến truyền bá các kinh Ma-ha-tát, Đức Phật đã cho ký cho. Nhưng với theo một trăm, hai trăm năm phối hợp. Nay y theo Đại Thừa, cho nên trong kinh này nói: năm trăm năm sau, năm trăm năm là phối hợp. Giáo pháp của Phật, chánh pháp, tượng pháp, mạt pháp, v.v... đều gọi là chánh pháp, chẳng phải thời đầu có chứng giải thích thoát, mới gọi là chánh pháp, thời còn giải thích thoát, huống chi không có nhân tin, cho nên không đáp. Đức Phật đầu tiên thọ ký trước chánh pháp một ngàn năm, Tượng pháp một ngàn năm, mạt pháp mười ngàn năm do độ nhân nữ, diệt chánh pháp chỉ còn năm trăm năm. Trong hai nói:

1- Nói là chánh pháp, Ngày nay nói năm trăm năm do độ nhân nữ, giảm năm trăm năm. Tuy nói tám kính pháp giúp chánh pháp không giảm, nhưng do họ không thực hành chánh pháp nên lại diệt. Cho nên trong kinh có nói, và các tông trong luận Tát-bà-đa, đều chỉ có Chánh pháp. Nhưng năm trăm năm nếu ý theo nói nghĩa kia thì trong đây thời chánh pháp sắp diệt, cho rằng thời tu hành lần lần diệt, chẳng phải là thời trước. Vì năm trăm năm đầu có giải thích thoát, tu hành hưng thịnh, cũng chẳng phải thời sau này tu hành không có. Nay nói thời tu hành lần lần sắp diệt, tức là thời năm trăm năm thứ ba. Đây ở vào thời Tượng pháp một trăm năm, năm ngàn năm sau tu hạnh mới lần lần diệt. Ngay theo thời ác này, còn có đối với kinh sẽ sinh thật tướng, huống chi ở giai vị trước, mà nhân không tin, từ đây về sau thời pháp xa chánh lòng nhiễu loạn, ít có nhân sinh lòng tin, nên kinh không nói, nên trong kinh Năng Đoạn chép: Thời gian sau, sau, năm trăm năm khi chánh pháp sắp diệt, là thời phần chuyển, thời gian sau là năm trăm năm đầu.

* Phần sau: là năm trăm năm thứ hai.

* Sau năm trăm năm diệt: là năm trăm năm thứ ba, tức là thời tu hành chánh pháp sắp diệt.

Nói thứ hai nói: Chánh pháp một ngàn năm, nếu Phật không nói tám pháp cung Kính, hoàn toàn không có nhân thực hành, chánh pháp

sắp diệt, đã có nhân thực hành, chánh pháp y theo định. Đại Chúng Bộ đều theo đã nói này. Nếu theo nói ấy, tức là thời năm trăm năm thứ tư, gọi là tu hành lần lần sắp diệt, vào đời ác này, còn sinh thật tướng, huống gì là giai đoạn trước, mà không có nhân tin, về sau thời ác ít có nhân sinh lòng tin, cho nên trong kinh không nói. Trong kinh Năng Đoạn chép: Nhân đời sau, sau khi Phật pháp diệt, chẳng phải chỉ có Phật tại vị. Nói phần sau là nói chánh pháp chẳng phải một ngàn năm, tức là vào thời chứng quả. Nói sau năm trăm năm, là vào thời Tượng pháp một ngàn năm tu hành sắp diệt, chẳng phải năm trăm năm đầu là thời tu hành thịnh hành. Sau đây chia làm bốn:

1. Thời gian sau: là năm trăm năm đầu.
2. Phần sau là năm trăm năm kế tiếp.
3. Năm trăm năm sau diệt là năm trăm năm thứ ba.

4. Thời chánh pháp sắp diệt là thời phần chuyển, là năm trăm, tức tu hành chánh pháp, sau khi sắp diệt. Do có hai giải thích, trong văn kinh khác nhau. Ngài Lưu-chi, ngài La-thập, nói chung là đương lai đời mạt, không biết nghĩa sâu của ba phần sau, cho nên trong kinh do chân Đế dịch chép: Hiện đời và đời vị lai, do đây mà sai lầm, không đồng với thời tốt đẹp, vì đồng với thời ác. Lại nói vào đời vị lai sau năm mươi năm, lấy một sẽ là mười, năm trăm tức năm mươi, cũng không trái nhau, nhà toán học có môn khác nhau này.

Trên giải thích có thời, dưới giải thích có nhân, và giải thích từ đây sẽ sinh Thật tướng, văn lại chia làm hai.

- Nói có bốn nhân nên sinh ra thật tướng.
- Phối hợp riêng với kinh.

Bốn nhân, kể là thời trước Phật sau, vì trong đời ác như vậy, nói có bốn nhân:

1. Tu lâu về ba học.
2. Gặp Phật chứa nhóm được nhân cao quý.
3. Được Phật nhiếp thọ.

4. Tuy không có ba học chứa nhóm nhân nhiếp thọ, nhưng nhờ tương ứng với Phước đức quả báo, nên sinh ra lòng tin, tức là nhân ấy, đối với các pháp không có pháp chương, cho nên Phước hội sinh lòng tin, đời ác đủ bốn nhân, nên được như vậy, đối với pháp thật tướng, năng sinh ra thật tướng. Ý Luận của ngài Thiên Thân, vì đời vị lai có Bồ-tát bên trong đủ đức ba học, tức Bồ-tát này ngoài việc gặp được duyên lành, ở chỗ Chư Phật, gieo trồng ba thứ nhân, phải biết nhân này sinh được thật tướng, cho nên bài tụng chép:

“Ở vào đời văn dục,
 Bồ-tát Ba đức đủ.
 Bất không vì có thật
 Túc Phật Bồ-tát này,
 Đều thấy biết.
 Có giữ giới tu Phước .
 Đức đủ Phước đức sanh.
 Do có trí tuệ
 Phật đều thấy biết
 Không pháp chấp người
 Nên nói tám lỗi.

Kinh chép: “Có giới có công đức là sáng suốt tu hành. đầu tiên phối hợp với văn kinh, sau giải thích cái khó. Trong đây ba học có bốn pháp tánh, không tham không sân là giới học tánh, chánh niệm là định học tánh, chánh định là tuệ học tánh, do đối với ba căn, ba tạng đã nói đều có khác, nhưng nói Ba học, lại giới là nhân ra khỏi đường ác, định là nhân ra ngoài cõi Dục, tuệ là nhân ra ngoài ba cõi. Lại, giới Thịnh văn, Độc Giác phần nhiều học định, Bồ-tát phần nhiều là học tuệ. Lại giới là nhân có công năng lia ác, định là nhân có công năng làm lành, tuệ là nhân có công năng lợi sinh. Lại giới là được tự thể cao quý, định có khả năng lia ác, tuệ có khả năng thu nhiếp điều lành, các thứ nghĩa khác nhau như vậy, nên nói ba học. Vì thế các bộ Nhiếp Luận và Du-già, công đức là cống đức ít muốn làm đầu, cho đến tam-ma địa, ở đây khó giải thích . Như trong Kinh Di Giáo nói giữ giới có sáu, tức sáu chi Du-già của:

1. Giữ giới.
2. Chế tâm.
3. Bất lượng.
4. Hổ thẹn.
5. An nhẫn.
6. Trực tâm.

Điều thuộc về giới học, chánh định cũng có sáu, trong tám điều giác ngộ của bậc Đại nhân thuộc về sáu giác đầu.

1. Ít muốn.
2. Biết đủ
3. Xa lìa.
4. Tinh tấn.
5. Vọng niệm.

6. Chánh định.

Chánh tuệ gồm hai:

1. Giữ tuệ
2. Không nói suông.

Giữ giới trí tuệ không giải thích lại, tướng chánh định ẩn, giải thích trở lại, do nói công đức, vì nói bao gồm, tức trong tám điều giác ngộ của bậc Đại Nhân, thì ít muốn đứng đầu, cho đến sau cùng, nhiếp sáu pháp này, dùng làm công đức, trước sáu pháp, sau hai pháp, chỉ biết giới tuệ, lại lẽ ra xét hình Du-già Thịnh Văn Địa Niết-bàn và kinh Bát Đại Nhân Giác phối hợp với Di Giáo. Đây theo đủ ba học, lấy kinh làm thật giáo thuận lý, sinh ra tín tâm, tín tâm là chân thật tướng, hai kinh chép xong được cúng dường, v.v... là ở sau giải thích chứa nhóm nhân cao quý, văn chia làm hai.

- Phối hợp với văn kinh.
- Giải thích cái khó.

Do gặp Chư Phật chứa nhóm hai thứ nhân .

- 1- Tài cúng dường.
- 2- Hạnh cúng dường. Hạnh cúng dường là gieo trồng gốc lành, là tài cúng dường, trong kinh chỉ gọi là tu hạnh cúng dường.

Cúng dường có mười thứ:

1. Hiện tiền.
2. Không hiện tiền.
3. Hiện tiền không hiện tiền.
4. Tự
5. Tha
6. Cả hai
7. Tài kính.
8. Rộng lớn.
9. Vô nhiễm.

Chín thứ trên đây trong kinh gọi là Tu hạnh cúng dường.

10. Chánh hạnh cúng dường.

Trong đây gọi là gieo trồng gốc lành, chứa nhóm thành mười nhân, giải thích cái khó rằng: Nhất tâm tịnh tín còn được sự nghiệp, huống chi sinh thật tướng, đây là giải thích trong kinh cho đến một niệm tịnh tín, không chỉ được vài Đức Phật dạy theo mà sinh được một niệm tín, lại nói rõ do gặp ngàn muôn Đức Phật cúng dường gieo trồng gốc lành mới sinh được một niệm tín, vì niềm tin khó sinh, cho nên trong kinh đầu tiên chẳng phải cúng dường ít Đức Phật, sau nói do cúng dường

số nhiều Đức Phật. Như vậy theo nghiệp của một niệm tịnh tín, cũng do đời trước cúng dường nhiều Đức Phật, hưởng chi đối với kinh, rộng sinh thật tướng, ở đời trước không cúng dường nhiều Đức Phật. Vì trong kinh chép rộng năng sinh thật tướng làm đầu, vài câu trong kinh, một niệm tịnh tín là sau cùng, lược bỏ tu hành chặng giữa. Vì không tin, cho nên nói, hẳn đến một niệm tín còn do trước gặp nhiều Đức Phật cúng dường, hưởng chi là rộng sinh lòng tin khắp.

3- Trong kinh chép Như lai đều biết, v.v... là ở sau giải thích điều thứ ba Đức Phật nhiếp thọ chia làm hai.

* Giải thích:

- Phối hợp với văn.

Hiển bày theo có khác, nói lên tâm phân biệt. Biết là biết danh thân, ý thức, biết bốn uẩn, thấy là thấy sắc thân, năm thức biết sắc uẩn, oai nghi ba nghiệp đều biệt, nên nói tất cả, trong đi đứng làm việc đều biết tâm mình, được sự nương tựa. Ngài Thiên Thân giải thích rằng: Đức Phật chẳng phải thấy quả trí. Nguyên trí lực hiện thấy, cho rằng Phật không thấy quả, so sánh biết do có nguyên trì, vì hiện tiền thấy. Nói đều biết: phân biệt với chẳng thấy biết, nói đều thấy, là phân biệt với chẳng thấy biết, là ngăn hai nói cũ thấy biết này, nhưng trong các bản đều chỉ có hai thấy biết. Trong kinh Năng Đoạn bèn có ba điều, lại có hiểu biết, luận do ngài Thiên Thân dịch có nói đủ, kinh ấy vốn nói sơ lược, trong luận chép: Cầu cúng dường cung kính, nhân ấy không thể nói. Trong kinh tự giải thích rằng: Nếu nhân muốn được cúng dường cung kính, tự xưng mình có giữ giới, nhân ấy không thể tự nói thân mình năng sinh thật tướng, nhân ấy tự cho rằng có trí, nên sinh tăng thượng mạn, vì phân biệt pháp ấy. Trong văn nói Đức Như lai đều hiểu biết, nhân đây chỉ gọi là có giữ giới. Đức Phật khéo biết đối với kinh này, sinh ra tịnh tín. Trong luận đã giải thích đủ, nên biết trong kinh sơ lược. Chỉ có trong kinh Năng Đoạn đủ ba thứ tất yếu này. Trong kinh do Lưu-Chi dịch là lìa ở trong vị vắng lặng cũng có ba tất yếu y theo ở dưới biết ở trên nên có hiểu biết tất yếu đây, v.v... nói thuộc về bạn lành, phối hợp với văn kinh.

4- Trong kinh chép sinh chấp vô lượng nhóm Phước v.v... là giải thích nhiếp trì Phước đức thứ tư.

đầu tiên phối hợp thuộc về kinh, sau là giải thích cái khó, trong đây nói riêng sinh như vậy, thủ như vậy, nay nhóm họp lại, nên nói sinh thủ vô lượng Phước đức, bèn giải thích cái khó rằng: Sinh là lúc Phước chánh khởi, nghĩa là do hiện hành chính khởi Phước đức. Thủ

là ngay theo lúc diệt, vì nhiếp trí hạt giống, nghĩa là do trước làm việc Phước đức , nay tuy không khởi, do có hạt giống Phước đức , tùy đó hiện hành, diệt trong thân mình chỉ có nhiếp trì hạt giống, cho nên ngài Thiên Thân nói: Sinh là nhân năng sinh hiện hành, năng huân gọi là nhân năng sinh.

Thủ là tự thể huân tu, quả là hiện hành, diệt rồi chỉ có sự huân tu hạt giống tự thể, nghĩa là quả do nhân hiện hành sinh ra. Hai luận không khác hoặc trong luận kia lại nói lời đây. Nhưng ý trong khi tượng pháp sắp diệt, có nhân giữ giới đồng với chúng sinh, sinh vào lúc kia, năng sinh thật tướng ngay theo trong đời vẫn đục, có chúng sinh ác, không nói nguyện sinh năng sinh thật tướng. Trong Kinh Pháp Hoa chép: trong thời vẫn đục, thực hành mười pháp hạnh, thực hành đối với pháp, phải biết nhân này là Đại Bồ-tát phát nguyện độ sinh, đây đâu phải kinh Pháp Hoa hơn Bát-nhã này. Bồ-tát nguyện sinh trì, đây là thật là sinh trì hay không? Đáp đây là về cuối thời Tượng pháp, luận kia là thời Mạt pháp, lại đây đồng với nguyện sinh kia, kia đồng với đây thật làm ra hai thời mạt pháp và tượng pháp vì xen nhau nói lên , hai kinh không khác, vì đều sâu mâu. Lại đây nói một niệm tịnh tín, kia nói rộng năng thọ trì, nếu trì một câu, cả hai đều thật sinh. Nếu rộng trì, cả hai đều nguyện sinh, lại kinh này phải thực hành thật sâu xa. Kinh điển kia sâu xa nguyện sinh, cũng không trái nhau.

Kinh chép các Bồ-tát này v.v... ở sau có giải thích nên sinh tướng thật. Văn chia làm ba:

- Phối hợp chung với kinh.
- Giải thích riêng văn kinh.
- Giải thích lại ngã chấp.

Giải thích thích riêng trong kinh. Do kinh có hai, vì sao?

Luận cũng chia làm hai.

- Vì sao gạn hỏi, nói lên trước có Ba học, v.v... lý do là năng sinh thật tướng.

Vì sao nói có pháp chấp ngã chấp theo sau.

Văn đầu lại có hai.

- Nói đối trị năm món sở thủ, riêng thuộc về văn kinh.
- Trong đây nói có giới, v.v... giải thích ý văn đầu có ba.

1. Nêu; 2. bày; 3. Kết.

Đây là nói năm món sở thủ.

Ba món đầu tiên y theo nhân nói về thủ, hai thứ sau y theo cảnh nói về thủ, cho nên hợp thành năm chấp.

Nhân tuy có bốn, nói chung có một, nên ở đây hợp lại mà nói, trong luận do ngài Thiên Thân dịch y theo thủ hành tướng, để nói khác nhau, nên thành tám nghĩa, ngã chấp pháp chấp mỗi pháp có bốn. Ngoại đạo dị sinh phần nhiều khởi phân biệt, chấp ba đời, chấp thật có ngã, nên bốn ngã chấp đều gọi là ngoại đạo. Chuyển là khởi, vì chấp tướng sinh, nội đạo phàm phu còn ở giai vị dưới và Thịnh Văn, v.v... phần nhiều chấp pháp. Có một loại Bồ-tát đốn ngộ và Bất Định tánh Hồi hướng Đại thừa, phần nhiều chấp pháp không, gọi là tăng thượng mạn, ba chấp này y theo nhân để nói về chấp thủ.

- Ngã chấp.

- Pháp chấp.

Pháp chấp có không gồm nhiếp tất cả chấp, chấp cái sở chấp là hữu chấp, vì hai tánh không, chấp thủ nhất định là tướng chung của thế gian, gọi là hữu tướng chuyển. Tính lự ở sau có ba thứ vô sắc hoàn toàn, tính lự thứ tư và một ít Phi tướng Phi phi tướng, gọi là định Hữu tướng, hữu tướng, cõi Dục, không sinh chấp thấy là Niết-bàn, cao siêu cho nên không nói, chỉ nói định cộng tướng, không nói định Vô tướng.

Tính lự thứ tư là phần ít phi tướng, Phi phi tướng, gọi là Vô tướng. Ngoại đạo Hai Thừa tùy chấp lấy, cho là quả cao quý, cõi dục tuy có ngũ nghĩ, chết giấc vô tâm, do không có định vị, không có cao quý không có chấp, nên ở đây không nói, chỉ nói định Vô Tướng, đối với pháp chấp, phân biệt khởi, phần nhiều duyên theo đây có hai, để khởi duyên chấp, nên ở đây nói riêng, so sánh nên biết, kết đối trị, nói là các Bồ-tát ở giai vị đều không chuyển, giải thích có hai chấp, đều là nói không nói, tùy chấp người pháp, nói đều là nghĩa, trong luận của ngài Thiên Thân có giải thích bốn pháp chấp, có khác với đây, đầu tiên có hai cái có không, giống như ở đây, hai cái sau là Kim cương. Bài tụng rằng:

“Tất cả không, vô vật”.

Giải thích: Có sở thủ, năng thủ, tất cả pháp không, nên nói không có tướng pháp. Vì không có vật, riêng chấp sở chấp pháp có năng thủ sở thủ thể tánh, gọi là Pháp tướng. Nay nói không vô, gọi là pháp tướng, bài tụng nói thật có. giải thích rằng pháp kia vô ngã không, thật có cho nên nói, cũng chẳng phải vô pháp tướng, chân như viên thành thể tánh thật có, pháp kia bác bỏ là không, gọi là pháp Vô tướng. Nay nói có vì, tánh chẳng phải hoàn toàn không, nên nói chẳng phải không có Pháp tướng. Bài tụng nói, không thể nói, giải thích rằng: Không kia chẳng có vật, mà ở đây chẳng thể nói có không, nên nói là vô tướng, tức là Thắng

Nghĩa Đế, tánh lia nói năng, chẳng phải không bất không, chấp là có không, gọi là Tướng, nay đều chẳng phải kia, nên nói Vô tướng, nói về chân lý này chẳng thể nói là có không tướng. Bài tụng chép: ngôn từ nói theo, là bốn món pháp tướng, giải thích ngôn từ mà nói, nên nói cũng chẳng phải vô tướng, nói về Thắng Nghĩa Đế, người không đã nói lên, cũng gọi là không, bản thể thật có, cùng gọi là Bất không, chẳng phải hoàn toàn vô thể. Tổng kết bốn câu, nói về dứt bốn chê bai. Câu đầu trừ tăng ích chê bai. Câu thứ hai trừ tổn diệt chê bai. Câu thứ ba dứt trái nhau chê bai. Câu thứ tư trừ diệt hý luận chê bai, chỉ y theo hành tướng, thông suốt mà nương theo nhân khởi, nên khác với ở đây. Do văn này, các Sư Long Mãnh Vô Trước khác nhau, đều nên y theo mà lập. Trong đây nói về các giới giải thích ý văn, nói không có hai chấp người pháp kia, hiển rõ trước nói vào đời vẫn đực có các nhân trì giới nên sinh chấp Phước, nếu hồi tâm vô học ngã chấp đấm không, pháp chấp nay tiềm phục, nếu ngoài tất cả hữu học dị sinh có trì giới đồng, làm sao người chấp pháp chấp đều không.

Trong kinh chép vì sao trong, v.v...: Là nói có pháp chấp ngã chấp, chia làm hai.

Giải thích ý.

- Thuộc về kinh.

Chấp pháp tướng chuyển, là chấp có.

Chấp chẳng phải pháp tướng chuyển, là chấp không. Ý kinh này nói. Ở vào đời vẫn đực kia, các dị sinh, v.v... tuy tu hành chánh hạnh mà khởi tâm lành. Nếu khởi pháp chấp, khi chấp có không, do hạt giống ngã chấp chưa dứt nên có chỗ theo của ngã chấp, lập ở giai vị này. Trong tâm pháp chấp, không có hiện hành ngã chấp, cũng không có hạt giống ngã chấp theo, về sau mới hiện khởi, gọi là có chấp ngã, nên luận giải thích rằng: Nhưng khi khởi pháp chấp có không hai, chẳng phải đều khởi các tướng phiền não ngã chấp, do chấp ngã tướng và chỗ si nương lúc này không chuyển, vì thô dễ hàng phục, nên ở đây đối với ngã tướng, do có hạt giống phiền não không dứt, vì tùy pháp chấp, cũng được gọi là có chấp ngã. Nên ngài Thiên Thân nói: Chỉ có vô minh, không thể hiện hành phiền não thô. Chỉ bày theo chấp vô ngã, Chấp vô ngã thì hiện hành không khởi. Tướng đã không chuyển, đồng thời chỗ nương. Của Si cũng không hiện hành, nên luận này nói: Do tướng và nương ở không chuyển, có hạt giống kia, gọi là có phiền não, cũng gọi là sử, gọi là có các chấp ngã. Hoặc lúc này cũng khởi ngã chấp, vì ngã chấp theo pháp chấp mà khởi, thoát có thể khởi pháp riêng mà không

có ngã chấp. Như Hai Thừa, v.v... hạt giống ngã chấp được tu dứt trước, trong đây không nói các bậc Thánh nói hữu học, vì lúc ấy không có, cho nên nói: Nếu chấp pháp chấp, v.v... tức là chấp ngã, v.v... chỉ y theo theo các nói dị sinh thời ác, nên biết phiền não chướng do pháp chấp làm gốc, nếu dứt pháp chấp, thì phiền não không hiện hành, đây là ý sâu, thuộc về kinh nên biết. Nhưng luận này giải thích kinh Năng Đoạn, Chân đế đối với pháp chấp, nói là pháp chẳng phải pháp, không có điều nêu bày. Trong bản ngài Lưu Chi, dịch tuy có hai văn, nhưng nói chấp pháp tướng và hữu pháp tướng, hai văn đâu có khác. Trong bản của ngài La-thập có ba. Vì sao?

- Đầu tiên vì sao v.v... đồng với ở đây, nghĩa là vì sao có theo đủ bốn nhân lại sinh thật tướng?

- Thứ hai là vì sao v.v...trở xuống là, nói nếu tâm chấp tướng, nói chung về chấp pháp, sẽ sinh chấp nhất định. Nếu chấp pháp tướng, với ngài Lưu-chi đồng chấp có.

- Thứ ba. Vì sao trở xuống, mới nói nếu chấp chẳng phải pháp tướng, nói về chấp không, nghi chấp thuận lý, còn có chấp kia, hướng chi là chấp có, chấp bất sinh, vì sao gọn nghĩa rất dễ hiểu, không nên chấp ở trên, lại không có vì sao? Và nương theo văn. Nếu tâm chấp tướng, là do như thế?

Trong các ngã tướng chuyển, các nghĩa còn lại chưa nói, v.v... ở sau. giải thích lại ngã chấp, chia làm hai.

- Nêu lên, chưa nói nên muốn nói lại.

- Chính là nói lên, do trong pháp chấp, đã phối hợp riêng, bốn món ngã chấp vẫn chưa hiểu, nên nêu lên giải thích lại, chính là nói bốn món ngã chấp, có hai giải thích khác nhau.

1- Khác với luận do ngài Thiên Thân dịch, ngã của tự thể, từ đời trước, nối nhau không dứt, chấp danh ngã tướng, thân khác hữu tình, là sở thủ của tự ngã thể, nên gọi là tướng chúng sinh. Nếu chấp tự ngã hiện tại cho đến thọ trụ, gọi là thọ giả tướng. Nếu chấp thì nay thân chết lại sinh vào các đường gọi là tướng người.

2- Nói lên ngã khác là thật có, ba chấp tự ngã ba đời cũng thật có, nên thành bốn chấp, đều là phân biệt chấp, nên ngoại đạo khởi. Ngài Thiên Thân có bài tụng rằng:

*“Thể sai khác nối nhau
Không dứt đến mạng trụ.
Sau đến các đường khác,
Là bốn món ngã tướng”.*

1/. Câu đầu là ngã tướng, chỉ chấp năm uẩn, vì ngã không dứt là câu thứ hai, chấp thể đời trước, cho đến nay, đến mạng trụ là câu thứ ba, hiện vẫn còn sống, sau ở trong các đường dị sinh là câu thứ tư, chấp vị lai, các pháp kia nương vào ba đời chung riêng chấp lấy, để chia thành bốn chấp, khác với ở đây.

2/. Nói rằng: Đây đồng với kia, trong đây thứ lớp thể nối nhau là ngã tướng, tức chấp năm uẩn là ngã tướng, chấp ngã hiện tại từ ngã đời trước chuyển đến đời nay. Ngã đời trước là chỗ chấp của ngã hiện tại, gọi là sinh tướng chúng, chẳng phải chấp ngã khác mà là ngã sở thủ, hai thứ còn hai nên biết, nên biết luận này đồng với luận kia, văn dịch hơi khác mà ý nghĩa không khác. Đây y theo chấp gọi với ngoại đạo chung, kia y theo hình tướng, nên chia bốn món, các kinh hai luận đều có bốn ngã, chỉ có trong Kinh Năng Đoạn . đầu tiên đối với bốn y theo pháp để nói vô ngã, nên có phi niệm, sau nói chấp pháp, hoặc không hoặc có, ngã chấp tùy , nhưng có bốn món ngã, nên hai luận này đều chỉ chấp bốn. Chung riêng ba đời tự tha có khác. Riêng y theo hành tướng cao quý làm dụng. đầu tiên chỉ có chín, như cốt yếu phải nói, trên đây hai chấp nói lên thường tiềm phục. Hoặc nhân có trí tuệ, nên sinh ra lòng tin. Luận do ngài Thiên Thân dịch chép: Cho rằng lìa nhân pháp tướng, cho nên nói có trí tuệ, có trí tuệ đầy theo đủ, vì sao lại nói công đức trì giới, là chỉ bày theo nghĩa sinh thật tướng khác nhau. Bài tụng chép:

*“Nhân kia nương lòng tin
Cung kính sinh thật tướng.*

Nói lên chúng sinh ấy, chỉ không có trí tuệ, không có hai chấp kia”.

Nhưng giữ giới, v.v... cho đến tâm cung kính cũng sinh thật tướng cho nên thực hành nói này.

Trong lời nói phải sinh thật tướng là ở sau phối hợp với năm món nghĩa. Tu hành phát sinh thật tướng nói là y theo nghĩa, tức trong đây Tu-Đa-la nói câu là nói tướng, tức trước phải sinh thật tướng là nhiếp trì, hai vô ngã là an lập không nên chấp các pháp, v.v... là hiển bày theo . Ngài Thiên Thân giải thích rằng: Không nên chấp pháp, không nên như tiếng mà chấp pháp, vì trừ sở chấp. Chẳng phải không chấp pháp: là tùy thuận theo đệ nhất nghĩa trí, chánh nói chấp như vậy. Lại chẳng phải lìa lời nói có thể câu đệ nhất nghĩa trí, đệ nhất nghĩa trí thuận theo giáo mà sinh, ý luận này nói: Không nên chấp pháp, nếu chấp hữu pháp và pháp vô ngã, đều không phân biệt, như lời nói chấp đấm, đều không nên chấp, không nên chấp chẳng phải pháp. Luận tuy

không thích giải, mà nói về lìa lời nói, ngoài nói cũng không thể cầu thuận giáo lại sinh ra Đệ nhất nghĩa trí chứng chân nghĩa, chính là với kia đồng, lại giải thích không nên chấp pháp, gọi là chấp pháp thể. Như lời nói chấp thật, vì không nên chấp, không nên chấp chẳng phải pháp. Nghĩa là giáo này nói pháp tánh vô ngã, thuận giáo lại sinh Đệ nhất nghĩa trí, không nên lìa giáo để cầu chân nghĩa chứng pháp vô ngã, không nên y theo giáo mà sinh chấp đả pháp thể phân biệt, không nên lìa giáo mà tìm pháp vô ngã chấp chặt phân biệt, cũng đồng với kia, văn kinh lặp lại, tuy lược nhưng lặp lại không nên chấp pháp, trong lời giải thích lại đủ không nên chấp chẳng phải pháp.

Lại nói nghĩa Pháp thân là ở sau, là Phật đáp riêng có trong nghĩa.

Thứ hai: giải thích lại nghĩa cốt yếu của Pháp thân, chia làm ba.

- Lặp lại kinh.
- Giải thích nghĩa.
- Kết thành.

Pháp còn phải xả: đầu tiên sinh thật tướng duyên theo giáo mà sinh, y theo đó tiệt tu, lại được chứng trí, khi được chứng trí rồi, trước xả tạm hiểu giáo sở duyên. Giáo sở duyên ở đây, gọi là Pháp. Như muốn qua biển, mượn thuyền bè mà qua, khi qua rồi thì bỏ thuyền, chưa sinh chứng trí, nhờ giáo mà sinh hiểu, khi được chứng trí rồi, lại bỏ giáo môn, mượn giải thích cũng bỏ, hướng chi là giáo tích, ví dụ được cá quên nôm, được thả bỏ lưới, đều đồng với ở đây. Pháp là tích thuận lý, chứng lý còn phải bỏ, chẳng phải pháp là hạnh trái chân, là chưa chứng lý, trước phải bỏ, nên nói pháp còn phải bỏ hướng chi chẳng phải pháp, từ đây không nên như lời nói chấp pháp, lại cũng không nên lìa giáo chấp chẳng phải pháp, pháp còn phải bỏ, vì thật tướng sinh, do y theo giáo pháp Thật tướng sinh, thật tướng chứng chân rồi, thì không cần giáo, giáo nữa pháp chứng chân này còn bỏ, hướng chi là chẳng phải pháp, việc chẳng phải pháp, lý không nên để giáo mà tìm cầu bên ngoài, vì trái với chân lý, lý nên dứt bỏ. Ngài Thiên Thân giải thích đồng với văn kinh Năng Đoạn. Pháp còn phải dứt bỏ, dứt là nghĩa là trừ bỏ, tên khác mà nghĩa đồng, y theo trước nên bỏ giáo và tạm hiểu. Nay chính là bỏ giáo, nên ở sau giải thích muốn được Pháp thân, cũng gọi là chứng Pháp thân, Pháp thân có nhân có quả, nhân quả vị trí khác nhau. Quả Phật chứng chân, quả thân tròn đầy, cũng là phần chứng Bồ-tát Địa Tiền kia, huân tập hạt giống vẫn chưa hiện hành, chưa chứng chân lý, năng khởi năng hiển địa vị Phật, Mười địa chân Pháp thân, cũng gọi

là Pháp thân. Lời nói trước gần là nhân trong nhân của Pháp thân, xa là nhân của quả Phật Pháp thân, cũng gọi là Pháp thân. Địa tiền dị sinh và giai vị Mười địa, do nghe bốn câu cho nhân nói, ruộng Phước cao quý lại sinh, gọi là Phước Pháp thân tướng, đáng ưa thích nên gọi là Phước, tuệ kém nên không gọi là Trí. Nếu đến địa vị Phật, gọi là: Pháp thân Trí Tướng, tùy lý mạnh chẳng phải không Phước. Nên luận ở trước chép: Chứng được Pháp thân, thân là trí Phước, trước Sơ địa Phước cao quý, vì chứng được nhân sinh. Mười địa trở lên, vì chánh chứng được, do đây v.v... trở xuống vẫn chia làm hai. nói trí tướng nói về địa vị Phật.

- Nói Phước tướng nói về ở giai vị nhân.

Ngài Thiên Thân nói rằng: Dưới đây là ngăn dị nghi, trước nói Như lai chẳng phải có tướng. Nếu vậy theo Đức Thích-ca vì sao xưng là Phật mà được Bồ-đề, vì chúng sinh mà nói pháp, nói pháp là gạn hữu tướng, chứng giác chẳng phải nói của vô tướng, tức là trong đây muốn được trí tướng. Đức Như lai chẳng phải tướng hữu vi, nay khuyến khích mình tu, mong có chứng nói, chứng nói trí tướng, làm sao đạt được, sinh tâm ưa thích kia, nên nói là muốn được thân trí tướng. Thân trí tướng có hai:

- 1- Trí tự lợi, tức Bồ-đề.
- 2- Trí lợi tha, tức nói pháp.

Bồ-đề có hai:

1. Đạo năng chứng, đây gọi là Đắc, là có khả năng chứng được thể của Đạo để.

2. Sở chứng diệt, đây gọi là Bồ-đề, là chỗ chứng đắc thể để của diệt, không có Bồ-đề, hai cái chứng thể vô tướng không thành, đã có nói pháp, hai lợi có tướng đầu tiên đã nói. Hành là ham cầu trí chứng. Sở dĩ khuyến khích tu, nghe chứng thân vô tướng, nghi chúng sinh nương thân ấy muốn được phá nghi, thuận với điều ham muốn kia, nên nêu ra ở sau văn kinh.

Chia làm hai:

- Hỏi.
- Đáp:

Giải thích trong câu hỏi có hai.

1-Y theo nghĩa. 2- nói về tướng.

Bồ-đề nội chứng, mà không chấp bên ngoài, nay đã dịch năng chứng Chánh giác, sở chứng Bồ-đề, ngoài chấp thật có, năng chấp sở chấp, cho nên chỗ đối trị là y theo nghĩa, do nội chứng, này nên không thiếu pháp Như lai để nói, có thể nói có thể chứng là sở chấp, năng chấp

sở chấp đều là sở đối trị. A-nậu-Bồ-đề, đây là nói tướng, năng đắc sở đắc cùng tột chân giác, đều thuộc ở đây, đến quyển sau giải thích, là trong Chánh giác nói lên đầy theo đủ.

Không có pháp nhất định ở sau sẽ giải thích đáp, văn chia làm ba.

Là giải thích đáp chung văn là nhiếp trì, giải thích đầu tiên, vì sao an lập, giải thích thứ hai vì sao ở sau là hiển bày theo văn đầu tiên có ba.

Giải thích vì sao có văn Thượng tọa Thiện Hiện nói về Phật tâm.

Nói rõ nguyện mong muốn Bồ-đề là sở chứng, diệt được chứng đạo.

Luận Trí Độ chép: Nói trí và trí xứ, đều gọi là Bát-nhã. Trong kinh giải thích Thâm Mật nói: Bồ-đề, Bồ-đề dứt đều gọi là Bồ-đề, do thế tục đế phương tiện dẫn dắt, nói có giai vị đế, nên nói Bồ-đề. Cho nên Du-già chép, nếu Thắng Nghĩa Đế đã lập thành đế, thì cần gì nói an lập làm Đế ư? Vì làm phương tiện sau khi chứng đắc, chính là đồng với ở đây. Nếu như lời Phật, trong Thắng nghĩa đế, thì cả hai đều chẳng thật có, luận ấy lại hỏi. Nếu an lập đế đã lập là đế, thì cần gì lại nói phi an lập đế, nếu không như vậy, đã được tịnh lự thứ tư của thế gian, nên dứt hai chấp, thời gian sau lẽ ra hai chấp không khởi, rộng như ở trên nói, chính đồng với ở đây.

Chỉ cho kinh thành, kinh chép. Vì sao Đức Như lai nói pháp, v.v... ở sau giải thích đầu tiên vì sao, đây là an lập chia làm ba.

- Điều thuộc về kinh.

- Kế là giải thích phòng nạn.

Giải thích nạn văn đầu tiên rất dễ hiểu.

Luận do ngài Thiên Thân dịch chép: Ứng hóa chẳng phải chân Phật thật, v.v... Phật có ba loại là pháp, Báo và Hóa. Đức Thích-ca Như lai là hóa thân, Phật không chứng Bồ-đề, cũng không nói pháp, cho nên không có thật pháp để chấp, để nói. Trong Thắng Nghĩa Đế không có chấp để nói, như ngài Vô Cấu Xưng hỏi ngài Di-lặc rằng: Do nói pháp cho nên ở sau giải thích phòng nạn, nghĩa là có vấn đề hỏi rằng. Vì sao kinh chép pháp do Phật nói không thể chấp nói, không thể nói chỗ chứng hiểu biết các pháp của Phật đều không thể chấp nói?

Nay giải thích rằng: Từ bên ngoài nói pháp sâu mầu khó lường, biết bên trong được giác, chỉ đối với việc nói pháp, an lập đệ nhất nghĩa, y theo kinh Năng Đoạn. Bên nói pháp sở chứng, sở nói pháp suy nghĩ theo của Như lai, không hề có ngăn ngại, các bản chỉ nói “Pháp

mà Phật nói” không có gì khác. Nếu theo kinh Năng Đoạn , các nghĩa đầy theo đủ, thân sở chứng, lời sở nói , ý sở tư duy, pháp mà ba nghiệp noi theo , đều không thể chấp nói. Văn luận trong đây, nên nói do nói pháp, v.v... ngoài ba nghiệp cao quý biết bên trong được Bồ-đề, do đối với ba nghiệp nói pháp lợi sinh rất cao quý, trong luận có nói riêng, luận của ngài Thiên Thân nói vì sao chỉ có lời nói mà không nói chứng. Có lời nói, thì thành chứng nghĩa. Nếu không chứng, thì không thể nói, do ngoài nói pháp thì phải, biết nội chứng, như nhập tam-muội Vô Lượng Nghĩa Xứ mới nói kinh Pháp Hoa. Tức trong có chứng, bên ngoài có thể nói pháp, xen nhau nêu bày, chánh đồng với ở đây, ở trong không khả năng chấp. Là chính lúc nghe, đây là ở tiếng. Không thể nói, là lúc giảng nói, ở đây nói, hễ nói pháp, thì không nói không chỉ bày, hễ nghe pháp, thì không nghe không đắc, pháp đều không thể như chấp như nói, chẳng phải pháp là tánh phân biệt, tánh phân biệt là chấp khắp sở chấp, thể tánh đều không, luống đối sở chấp, pháp là chân lý, kia chẳng phải chân lý, nên gọi là chẳng phải pháp, nên nói là chẳng phải pháp, gọi là phân biệt tánh, chẳng phải chẳng phải pháp, vì pháp vô ngã, pháp vô ngã tánh, đạo lý là có, tức chẳng phải luống đối có, gọi là chẳng phải chẳng phải pháp, luống đối sở chấp gọi là Chẳng phải pháp. Luận do ngài Thiên Thân dịch chép: pháp không hai, chấp không, là tướng nói năng, nhân nghe không chấp pháp, không chấp chẳng phải pháp. Nói pháp: cũng là không nói pháp chẳng phải pháp. Vì sao? Pháp ấy chẳng phải pháp chẳng phải chẳng phải pháp, nói theo nghĩa chân như thì, đây gọi là an lập. Chẳng phải pháp: Vì tất cả pháp không có tự thể, khắp chấp, sở chấp đều không có tự thể, chẳng phải chẳng phải pháp, chân như kia không có tướng ngã thật có.

Trong kinh chép : Vì sao dùng vô vi, v.v... trở xuống là , giải thích vì sao thứ hai; do là hiển bày theo chia làm hai.

- Giải thích kinh.

- Phát sinh trở xuống các văn kinh đều giải thích lý do vô vi được gọi là bậc Thánh.

- Trong văn đầu tiên . giải thích tích nghĩa vô vi.

- Sau giải thích tất cả nghĩa bậc Thánh. Vô vi: Là nghĩa vô phân biệt, gọi là bất sinh bất diệt trạch diệt chân như, gọi là nghĩa vô phân biệt. Nghĩa là nghĩa lý, đây là giải thích nghĩa vô vi, cho nên Bồ-tát Hữu học được tên gọi, phần chứng chân như vì còn có tu, trong cái không khởi không tạo tác. Như lai chuyển y, gọi là thanh tịnh, cho nên Như lai Vô học có tên, đây là chân như lý thể vô sinh của nên không

khởi, không tạo tác. Đối với lý này Như lai đã bỏ pháp hữu cấu chướng, gọi là chuyển y, lìa nhớ thanh tịnh, cho nên Như lai Vô học đặt tên. Vì không có chỗ tu. Đây là giải thích tất cả bậc Thánh.

Kinh Năng Đoạn chép: Do các bậc Thánh Hiền đều là sở hiển của vô vi, do chứng vô vi có phần đầy theo đủ. Luận do ngài Thiên Thân chép: Câu này nói về nghĩa gì? pháp ấy là nói nhân, do các bậc Thánh đều nội chứng chân như, chân như lý mẫu không thể chấp nói, vì thuận theo chân như. Nói là Như lai không nói, không chỉ bày theo nghe: Bồ-tát không nghe không chấp, đây là sở nhân vừa nói lên bậc Thánh như sở chứng kia còn không thể nói, hướng chỉ nhân nghe mà được chấp. Do chân như kia lìa sự nói năng, không thể nói sự. Vì sao? Không nói mà Đức Phật nói tất cả bậc Thánh, vì các bậc Thánh, đều y theo chân như thanh tịnh mà được tên gọi. Đức Như lai đầy theo đủ thanh tịnh, Bồ-tát như phần thanh tịnh, ở đây đồng với ở trước, nói Bồ-tát được gọi là Hữu học, đối với chân như, là phân thanh tịnh, y Luận này mà nói đây, ban đầu là nghĩa vô vi. Tam Ma Bát Đề tương ưng hiển rõ. Ở đây phối hợp với năm nghĩa, do ở giai vị nhân còn có định tán phát sinh lỗi lầm. Do tu định trên để chứng vô vi chiết phục tán vị. Cho nên vô vi đầu tiên gọi là Đăng thức nhiếp phục lúc tán.

Thứ hai Đức Như lai vô học được tên, ở trong chân như, đầy theo đủ thanh tịnh, chỉ ở trong thắng nghĩa quả Phật Vô Thượng Giác, chẳng phải tu Đăng chí là nhiếp phục tâm, Đăng chí nhiếp tâm, đều ở giai đoạn nhân, vì chẳng phải địa vị cực quả.

Từ đây về sau tất cả bình đẳng trong trụ xứ: Phát sinh ở văn kinh. Các văn kinh sau đều giải thích vô vi, được gọi là lý do của bậc Thánh. Các trụ xứ tên tuy nói vô vi, nhưng chưa nói bậc Thánh, là vô vi đặt tên, vì ở đây mà nói. Ở địa vị Phật, đặt tên vô vi, là nói ý ở đây, nhân còn chưa rõ, ở sau sẽ nói lên, ở sau giải thích muốn được tướng Pháp thân. Trước nói các pháp không thể nói tất cả bậc Thánh có tên là vô vi, trì kinh và nói pháp lẽ ra không có Phước, vì ưa thích Phước kia, gọi là muốn được.

Ngài Thiên Thân giải thích nhiếp phục nghi rằng, tuy không thể lấy nói mà bất không. Tuy ở giai đoạn nhân giữ giới nói pháp, có công năng thể sinh ra thân Phước tướng, ở Địa tiền mới sinh giai vị.

Văn chia làm hai:

- Hỏi chung, đáp giải thích vì sao có văn.
- Giải thích riêng.

Trong phần đầu trước là hỏi sau là đáp, do ở nhân vị và thọ trì

pháp và nói một bài kệ bốn câu, Phước sinh rất nhiều, hưởng chi ở quả vị, đã đến được, được nhiều Phước tướng Pháp thân, trong nhân có trí, trí kém Phước mạnh, có Phước quả Phật, do trì đặt tên, Phật chỉ gọi là trí tướng, nhân chỉ gọi là Phước tướng, chẳng phải nhân quả không có Phước trí. giải thích Riêng trong văn kinh chia làm ba:

- Hỏi
- Đáp.
- Kết.

Trong luận cũng có ba:

- Trong phần giải thích kết, đưa ra các lời nói.
- Phối hợp với năm nghĩa.

Giải thích nghĩa khó.

Trong giải kết có hai:

- Hỏi.
- Đáp:

Pháp của nói năng, thỉnh gọi là thể, thật chẳng phải Pháp thân. Vì sao ở đây chẳng phải trong Pháp thân. Nói sinh ra Phước, đây là ý hỏi, một bài kệ bốn câu có nhiều giải thích khác nhau, ở trên nói các chấp sẽ là chánh tông mà kinh nói, nghĩa nói về đây theo đủ, gọi là câu, nói nghĩa bốn câu không nhất định chữ số, đều thành một bài kệ, một câu ngắn ba bốn chữ, một câu dài bảy đến chín chữ câu, không dài không ngắn là, năm chữ, Phạm bản, không dài ngắn là A-Nậu-sất-Đà-Thế-đa tức sáu chữ, nhiều nhất là ba mươi hai chữ, ít nhất là tám chữ, trở xuống gọi là một câu, vì Hán văn không nhất định. Trong lời đáp thì A-Nậu-Bồ-đề xuất xứ từ đây. Nhưng nói chân như gọi là Vô Thượng Giác, trong kinh đây đều gom nhóm mười pháp hạnh, hạnh A-hàm là ? mười hạnh, có nói trong luận Biện luận trung Biên:

1. Biên chép.
2. Cúng dường
3. Chỉ bày theo cho người khác.
4. Lắng nghe.
5. Mở đọc.
6. Thọ trì.
7. Giảng nói.
8. Phúng tụng.
9. Suy theo nghĩ.
10. Tu tập.

Tám hạnh đầu là văn tuệ, một hạnh kế là tư tuệ. pháp còn lại là

tu tuệ. trong kinh này, khắp đều chứa nhóm. Lại có mười hạnh tự lợi, kinh chép thọ trì, vì đều đủ chứa nhóm mười hạnh lợi tha, trong kinh trình bày theo giảng nói, cũng đã chứa nhóm, đã trợ giúp nhau không đâu chẳng cùng tận, nhưng chỉ nêu giữ giới và nói pháp. A-hàm: là A-Cập-ma. Kinh giáo này là do Chư Phật mười phương ba đời cùng nhau truyền nói, tức kinh này nói về mười phương ba đời Chư Phật truyền nói mười hạnh có công năng ra Pháp thân của Chư Phật, đây là nương theo Đệ Nhất Nghĩa Đế, nói về Pháp thân, Chư Phật Thế tôn từ đây phát sinh, đối với thân báo thân hóa Bồ-đề Chánh Giác, đây là y theo Thế Đế phát sinh Báo Hóa, nói về lý mẫu, sinh ra chân trì, Báo thân Pháp thân đã thành. Ngoài Báo Hóa này đầy theo đủ, nhưng hỏi là ba món nhân của Pháp thân, đây theo đủ quả ba lần đáp nói ba lần hỏi, tùy thứ lớp để nói về Pháp thân, nên nói kinh này, là mẹ của Chư Phật, do hai việc này, nên gọi là Phật pháp Phật pháp, vô vi Bồ-đề, chấp Phật hữu vi, hai pháp khác nhau, nêu nói hai lần chữ Phật pháp.

Luận do ngài Thiên Thân dịch chép rằng: Đối với thật là liễu nhân, cũng là nhân sinh ra thứ khác, vì Duy nhất là Chư Phật. Nói Phật pháp tức là Phật pháp này, người khác thì không được, vì không cùng nghĩa, nói tức là phi Phật pháp, cho nên chẳng phải Đệ nhất. Lại kể ở sau phối hợp với năm nghĩa trong kinh.

Vô Lượng A Tăng-Kỳ: Trong kinh Hoa Nghiêm phẩm Tâm Vương Bồ-tát Văn-A-Tăng-Kỳ thứ bốn mươi lăm, nói có một trăm hai mươi hai số, không có năm số, một, mười, trăm, ngàn, muôn, lấy trăm ngàn làm đầu, trăm ngàn, trăm ngàn gọi là một Câu-lê, như vậy theo tính gấp bội đến thứ một trăm lẻ hai lần, gọi là A-Tăng-Kỳ, thứ một trăm mười sáu gọi là vô lượng. Vô lượng a-tăng-kỳ, tức là do vô lượng số a-tăng-kỳ, trong phần kết nói lại nhóm Phước, do giữ giới nói pháp đối với kinh, là một nhóm Phước, bố thí bảy theo sáu đây khắp Đại thiên thế giới, là một nhóm Phước vì đều là hai Phước. Nói lại nhóm Phước đức, tức chẳng phải nhóm Phước.

Ngài Thiên Thân nói: Phước bất thú Bồ-đề, hai thứ năng thú Bồ-đề, Phước bố thí bất thú Bồ-đề, đều là quả thế gian. Giữ giới nói pháp Phước nhóm. Năng thú Bồ-đề, là Phước giữ giới nói pháp, bố thí kia cao quý chẳng phải Phước thú hưởng Bồ-đề, nên nói lặp lại, Phước đức bố thí, tức chẳng phải Phước đức thú hưởng Bồ-đề, sau lại đều kết Phước đức nhóm Phước đức.

Trong kinh Năng Đoạn đầu tiên lặp lại hai Phước, kể là chẳng phải riêng một Phước bố thí, sau đều kết hai Phước, Phật pháp cũng vậy,

nhưng thế tục nói Phước đức Phước đức , Phật cũng như vậy, trong các kinh, thường giảng nói Phước đức Phước đức , nay lập lại nhóm Phước đức thường nói, cũng kết như vậy, nhưng chẳng phải an lập riêng nghĩa cao quý. Phước bố thí, bất thú hưởng Bồ-đề, gọi là đệ nhất nghĩa, đây chẳng phải Hồi hướng bố thí, không tạo ra nhân Bồ-đề.

Ngài Thiên Thân lại nói: nhóm có hai thứ:

1. Chứa nhóm, như gánh nặng 2/tiểu thú, như gồm thâu tính chất, bố thí như gánh nặng, nên gọi là nhóm. Không có nghĩa gồm thâu tính chất, giữ giới giảng nói như gồm thâu tính chất, đặt tên là nhóm Phước. Như ở đời gồm thâu tính chất thường đem đến lợi ích.

Cho nên trong luận Câu Xá chép: -mật uẩn của ông trở lại ta sẽ cho ông, là nghĩa thâu chất, nói về dễ hiểu, cho nên không giải thích lại, bỏ tâm phân biệt, gọi là định tương ứng, và nhiếp tán. Ở dưới giải thích nghĩa khó rất nhiều, Bà-già Bà tức là A kinh chép pháp. Lại nói rất nhiều Tu-già-tha, đầu tiên Đức Thế tôn nói rất nhiều, vì nói nhiếp tâm, để nhiếp tự tâm không tán loạn, tức nói về tự lợi, nên nói thọ trì một bài kệ bốn câu, sau nói rất nhiều thiện thế, là nói giữ tâm, giúp giữ tâm họ không tán loạn theo bên ngoài, nên nói giảng nói cho họ nghe, giải thích câu vị, tức là vẫn nói về danh cú, như hợp với lời nói cốt yếu, muốn nói về giữ giới nói pháp hai nhóm Phước cao quý, từ nay giúp họ đối với kinh, nhiếp tâm giữ tâm, chuyên ý cầu học, không có tán loạn. Do hai luận này và ba kinh của ngài Chân đế, Lưu-chi, La-thập chỉ thọ trì giảng nói, nên ở đây thuộc về phải giữ tâm, nhiếp tâm.

Kinh Năng Đoạn chép: Có năm thứ pháp, nếu có nhân thiện nam hoặc thiện nữ đối với pháp môn này, dù chỉ bốn câu già- đà mà.

1. Thọ trì.
2. Đọc.
3. tụng.
4. Giảng nói cho nhân nghe.
5. Đúng như lý tác ý, khác với các bản.

Ba cái đầu là tự lợi hai cái sau là lợi tha, giúp cho họ đối với kinh này đúng như lý mà tác ý, chắp có mười hạnh lược nói hai năm các kinh bản tụng, các kinh khác nhau, không nên hòa hợp. Cũng còn các bản nói bốn ngã chắp kinh, Năng Đoạn nói chín, luận chỉ giải thích một bản sơ lược, không giải thích rộng. Nói Vô Lượng A-Tăng-Kỳ như trước đã giải thích .

Luận Kim cương Bát-nhã hội thích , quyển thượng hết.